

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN LÂM NGHIỆP
Ban quản lý dự án Trung ương (NPMU) dự án Quản lý rừng bền vững
và đa dạng sinh học nhằm giảm phát thải CO₂ (KfW8)

Khoản tài trợ số: BMZ No. 2011 66 222; No. 2013 70 238

HỒ SƠ MỜI THẦU

MUA SẮM HÀNG HÓA

Tên gói thầu:	Mua xe ô tô cho dự án
Số hiệu gói thầu:	03HH-KfW8-NPMU
Bên mua:	Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp – Ban quản lý dự án Trung ương (NPMU) dự án Quản lý rừng bền vững và đa dạng sinh học nhằm giảm phát thải CO ₂ (KfW8)
Quốc gia:	Việt Nam
Phương pháp mua sắm:	Đấu thầu rộng rãi quốc tế (ICB), “Một giai đoạn hai túi hồ sơ”.

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2018

GIÁM ĐỐC NPMU DỰ ÁN KFW8

Mục lục

PHẦN 1 – Các thủ tục đấu thầu

Chương I.	Hướng dẫn cho các nhà thầu	3
Chương II.	Bảng dữ liệu thầu.....	34
Chương III.	Tiêu chuẩn đánh giá và năng lực	39
Chương IV.	Các mẫu biểu dùng trong hồ sơ dự thầu	48
Chương V.	Các quốc gia hợp lệ	67

PHẦN 2 – Các yêu cầu cung cấp

Chương VI.	Lịch biểu cung cấp	68
------------	--------------------------	----

PHẦN 3 – Các điều kiện của Hợp đồng và các mẫu biểu của Hợp đồng

Chương VII.	Các điều kiện chung của Hợp đồng.....	88
Chương VIII.	Các điều kiện cụ thể của Hợp đồng.....	108
Chương IX.	Các mẫu biểu của Hợp đồng.....	113

PHẦN 1 – Các thủ tục đấu thầu**Chương I. Hướng dẫn cho các nhà thầu****Mục lục**

A.	Giới thiệu chung.....	8
1.	Phạm vi đấu thầu.....	8
2.	Nguồn vốn.....	8
3.	Hành vi gian lận tham nhũng.....	8
4.	Các nhà thầu hợp lệ.....	10
5.	Các vật tư, thiết bị và dịch vụ hợp lệ.....	12
B.	Nội dung của Hồ sơ mời thầu.....	12
6.	Các phần của Hồ sơ mời thầu.....	12
7.	Giải thích rõ Hồ sơ mời thầu.....	13
8.	Sửa đổi Hồ sơ mời thầu.....	13
C.	Chuẩn bị Hồ sơ dự thầu.....	14
9.	Chi phí đấu thầu.....	14
10.	Ngôn ngữ đấu thầu.....	14
11.	Các tài liệu cấu thành Hồ sơ dự thầu.....	14
12.	Đơn dự thầu và Bảng chào giá.....	15
13.	Các hồ sơ dự thầu thay thế.....	15
14.	Giá thầu và các khoản giảm giá.....	15
15.	Các đơn vị tiền tệ trong Hồ sơ dự thầu.....	17
16.	Các tài liệu chứng minh tính hợp lệ của Nhà thầu.....	18
17.	Các tài liệu chứng minh tính hợp lệ của Hàng hóa và Các Dịch vụ liên quan.....	18
18.	Các tài liệu chứng minh tính phù hợp của Hàng hóa và Các Dịch vụ liên quan so với Hồ sơ mời thầu.....	18
19.	Các tài liệu chứng minh năng lực của Nhà thầu.....	19
20.	Thời hạn hiệu lực của Hồ sơ dự thầu.....	19

21.	Bảo đảm dự thầu.....	19
22.	Hình thức và ký Hồ sơ dự thầu.....	21
D.	Nộp Hồ sơ dự thầu và mở thầu	22
23.	Niêm phong và dán nhãn Hồ sơ dự thầu	22
24.	Hạn chót nộp Hồ sơ dự thầu	23
25.	Các Hồ sơ dự thầu nộp muộn	23
26.	Rút Hồ sơ dự thầu, thay thế và sửa đổi Hồ sơ dự thầu	23
27.	Mở thầu	23
E.	Đánh giá và so sánh các Hồ sơ dự thầu	26
28.	Tính bảo mật.....	26
29.	Giải thích rõ Hồ sơ dự thầu	26
30.	Các sai lệch, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung trong Hồ sơ dự thầu	27
31.	Kiểm tra HSDXKT.....	27
32.	Sự đáp ứng của HSDXKT	27
33.	Những điểm không phù hợp trong Hồ sơ dự thầu	28
34.	Năng lực của nhà thầu	28
35.	Đánh giá HSDXTC.....	29
36.	Sửa lỗi số học	29
37.	Chuyển đổi sang một đơn vị tiền tệ duy nhất	30
38.	Biên độ ưu đãi	30
39.	Đánh giá HSDXTC.....	30
40.	So sánh các Hồ sơ dự thầu.....	31
41.	Quyền của Bên mua chấp nhận bất kỳ Hồ sơ dự thầu nào, và từ chối bất kỳ hay tất cả Hồ sơ dự thầu	31
F.	Trao Hợp đồng.....	31
42.	Các tiêu chí trao Hợp đồng.....	31
43.	Quyền của Bên mua thay đổi các khối lượng tại thời điểm trao Hợp đồng	31
44.	Thông báo trao Hợp đồng.....	32
45.	Ký hợp đồng	32

46. Bảo đảm thực hiện 32

THƯ MỜI THẦU

Ngày: 20/6/2018

Khoản tài trợ số: BMZ No. 2011 66 222;
No. 2013 70 238

Tên gói thầu: Mua xe ô tô cho dự án

Gói số: 03HH-KfW8-NPMU

1. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhận được nguồn vốn tài trợ từ Ngân hàng Tái thiết Đức (KfW) cho dự án Quản lý rừng bền vững và đa dạng sinh học nhằm giảm phát thải CO₂ (KfW8). Ban quản lý các dự án lâm nghiệp - Ban quản lý dự án KfW8 Trung ương dự kiến sử dụng một phần của khoản vốn tài trợ này để thanh toán các khoản hợp lệ của hợp đồng theo như Thư mời thầu này.

2. Ban quản lý các dự án lâm nghiệp – Ban quản lý dự án KfW8 Trung ương mời các nhà thầu hợp lệ tham gia đấu thầu gói thầu: “Mua xe ô tô cho dự án”.

3. Gói thầu được thực hiện thông qua hình thức lựa chọn nhà thầu “Đấu thầu cạnh tranh quốc tế” sẽ được tiến hành phù hợp với thủ tục đấu thầu “Một giai đoạn, hai túi hồ sơ” của KfW và được mở cho tất cả các nhà thầu có tư cách pháp nhân hợp lệ.

4. Các nhà thầu hợp lệ có quan tâm có thể tìm hiểu thêm thông tin chi tiết và mua Hồ sơ mời thầu (HSMT) tại địa chỉ được nêu dưới đây:

Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp - Ban quản lý dự án KfW8 Trung ương

Địa chỉ: Phòng 603 tầng 6 tòa nhà số 2, khu liên cơ Bộ Nông nghiệp và PTNT, số 16 Thụy Khuê quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Telephone: 84-24-37286237

Fax: 84-24-37286236

Thời gian: Sáng từ 8 giờ đến 12 giờ và Chiều từ 13 giờ đến 17 giờ trong ngày làm việc.

5. Các nhà thầu có thể mua Hồ sơ mời thầu bằng tiếng Anh và Tiếng Việt từ 08 giờ 00 phút ngày 20 tháng 6 năm 2018 với một khoản lệ phí không hoàn lại là 2.200.000 đồng/bộ (*Hai triệu, hai trăm nghìn đồng chẵn*) tại địa chỉ nêu trên.

6. Hồ sơ dự thầu sẽ phải được nộp trong phong bì được niêm phong tại địa chỉ nêu trên trước 10 giờ 00 phút ngày 03 tháng 8 năm 2018 và phải kèm theo Bảo đảm dự thầu như đã nêu trong Hồ sơ mời thầu. Các Hồ sơ dự thầu nộp muộn sẽ bị loại. Các Hồ sơ đề xuất kỹ thuật sẽ được mở công khai với sự có mặt của đại diện các nhà thầu muốn tham dự vào 10 giờ 10 phút ngày 03 tháng 8 năm 2018 tại địa chỉ nêu trên.

7. Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp – Ban quản lý dự án KfW8 Trung ương sẽ không chịu trách nhiệm về mọi phí tổn liên quan đến việc chuẩn bị và giao nộp Hồ sơ dự thầu của nhà thầu.

GIÁM ĐỐC DỰ ÁN KFW8

Nguyễn Trường Giang

A. Giới thiệu chung

1. **Phạm vi đấu thầu**
 - 1.1 Bên mua, như nêu trong Bảng dữ liệu đấu thầu (BDS) phát hành bộ Hồ sơ mời thầu này để mua sắm/đấu thầu cung cấp Hàng hóa và dịch vụ liên quan như nêu trong Chương VI, Lịch biểu cung cấp theo Hướng dẫn KfW về mua sắm hàng hóa, các công trình và các dịch vụ liên quan trong hợp tác tài chính với các nước đối tác. Tên, số hiệu và số lượng các hợp đồng trong lần đấu thầu này sẽ được mô tả trong BDS.
 - 1.2 Trong Hồ sơ mời thầu này:
 - (a) Thuật ngữ “bằng văn bản” có nghĩa là trao đổi thông tin bằng văn bản và chuyển giao văn bản có chứng nhận;
 - (b) Ngoại trừ các trường hợp có yêu cầu cụ thể, nếu không thì các từ để ở số ít cũng bao hàm nghĩa số nhiều, và ngược lại các từ để ở số nhiều cũng bao hàm nghĩa số ít; và
 - (c) “ngày” được hiểu là ngày dương lịch.
2. **Nguồn vốn**
 - 2.1 Bên vay hoặc Bên nhận tài trợ (sau đây gọi là “Bên nhận tài trợ”) được nêu tên trong BDS đã được nhận một nguồn tài chính (sau đây gọi là “vốn tài trợ”) của Ngân hàng Tái thiết Đức (sau đây gọi là “KfW”) để chi trả cho các chi phí của dự án được nêu tên trong BDS. Bên vay dự định dùng một phần vốn tài trợ này để thanh toán cho các khoản chi hợp lệ thuộc (các) hợp đồng được đấu thầu trên cơ sở Hồ sơ mời thầu này.
 - 2.2 KfW sẽ chỉ thanh toán các chi phí khi có yêu cầu của Bên nhận tài trợ và khi KfW đã duyệt các chi phí này theo các điều khoản và điều kiện của hiệp định tài chính giữa Bên nhận tài trợ và KfW (sau đây gọi là Hiệp định tài chính), và sẽ phải tuân theo về mọi khía cạnh những điều khoản và điều kiện của Hiệp định tài chính đó. Không bên nào khác, ngoại trừ Bên nhận tài trợ, có bất cứ quyền hạn gì từ Hiệp định tài chính hoặc đòi hỏi khoản tài trợ.
3. **Hành vi gian lận tham nhũng**
 - 3.1 Chính sách chống tham nhũng của KfW yêu cầu Bên nhận tài trợ (bao gồm những bên thụ hưởng từ hoạt động KfW tài trợ) cũng như các đơn vị dự thầu, nhà cung cấp và nhà thầu trong các hợp đồng do KfW tài trợ phải tôn trọng những tiêu chuẩn đạo đức cao nhất trong quá trình mua sắm và thực hiện các hợp đồng đó. Theo chính sách này, KfW sẽ:

- (a) định nghĩa những thuật ngữ dưới đây vì mục đích của điều khoản này như sau:
- (i) “hành động tham nhũng” là tặng, cho, nhận hoặc đòi hỏi, trực tiếp hay gián tiếp, bất cứ tài sản có giá trị làm ảnh hưởng bất lợi tới các hành động của bên kia;
 - (ii) “hành động gian lận” là bất kỳ hành động trình bày sai sự thật hoặc bỏ qua sự thật, mà cố ý hay vô tình làm sai lệch, hoặc có chủ ý làm sai lệch một bên liên quan để có lợi về tài chính hoặc lợi ích khác, hoặc để né tránh trách nhiệm;
 - (iii) “hành động cưỡng bức” là làm thiệt hại, hoặc đe dọa làm thiệt hại thiệt hại, trực tiếp hay gián tiếp, các cá nhân hoặc tài sản của họ để ảnh hưởng đến sự tham gia của họ trong quá trình mua sắm, hoặc ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng;
 - (iv) “hành động thông đồng” có nghĩa là một thoả thuận giữa hai hoặc nhiều bên nhằm đạt được mục tiêu không đúng đắn, kể cả việc tác động không đúng đắn đến hành động của một bên liên quan khác.
 - (v) "Cố tình làm khó" nghĩa là (a) cố tình phá hoại, làm sai lệch, thay đổi, hoặc che giấu các tài liệu chứng cứ cho một điều tra của KFW; (b) khai man với cơ quan điều tra bằng vật chất để cản trở một cuộc điều tra của KFW; (c) Không thực hiện các yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu, hồ sơ liên quan đến việc điều tra của Văn phòng chống tham nhũng và thanh liêm (OAI); (d) đe dọa, quấy rối, đe dọa hoặc bất kỳ bên nào để ngăn chặn nó được tiết lộ thông tin của mình về các vấn đề có liên quan đến việc điều tra hoặc theo đuổi điều tra; hoặc (e) thực hiện được việc cản trở KFW's quyền theo hợp đồng kiểm toán hoặc tiếp cận thông tin; và
 - (vi) "Sự vi phạm thanh liêm" là bất kỳ hành vi vi phạm chính sách chống tham nhũng của KFW, bao gồm (i) (v) ở trên và sau đây: lạm dụng, xung đột lợi ích, và các vi phạm khác của chính sách chống tham nhũng của KFW, bao gồm cả việc không tuân thủ các tiêu chuẩn đạo đức cao nhất
- (b) Sẽ huỷ bỏ đề nghị trao hợp đồng nếu KFW xác định được rằng nhà thầu được kiến nghị để trao Hợp đồng có hành động tham nhũng hoặc gian lận trong khi cạnh tranh giành Hợp đồng đó;

và

- (c) Sẽ hủy bỏ phần vốn tài trợ cho một hợp đồng nếu vào bất kỳ thời điểm nào KFW xác định rằng đại diện của Bên nhận tài trợ hoặc bên thụ hưởng khoản tài trợ của KFW có tham gia vào các hành động tham nhũng, gian lận, cưỡng bức, thông đồng hoặc cố tình làm khó hoặc sự vi phạm thanh liêm khác trong quá trình mua sắm hoặc thực hiện hợp đồng đó, nếu Bên nhận tài trợ không kịp thời đưa ra các hoạt động khắc phục phù hợp theo yêu cầu của KFW; và
- (d) sẽ có quyền yêu cầu một điều khoản được đưa vào hồ sơ mời thầu và hợp đồng tài trợ của KFW, đòi hỏi nhà thầu, nhà cung cấp và nhà thầu để cho phép KFW hoặc người đại diện của mình để kiểm tra tài khoản và hồ sơ của họ và các tài liệu khác liên quan đến việc nộp thầu và thực hiện hợp đồng và đã cho họ được kiểm toán bởi kiểm toán viên do KFW bổ nhiệm.

3.2 Ngoài ra, các nhà thầu dự thầu cần phải biết các quy định trong điều 3.2 và 35.1 (c) của Các điều kiện chung của Hợp đồng (GCC).

4. Các nhà thầu hợp lệ

4.1 Nhà thầu dự thầu có thể là một cá nhân, một tổ chức tư nhân hoặc một tổ chức nhà nước – tùy theo quy định ITB 4.5 – hoặc bất kỳ một hình thức kết hợp nào giữa các thực thể nói trên để hình thành một liên danh (JV) theo thỏa thuận đã có, hoặc dự kiến thành lập một liên danh hợp pháp. Trong trường hợp liên danh thì:

- (a) Tất cả các bên trong liên danh sẽ chịu trách nhiệm tập thể và trách nhiệm riêng rẽ đối với việc thực hiện Hợp đồng theo các điều khoản của Hợp đồng,
- (b) Liên danh sẽ bổ nhiệm một đại diện có quyền tiến hành tất cả các hoạt động vì lợi ích và thay mặt cho từng bên và tất cả các bên của liên danh trong quá trình đấu thầu, và thực hiện hợp đồng nếu liên danh được trao hợp đồng.

4.2 Nhà thầu dự thầu, và tất cả các bên hợp thành nhà thầu dự thầu, phải mang quốc tịch của một quốc gia hợp lệ theo Chương 5 (Các quốc gia hợp lệ). Nhà thầu dự thầu được coi là mang quốc tịch của một quốc gia nếu như Nhà thầu là công dân của quốc gia đó, hoặc được thành lập hay sáp nhập, và hoạt động theo các quy định luật pháp của quốc gia đó. Tiêu chí này cũng sẽ được áp dụng để xác định quốc tịch của các nhà thầu phụ hoặc nhà cung cấp được dự kiến thực hiện bất kỳ phần việc nào thuộc Hợp đồng bao gồm các dịch vụ liên quan.

- 4.3 Một nhà thầu không có xung đột về quyền lợi. Tất cả các nhà thầu dự thầu được phát hiện là có mâu thuẫn quyền lợi sẽ bị loại. Một nhà thầu dự thầu bị coi là có mâu thuẫn quyền lợi với một hoặc nhiều bên khác trong quá trình đấu thầu nếu, bao gồm nhưng không hạn chế:
- (a) Có chung các đối tác có quyền kiểm soát; hoặc là
 - (b) Nhà thầu nhận hoặc đã nhận bất cứ trợ cấp nào trực tiếp hoặc gián tiếp từ bất kỳ bên nào khác (có chung quyền lợi); hoặc là
 - (c) Có chung đại diện hợp pháp trong lần đấu thầu này; hoặc
 - (d) Có quan hệ với nhau, trực tiếp hoặc thông qua các bên thứ ba, dẫn đến việc nhà thầu và (các) bên còn lại tiếp cận thông tin hoặc gây ảnh hưởng đến hồ sơ dự thầu của một nhà thầu khác, hoặc gây ảnh hưởng đến quyết định của Chủ đầu tư về quá trình đấu thầu này; hoặc
 - (e) Một nhà thầu tham gia vào nhiều hơn một hồ sơ dự thầu trong quá trình đấu thầu này hoặc riêng lẻ hoặc như một đối tác trong liên danh, trừ hồ sơ thay thế được cho phép theo ITB 13. Điều này sẽ dẫn tới tất cả các hồ sơ dự thầu của các bên mà nhà thầu đó tham gia sẽ bị loại. Tuy nhiên, theo phát hiện bất kỳ một xung đột lợi ích trong các điều khoản của ITB 4.3 (a) - (d) ở trên, điều này không giới hạn đối với sự tham gia của một nhà thầu phụ, không tham gia với tư cách là nhà thầu chính, vào nhiều hơn một hồ sơ dự thầu; hoặc
 - (f) Một nhà thầu dự thầu hoặc bất cứ đơn vị phụ thuộc của nhà thầu đã tham gia làm tư vấn trong quá trình chuẩn bị thiết kế hoặc thông số kỹ thuật cho hợp đồng đang đấu thầu.
 - (g) Một nhà thầu đã được liên kết với một công ty hay tổ chức mà đã thuê (hoặc dự kiến thuê) đối với bên mua hoặc bên vay, như quản lý dự án cho các hợp đồng.
- 4.4 Các doanh nghiệp thuộc sở hữu chính phủ tại quốc gia Bên mua sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có thể chứng minh được rằng (i) doanh nghiệp tự chủ về pháp lý và tài chính, (ii) hoạt động theo luật thương mại và (iii) không phải là đơn vị trực thuộc Bên mua.
- 4.5 Các nhà thầu phải cung cấp bằng chứng xác nhận tư cách hợp lệ của nhà thầu thỏa mãn với Bên mua khi Bên mua có yêu cầu một cách hợp lý.

4.6 Các nhà thầu sẽ bị loại nếu trong trường hợp Bên nhận tài trợ hành động phù hợp với quyết định của Hội đồng Bảo an Liên Hợp quốc theo Chương 7 Hiến chương Liên Hợp quốc dẫn đến quốc gia Bên nhận tài trợ ra lệnh cấm nhập khẩu hàng hóa hoặc ký hợp đồng công trình hoặc dịch vụ tư vấn từ quốc gia đó hoặc cấm thanh toán cho các cá nhân hay tổ chức thuộc quốc gia đó hoặc nếu các nhà thầu đã được đưa vào danh sách khác của lệnh trừng phạt.

5. Các vật tư, thiết bị và dịch vụ hợp lệ

5.1 Tất cả các vật tư, thiết bị và dịch vụ được cung cấp theo Hợp đồng và được KFW tài trợ sẽ phải có xuất xứ từ những quốc gia hợp lệ được quy định tại ITB 4.2 và tất cả các chi phí trong hợp đồng là giới hạn cho những hàng hóa và dịch vụ liên quan trên.

5.2 Nhằm mục đích của Điều khoản này, “vật tư thiết bị” bao gồm hàng hóa, nguyên vật liệu thô, máy móc, trang thiết bị, và các công trình công nghiệp; và “các dịch vụ có liên quan” bao gồm các dịch vụ như bảo hiểm, vận chuyển, lắp đặt, bồi dưỡng tiền hoa hồng, đào tạo, và bảo dưỡng ban đầu.

5.3 “Quốc gia xuất xứ” nghĩa là nơi/quốc gia mà vật tư thiết bị được khai thác, gieo trồng, canh tác, sản xuất, hoặc chế tạo hoặc chế biến; hoặc thông qua một quá trình chế tạo, chế biến hoặc lắp ráp, để tạo ra một sản phẩm được công nhận về mặt thương mại có sự khác biệt đáng kể về những đặc tính cơ bản so với những bộ phận nhập khẩu của nó.

5.4 Quốc tịch của công ty sản xuất, lắp ráp, phân phối, hoặc bán các vật tư thiết bị sẽ không quyết định nguồn gốc xuất xứ của vật tư thiết bị đó.

B. Nội dung của Hồ sơ mời thầu

6. Các phần của Hồ sơ mời thầu

6.1 Hồ sơ mời thầu bao gồm các Phần 1, 2, và 3, trong đó gồm tất cả các Chương như nêu dưới đây, và có hiệu lực kèm theo bất kỳ các Phụ lục sửa đổi bổ sung nào được ban hành theo Điều ITB 8.

PHẦN 1 Các thủ tục đấu thầu

- Chương I. Hướng dẫn cho các nhà thầu (ITB)
- Chương II. Bảng dữ liệu thầu (BDS)
- Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá và năng lực (EQC)
- Chương IV. Các mẫu biểu trong hồ sơ thầu (BDF)

- Chương V. Các quốc gia hợp lệ (ELC)

PHẦN 2 Các yêu cầu cung cấp

- Chương VI. Lịch biểu cung cấp (SS)

PHẦN 3 Các điều kiện của Hợp đồng và Các mẫu biểu của Hợp đồng

- Chương VII. Các điều kiện chung của Hợp đồng (GCC)
- Chương VIII. Các điều kiện cụ thể của Hợp đồng (SCC)
- Chương IX. Các mẫu biểu của Hợp đồng (COF)

- 6.2 Thông báo mời thầu do Bên mua phát hành không phải là một phần của Hồ sơ mời thầu.
- 6.3 Bên mua không chịu trách nhiệm về tính hoàn chỉnh của Hồ sơ mời thầu và các Phụ lục sửa đổi bổ sung, nếu như các tài liệu này không phải do bên mua cung cấp trực tiếp theo ITB.
- 6.4 Nhà thầu cần nghiên cứu tất cả các hướng dẫn, mẫu biểu, thuật ngữ và thông số kỹ thuật trong Hồ sơ mời thầu. Việc không cung cấp được tất cả các thông tin hoặc tài liệu yêu cầu trong Hồ sơ mời thầu có thể khiến cho Hồ sơ dự thầu bị loại.

- 7. Giải thích rõ Hồ sơ mời thầu**
- 7.1 Nhà thầu nào có bất cứ yêu cầu làm rõ Hồ sơ mời thầu thì cần liên hệ với Bên mua bằng văn bản theo địa chỉ của Bên mua đã quy định trong BDS. Bên mua sẽ phản hồi bằng văn bản đối với bất kỳ yêu cầu làm rõ nào, miễn là các yêu cầu đó được chuyển đến Bên mua không muộn hơn 21 (hai mươi một) ngày trước khi hết hạn nộp hồ sơ dự thầu. Bên mua sẽ gửi bản sao văn bản trả lời đến tất cả các nhà thầu đã mua hồ sơ mời thầu trực tiếp, trong đó mô tả rõ nội dung hỏi nhưng không nêu nguồn gốc câu hỏi. Nếu xuất phát từ yêu cầu làm rõ Hồ sơ mời thầu mà Bên mua thấy cần phải sửa đổi, bổ sung Hồ sơ mời thầu thì Bên mua sẽ thực hiện việc này theo các thủ tục trong Điều ITB 8 và ITB 24.2.
- 8. Sửa đổi Hồ sơ mời thầu**
- 8.1 Vào bất kỳ thời điểm nào trước khi hết hạn nộp Hồ sơ dự thầu, Bên mua cũng có thể sửa đổi Hồ sơ mời thầu bằng cách phát hành Phụ lục sửa đổi bổ sung.
- 8.2 Bất kỳ Phụ lục sửa đổi bổ sung nào cũng sẽ là một phần của Hồ sơ mời thầu và sẽ được thông báo bằng văn bản đến tất cả các nhà thầu

đã mua hồ sơ mời thầu trực tiếp từ Bên mua theo Điều ITB 6.3.

- 8.3 Để các nhà thầu có đủ thời gian xem xét Phụ lục sửa đổi bổ sung khi chuẩn bị Hồ sơ dự thầu, Bên mua có quyền kéo dài thời hạn nộp Hồ sơ dự thầu, theo quy định tại Điều ITB 24.2.

C. Chuẩn bị Hồ sơ dự thầu

9. Chi phí đấu thầu

- 9.1 Nhà thầu sẽ chịu mọi chi phí liên quan đến việc chuẩn bị và nộp Hồ sơ dự thầu; và Bên mua sẽ không chịu trách nhiệm hay có nghĩa vụ với các chi phí đó, bất kể quá trình đấu thầu được tiến hành hoặc đem lại kết quả như thế nào.

10. Ngôn ngữ đấu thầu

- 10.1 Hồ sơ dự thầu, cũng như toàn bộ thư từ giao dịch và tài liệu liên quan đến đấu thầu mà Nhà thầu và Bên mua trao đổi với nhau, đều phải được viết bằng ngôn ngữ quy định trong BDS. Các tài liệu bổ sung và tài liệu in ấn khác tạo thành một phần của Hồ sơ dự thầu có thể được viết bằng một ngôn ngữ khác, với điều kiện phải kèm theo bản dịch chính xác sang ngôn ngữ như quy định trong BDS, và trong trường hợp này, bản dịch sẽ có ý nghĩa quyết định khi cần diễn giải nội dung Hồ sơ dự thầu.

11. Các tài liệu cấu thành Hồ sơ dự thầu

- 11.1 Hồ sơ sẽ gồm hai phong bì được nộp cùng một lúc, một phong bì đựng Hồ sơ đề xuất kỹ thuật (HSDXKT) và phong bì còn lại đựng Hồ sơ đề xuất tài chính (HSDXTC), cả hai phong bì cùng được đựng bên trong một phong bì khác..

- 11.2 HSDXKT của nhà thầu bao gồm:

- a) Đơn dự thầu thuộc HSDXKT và Đề xuất về kỹ thuật;
- b) Bảo đảm dự thầu hoặc Tuyên bố cam kết dự thầu, theo Điều ITB 21;
- c) Các HSDXKT thay thế, nếu được phép, theo quy định tại Điều ITB 13;
- d) Văn bản khẳng định ủy quyền ký Hồ sơ dự thầu đại diện cho nhà thầu, theo quy định tại Điều ITB 22;
- e) Các tài liệu theo quy định trong Điều ITB 16 là bằng chứng chứng minh Nhà thầu có đủ tư cách hợp lệ để dự thầu;
- f) Các tài liệu theo quy định trong Điều ITB 17 là bằng chứng chứng minh các Vật tư thiết bị và dịch vụ liên quan do Nhà thầu cung cấp là có nguồn gốc hợp lệ;
- g) Các tài liệu theo quy định trong Điều ITB 18 và 32 là bằng chứng chứng minh các Vật tư thiết bị và dịch vụ liên quan là đáp ứng Hồ sơ mời thầu;

- h) Các tài liệu theo quy định trong Điều ITB 19 là bằng chứng chứng minh năng lực của Nhà thầu để thực hiện hợp đồng nếu Hồ sơ dự thầu của họ được chấp nhận;
- i) Cam kết thực hiện áp dụng theo biểu mẫu Chương IV (Các mẫu biểu trong hồ sơ thầu); và
- j) Bất kỳ tài liệu nào theo như yêu cầu trong BDS.

11.3 HSDXTC do nhà thầu nộp sẽ gồm các nội dung sau:

- k) Đơn dự thầu thuộc HSDXTC, Bảng nộp báo giá gói thầu và biểu giá áp dụng, phù hợp với ITB 12, ITB 14, và ITB 15;
- l) Báo giá gói thầu thay thế tương ứng với HSDXKT thay thế, nếu được phép, phù hợp với ITB 13; và
- m) bất kỳ hồ sơ nào được yêu cầu trong BDS.

12. Đơn dự thầu và Bảng chào giá

12.1 Nhà thầu sẽ phải nộp Đơn dự thầu thuộc HSDXKT và đơn dự thầu thuộc HSDXTC theo mẫu tương ứng quy định trong Chương IV (Các biểu mẫu trong hồ sơ thầu). Mẫu biểu này phải được điền đầy đủ thông tin và không bị sửa đổi phần chữ có sẵn; các mẫu khác thay thế sẽ không được chấp nhận. Tất cả các ô trống phải được điền đầy đủ thông tin cần thiết theo yêu cầu.

12.2 Nhà thầu sẽ nộp Bảng chào giá, như là 1 phần của HSDXTC, cho Hàng hóa và dịch vụ liên quan, tùy theo nguồn gốc phù hợp, sử dụng những mẫu như cung cấp tại Chương IV, Các mẫu biểu trong hồ sơ thầu.

13. Các hồ sơ dự thầu thay thế

13.1 Trừ phi quy định khác trong BDS, các Hồ sơ dự thầu thay thế sẽ không được xem xét.

14. Giá thầu và các khoản giảm giá

14.1 Giá chào thầu và giảm giá mà nhà thầu chào trong Đơn dự thầu thuộc HSDXTC và Bảng chào giá phải tuân thủ các yêu cầu quy định dưới đây.

14.2 Tất cả các hạng mục trong Lịch biểu cung cấp sẽ phải được liệt kê và ghi giá riêng biệt trong các bảng chào giá. Nếu một bảng chào giá thể hiện các hạng mục liệt kê mà không ghi giá, thì giá của chúng sẽ được coi là đã đưa vào giá của các hạng mục khác. Các hạng mục không được liệt kê trong Bảng chào giá sẽ được coi là không có trong Hồ sơ dự thầu, và nếu Hồ sơ dự thầu là đáp ứng, thì giá điều chỉnh tương ứng sẽ được áp dụng theo Điều ITB 33.3

14.3 Giá chào thầu trong Đơn dự thầu thuộc HSDXTC sẽ là tổng giá dự thầu của Hồ sơ dự thầu, không kể các đề nghị giảm giá của nhà thầu. Nếu thiếu tổng giá dự thầu trong Đơn dự thầu thuộc

HSDXTC thì Hồ sơ dự thầu có thể bị loại.

14.4 Nhà thầu sẽ phải nêu bất kỳ đề nghị giảm giá vô điều kiện và phương pháp áp dụng giảm giá trong Đơn dự thầu thuộc HSDXTC.

14.5 Các thuật ngữ EXW, CIF, CIP, và các thuật ngữ tương tự khác sẽ được điều chỉnh bởi các quy định như miêu tả trong phiên bản hiện hành của Incoterms, do Phòng Thương mại và công nghiệp quốc tế phát hành, vào ngày như Thư mời thầu hoặc theo quy định trong BDS.

14.6 Giá được đề xuất trong Mẫu biểu giá hàng hóa và các dịch vụ liên quan sẽ được tách riêng, khi thích hợp, như đã nêu trong điều khoản phụ này. Việc tách riêng này chỉ nhằm mục đích tạo điều kiện thuận lợi khi so sánh các HSDT của nhà thầu. Việc phân tách này, trong mọi trường hợp, sẽ không hạn chế quyền của Bên mua khi ký Hợp đồng theo bất kỳ loại giá nào đã đưa ra.

a) Đối với hàng hóa từ trong quốc gia Bên mua:

- (i) Giá của hàng hóa sẽ được chào là EXW (giá giao tại nhà xưởng, tại nhà máy, tại kho, tại kệ) bao gồm các loại thuế hải quan, thuế bán hàng và các loại thuế khác đã trả hoặc sẽ phải trả cho các bộ phận và nguyên liệu thô để sản xuất và lắp ráp hàng hóa giao tại xưởng, giao tại kho, giao tại nhà máy hay các hàng hóa đã nhập trước đây.
- (ii) Thuế bán hàng và tất cả các loại thuế khác áp dụng tại quốc gia Bên mua và phải trả đối Hàng hóa được chào, nếu Nhà thầu được trao Hợp đồng; và
- (iii) Giá tổng cho hạng mục.

b) Đối với hàng hóa từ ngoài quốc gia Bên mua:

- (i) Giá của hàng hóa sẽ được chào là CIF (tên cảng đến), hoặc CIP (cửa khẩu), hoặc CIP (tên điểm đến), tại Quốc gia Bên mua, như quy định trong BDS;
- (ii) Giá của hàng hóa sẽ được chào là FOB cảng chuyển hàng (hoặc FCA, tùy trường hợp), nếu được quy định tại BDS;
- (iii) Giá tổng cho hạng mục.

c) Đối với Các Dịch vụ liên quan nếu như nêu trong Lịch biểu yêu cầu:

- (i) Chi phí thành phần nêu bằng nội tệ cho từng hạng mục hợp thành Các Dịch vụ liên quan; và
- (ii) Các thành phần bằng ngoại tệ của các dịch vụ liên quan gồm thuế hải quan, thuế bán hàng và các loại thuế tương tự khác được áp dụng tại quốc gia bên mua, phải trả cho các dịch vụ liên quan, nếu Nhà thầu được trao Hợp đồng.

14.7 Giá do Nhà thầu chào sẽ được cố định trong thời gian Nhà thầu thực hiện Hợp đồng và không được thay đổi trong bất kỳ trường hợp nào, trừ phi được quy định trong BDS. Một Hồ sơ dự thầu được nộp với giá chào có thể điều chỉnh thì sẽ được coi là không đạt/không đáp ứng và sẽ bị loại theo điều ITB 32. Tuy nhiên, nếu trong BDS có nêu giá do Nhà thầu chào có thể được điều chỉnh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, thì một Hồ sơ dự thầu được nộp với giá chào cố định sẽ không bị loại, nhưng điều chỉnh giá sẽ được tính bằng không (zero).

14.8 Nếu được nêu trong Mục ITB 1.1, các Nhà thầu sẽ được mời cho các Hợp đồng riêng rẽ (lô) hay kết hợp các Hợp đồng (gói thầu). Trừ khi quy định khác trong BDS, giá chào sẽ phải tương ứng với 100% các hạng mục được nêu cho từng lô và tương ứng với 100% của các khối lượng nêu cho từng hạng mục của một lô. Các nhà thầu muốn đề nghị giảm giá để được nhận nhiều hơn 1 hợp đồng thì phải nêu rõ các đề nghị giảm giá áp dụng theo quy định tại Điều ITB 14.4, với điều kiện các Hồ sơ dự thầu cho tất cả các lô sẽ được nộp và được mở cùng một thời điểm.

15. Các đơn vị tiền tệ trong Hồ sơ dự thầu

15.1 Các giá dự thầu sẽ phải được chào bằng các loại tiền tệ như sau:

- a) Các nhà thầu có thể trình bày giá dự thầu của mình bằng bất kỳ loại tiền tệ nào được tự do chuyển đổi hoàn toàn. Nếu một nhà thầu muốn được thanh toán bằng nhiều loại tiền tệ khác nhau, thì có thể chào giá tương ứng với các loại tiền tệ đó nhưng không được chào nhiều hơn 3 loại tiền tệ ngoài loại tiền tệ của Quốc gia Bên mua.
- b) Nếu một số khoản thanh toán cho Các Dịch vụ liên quan phát sinh tại quốc gia Bên nhận tài trợ, thì các khoản thanh toán đó sẽ phải được trình bày trong Hồ sơ dự thầu và sẽ được thanh toán

bằng loại tiền tệ của Bên mua.

- 16. Các tài liệu chứng minh tính hợp lệ của Nhà thầu**
- 16.1 Để chứng minh cho tính hợp lệ theo Điều ITB 4, các Nhà thầu sẽ cần:
- a) Hoàn thiện những kê khai về tính hợp lệ trong Đơn dự thầu, được nêu trong Chương IV, Các mẫu biểu trong hồ sơ thầu; và
 - b) Nếu Nhà thầu là một Liên danh đã hoặc sẽ được thành lập theo Điều ITB 4.1, thì sẽ cần nộp một bản sao của Thỏa thuận Liên danh, hoặc một thư trình bày ý tưởng dự kiến ký Thỏa thuận Liên danh. Tài liệu này sau đó sẽ được ký bởi tất cả các đại diện được ủy quyền hợp pháp của các bên liên doanh hiện tại hoặc liên danh sẽ được thành lập, tùy trường hợp áp dụng.
- 17. Các tài liệu chứng minh tính hợp lệ của Hàng hóa và Các Dịch vụ liên quan**
- 17.1 Để chứng minh tính hợp lệ của Hàng hóa và Các Dịch vụ liên quan, theo quy định tại ITB 5, các Nhà thầu sẽ phải hoàn thiện bản khai quốc gia xuất xứ trong các mẫu Bảng chào giá, nêu trong Chương IV, Các mẫu biểu trong hồ sơ thầu.
- 18. Các tài liệu chứng minh tính phù hợp của Hàng hóa và Các Dịch vụ liên quan so với Hồ sơ mời thầu**
- 18.1 Để chứng minh tính phù hợp của Hàng hóa và Các Dịch vụ liên quan so với Hồ sơ mời thầu, Nhà thầu sẽ phải hoàn thiện kèm vào HSDXKT tài liệu chứng minh rằng Hàng hóa và Các Dịch vụ liên quan là đáp ứng những yêu cầu như nêu tại Chương VI, Các yêu cầu cung cấp.
- 18.2 Tài liệu chứng minh có thể được lập dưới hình thức văn bản, bản vẽ hoặc dữ liệu, và sẽ phải bao gồm một mô tả chi tiết cho từng hạng mục về những đặc điểm vận hành và đặc điểm kỹ thuật chủ yếu của Hàng hóa và Các Dịch vụ liên quan, thể hiện sự đáp ứng cơ bản của Hàng hóa và Các Dịch vụ liên quan đối với những yêu cầu đó, và tùy trường hợp áp dụng, sẽ là một bản khai về những sai lệch khác biệt và ngoại lệ so với quy định tại Chương VI, Lịch biểu cung cấp.
- 18.3 Các tiêu chuẩn về nhân công, quy trình sản xuất, nguyên vật liệu và trang thiết bị, cũng như tham chiếu về tên nhãn hàng hoặc các số catalogue do Bên mua nêu trong Chương VI, Lịch biểu cung cấp, sẽ chỉ được coi là mang tính chất mô tả và không có tính hạn chế. Nhà thầu có thể chào những tiêu chuẩn chất lượng khác, tên nhãn hàng khác, và/hoặc các số catalogue, miễn là thể hiện được rằng, đáp ứng yêu cầu của Bên mua, là những thay thế đó đảm bảo đáp ứng

tương đương hoặc cao hơn những nội dung như quy định tại Chương VI, Lịch biểu cung cấp.

- 19. Các tài liệu chứng minh năng lực của Nhà thầu**
- 19.1 Để xây dựng các năng lực chuyên môn nhằm thực hiện hợp đồng, nhà thầu sẽ nộp các chứng cứ thể hiện các tiêu chuẩn năng lực nêu tại Chương 3 (Các tiêu chí đánh giá và năng lực chuyên môn) như một phần của HSDXKT.
- 19.2 Nếu được quy định trong BDS, một Nhà thầu không chế tạo hoặc sản xuất Hàng hóa được chào thì sẽ phải cung cấp một Ủy quyền của nhà sản xuất sử dụng mẫu nêu trong Chương IV, Các mẫu biểu trong hồ sơ thầu để thể hiện rằng Nhà thầu đó đã được ủy quyền hợp lệ bởi nhà chế tạo hoặc nhà sản xuất Hàng hóa để cung cấp những Hàng hóa này trong Quốc gia Bên mua.
- 19.3 Nếu được quy định trong BDS, một Nhà thầu không hoạt động kinh doanh trong Quốc gia Bên mua sẽ phải nộp tài liệu chứng minh rằng Nhà thầu đó sẽ được đại diện bởi một Đại lý trong nước, được trang bị và có khả năng thực hiện những nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa và cung cấp phụ tùng của Nhà cung cấp, như quy định tại phần Các điều kiện của Hợp đồng và/hoặc Các thông số kỹ thuật.
- 20. Thời hạn hiệu lực của Hồ sơ dự thầu**
- 20.1 Các Hồ sơ dự thầu sẽ phải có hiệu lực trong khoảng thời gian như đã ghi trong BDS sau khi hết hạn nộp Hồ sơ dự thầu như Bên mua quy định. Hồ sơ dự thầu nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn so với quy định sẽ bị Bên mua coi là không đáp ứng và bị loại.
- 20.2 Trong các trường hợp ngoại lệ, trước khi hết thời hạn hiệu lực của Hồ sơ dự thầu, Bên mua có thể yêu cầu nhà thầu gia hạn hiệu lực của Hồ sơ dự thầu. Yêu cầu này và các ý kiến phản hồi đều phải viết bằng văn bản. Nếu có yêu cầu về Bảo đảm dự thầu theo Điều ITB 21, thì Bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn thêm một thời hạn tương ứng. Nhà thầu có thể từ chối yêu cầu gia hạn Hồ sơ dự thầu mà không bị mất Bảo đảm dự thầu. Nhà thầu nào chấp thuận yêu cầu gia hạn Hồ sơ dự thầu sẽ không cần hoặc không được phép sửa đổi Hồ sơ dự thầu.
- 21. Bảo đảm dự thầu**
- 21.1 Trừ phi BDS có quy định khác nếu không thì trong Hồ sơ dự thầu, Nhà thầu sẽ phải cung cấp bản gốc Tuyên bố Cam kết Dự thầu hoặc Bảo đảm dự thầu như đã quy định trong BDS. Trong trường hợp sử dụng Bảo đảm dự thầu thì số tiền bảo lãnh sẽ được ghi rõ trong BDS.

21.2 Nếu sử dụng Tuyên bố Cam kết dự thầu như quy định tại Điều ITB 21.1, Nhà thầu sẽ phải dùng mẫu như nêu trong Chương IV, Các mẫu biểu trong hồ sơ thầu. Trong một khoảng thời gian nhất định được nêu trong BDS, Bên mua sẽ thông báo Nhà thầu không đủ điều kiện được ký hợp đồng nếu Tuyên bố bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện.

21.3 Nếu sử dụng Bảo đảm dự thầu như quy định tại Điều ITB 21.1, thì Bảo đảm dự thầu sẽ phải là một bảo lãnh theo yêu cầu theo bất kỳ hình thức nào sau đây tùy Nhà thầu lựa chọn:

- a) Một Bảo đảm ngân hàng;
- b) Một Tín dụng thư không hủy ngang; hoặc
- c) Séc hoặc séc bảo chi;

Tất cả đều phải do một ngân hàng có uy tín từ một quốc gia hợp lệ như nêu trong Chương V (Quốc gia hợp lệ). Nếu là bảo đảm của ngân hàng thì Bảo đảm dự thầu sẽ được nộp theo Mẫu Bảo đảm dự thầu trong Chương IV, Các mẫu biểu trong hồ sơ thầu, hoặc một mẫu khác được Bên mua chấp nhận. Mẫu này phải ghi tên đầy đủ của Nhà thầu. Bảo đảm dự thầu sẽ có hiệu lực đến 28 ngày sau thời hạn hiệu lực gốc của Hồ sơ dự thầu. Nếu hiệu lực của Hồ sơ dự thầu được gia hạn thì hiệu lực của Bảo đảm dự thầu cũng sẽ phải được gia hạn tương ứng như quy định vừa nêu.

21.4 Trừ khi được quy định khác trong BDS, bất cứ Hồ sơ dự thầu nào không kèm theo bảo đảm dự thầu hoặc Tuyên bố bảo đảm dự thầu cơ bản đáp ứng được các yêu cầu theo mục ITB 21.1- yêu cầu nộp bảo đảm đó thì sẽ bị bên mua loại vì không đáp ứng

21.5 Nếu một Bảo đảm dự thầu được yêu cầu theo Điều ITB 21.1, thì nhà thầu không trúng thầu sẽ được trả lại Bảo đảm dự thầu ngay sau khi nhà thầu trúng thầu nộp Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Điều ITB 46.

21.6 Nếu một Bảo đảm dự thầu được yêu cầu theo ITB 21.1, thì Bảo đảm dự thầu của nhà thầu trúng thầu sẽ được trả lại ngay sau khi nhà thầu trúng thầu ký Thỏa thuận Hợp đồng và cung cấp Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu.

21.7 Nhà thầu có thể mất Bảo đảm dự thầu hoặc buộc phải thực hiện Tuyên bố Cam kết dự thầu nếu:

- a) Nếu một Nhà thầu rút Hồ sơ dự thầu về trong thời hạn hiệu lực của Hồ sơ dự thầu như đã ghi rõ trong Đơn dự thầu thuộc HSDXKT, trừ phi có quy định khác theo Điều ITB 20.2; hoặc
- b) Nếu nhà thầu thắng thầu:
 - (i) Không ký hợp đồng theo Điều ITB 45;
 - (ii) Không cung cấp Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Điều ITB 46; hoặc.
 - (iii) Không chấp nhận sửa lỗi số học theo Điều ITB 36.

21.8 Bảo đảm dự thầu hoặc Tuyên bố Cam kết Dự thầu của một Liên danh sẽ đề tên của liên danh như khi nộp Hồ sơ dự thầu. Nếu vào thời điểm đấu thầu mà liên danh chưa được thành lập hợp pháp thì Bảo đảm dự thầu hoặc Tuyên bố cam kết dự thầu sẽ ghi tên tất cả các thành viên sau này tham gia liên danh như nêu tại Điều ITB 4.1.

22. Hình thức và ký Hồ sơ dự thầu

22.1 Nhà thầu sẽ chuẩn bị một bộ hồ sơ gốc gồm: 01 bản gốc HSDXKT, 01 bản gốc HSDXTC theo mô tả ở Điều ITB 11 và ghi rõ “BẢN GỐC- HSDXKT” và “BẢN GỐC- HSDXTC”. Ngoài ra, nhà thầu sẽ phải nộp bản sao của HSDXKT và HSDXTC với số lượng yêu cầu trong BDS và ghi rõ trên đó “BẢN SAO SỐ...- HSDXKT” và “BẢN SAO SỐ...- HSDXTC”. Nếu có bất kỳ sai lệch nào giữa bản gốc và các bản sao thì bản gốc sẽ có chi phối quyết định.

22.2 Bản gốc và tất cả các bản sao của Hồ sơ dự thầu phải được đánh máy hoặc viết bằng loại mực không tẩy xóa được và do người được ủy quyền hợp pháp ký thay mặt Nhà thầu. Việc ủy quyền này cần được chứng thực bằng một văn bản khẳng định theo quy định ở BDS và được đính kèm theo Hồ sơ dự thầu. Tên và chức vụ của người ký ủy quyền phải được đánh máy hoặc in dưới mỗi chữ ký. Tất cả các trang của Hồ sơ dự thầu đều phải được người ký đơn xin dự thầu ký tất, trừ những tài liệu in sẵn mà không có sửa đổi gì. Nếu nhà thầu nộp thiếu văn bản ủy quyền thì Hồ sơ dự thầu sẽ không bị loại bỏ ngay trong đợt đánh giá đầu tiên. Bên mua sẽ yêu cầu nhà thầu gửi ủy quyền trong số ngày quy định như trong BDS. Nếu Nhà thầu không cung cấp văn bản ủy quyền trong thời hạn quy định thì Hồ sơ dự thầu sẽ bị loại bỏ.

22.3 Bất kỳ sửa đổi bổ sung nào trong Hồ sơ dự thầu, ví dụ như viết xen vào giữa các dòng, tẩy xóa hoặc viết đè lên chữ cũ đều chỉ được coi là có hiệu lực nếu có chữ ký đầy đủ hoặc ký tất của người ký Hồ sơ

dự thầu.

D. Nộp Hồ sơ dự thầu và mở thầu

23. Niêm phong và dán nhãn Hồ sơ dự thầu

23.1 Nhà thầu có thể nộp Hồ sơ dự thầu qua đường bưu điện hoặc thư tay. Nếu có quy định trong BDS thì nhà thầu có thể chọn cách nộp Hồ sơ dự thầu điện tử. Thủ tục nộp, niêm phong và ghi như sau :

- a) Những nhà thầu nộp Hồ sơ dự thầu qua đường bưu điện hoặc thư tay thì bản gốc của HSDXKT và bản gốc của HSDXTC và từng bản sao của HSDXKT và HSDXTC, bao gồm các Hồ sơ dự thầu thay thế, nếu được phép theo Điều ITB 13, sẽ phải được đóng vào các phong bì riêng được niêm phong, dán kín và ghi rõ ngoài phong bì “BẢN GỐC- HSDXKT”, “BẢN GỐC- HSDXTC” và “BẢN SAO SỐ...- HSDXKT” và “BẢN SAO SỐ...- HSDXTC”. Các phong bì đựng bản gốc và các bản sao Hồ sơ dự thầu sau đó sẽ được niêm phong riêng biệt vào một phong bì to. Các thủ tục còn lại thực hiện giống như quy định trong Điều ITB 23.2 và 23.6.
- b) Các Nhà thầu chọn cách thức nộp Hồ sơ dự thầu điện tử sẽ phải tuân theo quy định như nêu trong BDS.

23.2 Các phong bì nhỏ bên trong và phong bì to bên ngoài sẽ phải:

- a) Ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu;
- b) Ghi địa chỉ chuyển đến cho Bên mua theo quy định trong Điều BDS 24.1; và
- c) Phải có sự xác định cụ thể về quá trình đấu thầu nêu trong BDS.

23.3 Phong bì ngoài và các phong bì bên trong đựng HSDXKT phải được dán cảnh báo không được mở trước thời gian và ngày mở HSDXKT, phù hợp với ITB 27.1.

23.4 Các phong bì bên trong chứa HSDXTC sẽ đánh cảnh báo hông được mở cho đến khi nhà thầu có ý kiến theo ITB 27.2

23.5 Nếu tất cả các phong bì không được niêm phong và dán nhãn đầy đủ như yêu cầu, Bên mua sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với việc Hồ sơ dự thầu bị thất lạc hoặc bị mở sớm hơn quy định.

23.6 Các Hồ sơ thay thế, nếu được phép phù hợp với ITB 13, phải được chuẩn bị, niêm phong, đánh dấu và giao theo đúng các điều khoản

của ITB 22 và ITB 23, các phong bì bên trong phải được đánh dấu bổ sung "BẢN THAY THẾ SỐ ..." cho thích hợp

- 24. Hạn chót nộp Hồ sơ dự thầu**
- 24.1 Hồ sơ dự thầu sẽ phải được chuyển đến Bên mua tại địa chỉ ghi trong BDS và không muộn hơn ngày giờ ghi trong BDS.
- 24.2 Bên mua có quyền kéo dài hạn chót nộp Hồ sơ dự thầu bằng cách sửa đổi Hồ sơ mời thầu phù hợp với Điều ITB 8, trong trường hợp đó, tất cả các quyền và nghĩa vụ của Bên mua và các Nhà thầu theo hạn nộp hồ sơ cũ sẽ phải theo hạn nộp hồ sơ mới như được gia hạn.
- 25. Các Hồ sơ dự thầu nộp muộn**
- 25.1 Bên mua sẽ không xem xét bất kỳ Hồ sơ dự thầu nào được chuyển đến sau hạn chót nộp Hồ sơ dự thầu, theo quy định trong Điều ITB 24. Bất kỳ Hồ sơ dự thầu nào mà Bên mua nhận được sau hạn chót nộp hồ sơ thì sẽ được tuyên bố là hồ sơ nộp muộn, bị loại và được trả lại nguyên vẹn cho Nhà thầu.
- 26. Rút Hồ sơ dự thầu, thay thế và sửa đổi Hồ sơ dự thầu**
- 26.1 Một Nhà thầu có thể rút, thay thế hay sửa đổi Hồ sơ dự thầu sau khi gửi một văn bản thông báo có chữ ký của đại diện được ủy quyền, kèm theo một bản sao văn bản ủy quyền theo quy định trong Điều ITB 22.2 (riêng các Thông báo rút hồ sơ không cần kèm theo các bản sao). Phần thay thế hoặc sửa đổi tương ứng trong Hồ sơ dự thầu cũng phải được gửi kèm theo Thư thông báo. Tất cả các thư thông báo sẽ phải:
- a) Được nộp theo quy định trong Điều ITB 22 và 23 (ngoại trừ các Thông báo rút hồ sơ không cần kèm theo bản sao), ngoài ra, các phong bì bên trong và bên ngoài tương ứng cần ghi rõ ở ngoài "RÚT HỒ SƠ", "THAY THẾ HỒ SƠ", "SỬA ĐỔI HỒ SƠ"; và
 - b) Được chuyển đến Bên mua trước khi hết hạn chót nộp Hồ sơ dự thầu theo quy định trong Điều 24 ITB.
- 26.2 Các Hồ sơ dự thầu mà nhà thầu đề nghị rút về theo Điều ITB 26.1 sẽ được trả lại nguyên vẹn cho nhà thầu.
- 26.3 Trong khoảng thời gian từ sau khi hết hạn chót nộp Hồ sơ dự thầu cho đến khi hết thời hạn hiệu lực của Hồ sơ dự thầu mà nhà thầu đã ghi trong Đơn dự thầu thuộc HSDXKT hoặc cho đến khi hết thời hạn gia hạn tương ứng, không nhà thầu nào được phép rút hồ sơ về, hay thay thế, sửa đổi hồ sơ.
- 27. Mở thầu**
- 27.1 Bên mua sẽ công khai mở các HSDXKT tại địa chỉ và vào ngày giờ

quy định trong BDS với sự hiện diện của các đại diện nhà thầu và bất kỳ cá nhân nào quan tâm. Bất kỳ thủ tục mở thầu điện tử nào, nếu đấu thầu điện tử được cho phép theo quy định trong Điều ITB 23.1, thì sẽ theo quy định trong BDS.

27.2 HSDXTC không được mở và do Bên mua lưu giữ cho đến thời gian mở HSDXTC. Ngày, giờ, và địa điểm mở HSDXTC sẽ được Bên mua thông báo bằng văn bản. Nếu HSDXKT và HSDXTC nộp cùng nhau trong 1 phong bì, Bên mua có thể từ chối hồ sơ. Thay vào đó, HSDXTC có thể được tách ra ngay lập tức để đánh giá sau

27.3 Trước tiên, các phong bì có đánh dấu "RÚT HỒ SƠ" sẽ được mở ra, đọc công khai và ghi lại, và phong bì chứa HSDT tương ứng sẽ không được mở, mà trả lại cho nhà thầu. Không được rút hồ sơ thầu trừ khi thông báo rút hồ sơ thầu tương ứng có ủy quyền hợp pháp yêu cầu rút hồ sơ và được đọc công khai và ghi lại tại thời điểm mở thầu

27.4 Tiếp đó, các phong bì ngoài đánh dấu "THAY THẾ HỒ SƠ" sẽ được mở ra. Các phong bì bên trong chứa HSDXKT thay thế và/hoặc HSDXTC thay thế sẽ được thay cho các phong bì tương ứng để thay thế, còn hồ sơ cũ sẽ trả lại nguyên vẹn cho nhà thầu. Chỉ có HSDXKT thay thế, nếu có, được mở, đọc công khai, và ghi lại. HSDXTC thay thế sẽ giữ nguyên theo ITB 27.2. Không có phong bì nào được thay thế trừ khi có thông báo thay thế tương ứng có ủy quyền hợp pháp yêu cầu sửa đổi và đọc công khai và ghi lại tại thời điểm mở thầu

27.5 Tiếp đó, các phong bì có ghi "SỬA ĐỔI HỒ SƠ" sẽ được mở ra, Không có HSDXKT và/hoặc HSDXTC nào được thay đổi trừ khi có Thông báo sửa đổi tương ứng có ủy quyền hợp pháp yêu cầu sửa đổi, được đọc công khai và ghi chép lại tại thời điểm mở HSDXKT. Chỉ các HSDXKT, gồm cả bản gốc và bản sửa đổi, được mở, đọc công khai và được ghi chép lại tại thời điểm mở thầu. các HSDXTC, gồm cả bản gốc và bản sửa đổi, vẫn giữ nguyên theo ITB 27.2

27.6 Tất cả các phong bì khác đựng HSDXKT sẽ được mở cùng một lúc, sau đó đọc công khai và ghi lại;

- a) tên nhà thầu
- b) có sửa đổi thay thế gì không
- c) có nộp bảo đảm dự thầu hoặc tuyên bố bảo đảm dự thầu, nếu yêu

cầu; và;

d) Bất kỳ chi tiết nào khác mà bên mua cho là hợp lý

Chỉ có HSDXKT và HSDXKT thay thế được đọc công khai và ghi lại tại thời điểm mở thầu sẽ được xem xét để đánh giá. Trừ trường hợp khác được quy định tại BDS, tất cả các trang của sheet nộp HSDXKT được bắt đầu bằng ít nhất 3 đại diện của bên mua tham gia mở thầu. Không được từ chối một hồ sơ dự thầu nào trong lễ mở thầu, trừ các hồ sơ nộp muộn, theo quy định trong Điều 25.1 của ITB

27.7 Bên mua sẽ chuẩn bị biên bản mở thầu của HSDXKT, trong đó tối thiểu phải ghi các thông tin sau: tên nhà thầu và các sửa đổi, thay thế hoặc rút hồ sơ, nếu có; nộp hay không nộp bảo đảm dự thầu hoặc tuyên bố bảo đảm dự thầu, nếu một trong hai được yêu cầu. Các đại diện của nhà thầu có mặt tại lễ mở thầu sẽ được yêu cầu ký tên vào biên bản. Việc nhà thầu bỏ sót không ký tên vào biên bản sẽ không làm mất hiệu lực các nội dung và hiệu lực của biên bản. Bản sao biên bản mở thầu sẽ được gửi đến tất cả các nhà thầu dự thầu.

27.8 Sau khi hoàn thành việc đánh giá HSDXKT, Bên mua sẽ mời các nhà thầu đã nộp HSDXKT và được xác định là đủ điều kiện để tham gia mở HSDXTC. Ngày, thời gian, và địa điểm mở HSDXTC sẽ được Bên mua thông báo bằng văn bản. Các nhà thầu sẽ được đưa ra thông báo hợp lý về việc mở HSDXTC.

27.9 Bên mua sẽ thông báo cho các nhà thầu bị loại bằng văn bản với lý do không đáp ứng yêu cầu của HSMT và trả lại HSDXTC còn nguyên niêm phong cho họ.

27.10 Bên mua sẽ tiến hành mở HSDXTC của tất cả nhà thầu đã nộp HSDXKT đạt yêu cầu, với sự có mặt của đại diện các nhà thầu lựa chọn tham gia tại địa chỉ, với ngày giờ Bên mua quy định. Các đại diện của nhà thầu có mặt sẽ phải ký vào biên bản chứng minh sự tham gia của họ.

27.11 Tất cả các phong bì khác đựng HSDXTC sẽ được mở cùng một lúc, sau đó đọc công khai và ghi lại

a) tên nhà thầu

b) có sửa đổi hay thay thế gì không

c) giá dự thầu, bao gồm bất kỳ khoản giảm giá và chào hàng thay thế; và

d) Bất kỳ chi tiết nào khác mà bên mua cho là hợp lý

Chỉ có HSDXTC, yêu cầu giảm giá và báo giá thay thế được đọc công khai và ghi lại trong khi mở HSDXTC sẽ được xem xét để đánh giá. Trừ trường hợp khác được quy định tại BDS, tất cả các trang của sheet nộp HSDXTC được bắt đầu bằng ít nhất 3 đại diện của bên mua tham gia mở thầu. Không được từ chối một hồ sơ dự thầu nào trong khi mở HSDXTC.

27.12 Bên mua sẽ chuẩn bị biên bản mở thầu của HSDXTC, trong đó tối thiểu phải ghi các thông tin sau: tên nhà thầu, HSDXTC (nếu có); bất kỳ giảm giá, và báo giá thay thế nào. Các đại diện của nhà thầu có mặt tại lễ mở thầu sẽ được yêu cầu ký tên vào biên bản. Việc nhà thầu bỏ sót không ký tên vào biên bản sẽ không làm mất hiệu lực các nội dung và hiệu lực của biên bản. Bản sao biên bản mở thầu sẽ được gửi đến tất cả các nhà thầu dự thầu.

E. Đánh giá và so sánh các Hồ sơ dự thầu

28. Tính bảo mật

28.1 Thông tin liên quan đến kiểm tra, đánh giá, so sánh năng lực chuyên môn các Hồ sơ dự thầu và đề nghị trao Hợp đồng sẽ không được thông báo cho các Nhà thầu hay bất kỳ cá nhân nào không liên quan chính thức đến quá trình đấu thầu cho đến khi thông tin về trao Hợp đồng được công bố với tất cả các Nhà thầu.

28.2 Bất kỳ cố gắng nào của nhà thầu nhằm gây ảnh hưởng đến Bên mua khi nghiên cứu, đánh giá, so sánh và hậu tuyển các Hồ sơ dự thầu và quyết định trao hợp đồng có thể khiến cho Hồ sơ dự thầu của nhà thầu đó bị loại.

28.3 Bất kể các quy định trong Điều ITB 28.2, từ khi mở HSDXKT đến khi trao thầu, nhà thầu nào muốn liên hệ với Bên mua về bất kỳ vấn đề nào liên quan đến quá trình đấu thầu thì có thể liên hệ bằng văn bản.

29. Giải thích rõ Hồ sơ dự thầu

29.1 Để hỗ trợ việc kiểm tra, đánh giá, so sánh, hậu kiểm năng lực các Hồ sơ dự thầu, bất kỳ lúc nào Bên mua cũng có quyền yêu cầu nhà thầu giải thích rõ Hồ sơ dự thầu. Nhà thầu nào nộp giải thích làm rõ về Hồ sơ dự thầu mà không đáp ứng đúng yêu cầu của Bên mua thì sẽ không được xem xét. Yêu cầu giải thích rõ của Bên mua và thư trả lời của nhà thầu đều phải bằng văn bản. Không được phép xin, gợi ý hoặc cho phép thay đổi giá thầu hay nội dung Hồ sơ dự thầu, trừ trường hợp phải khẳng định kết quả sửa các lỗi số học mà Bên mua phát hiện trong khi đánh giá các

HSDXTC theo quy định trong Điều ITB 36.

29.2 Nếu nhà thầu không giải thích Hồ sơ dự thầu trong thời gian quy định của bên mua, hồ sơ dự thầu có thể bị loại.

30. Các sai lệch, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung trong Hồ sơ dự thầu

30.1 Các định nghĩa dưới đây sẽ được sử dụng trong quá trình đánh giá Hồ sơ dự thầu::

- a) “Sai lệch” là sự xa rời các yêu cầu đã nêu trong Hồ sơ mời thầu;
- b) “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc biểu thị sự không chấp nhận vô điều kiện các yêu cầu đã nêu cụ thể trong Hồ sơ mời thầu; và
- c) “Bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không đệ trình được một phần hoặc toàn bộ các thông tin hay tài liệu yêu cầu trong Hồ sơ mời thầu.

31. Kiểm tra HSDXKT

31.1 Bên mua sẽ kiểm tra HSDXKT để xác nhận rằng tất cả các tài liệu và hồ sơ kỹ thuật theo yêu cầu ở Điều ITB 11.4 đã được nộp và để xác định việc hoàn thiện của từng hồ sơ được nộp.

31.2 Bên mua sẽ xác nhận rằng các hồ sơ và thông tin sau đã được cung cấp trong HSDXKT. Nếu bất kỳ hồ sơ hoặc tài liệu nào bị bỏ sót thì hồ sơ sẽ bị loại bỏ.

- a) Biểu nộp HSDXKT theo Điều ITB 12.1;
- b) Xác nhận ủy quyền để cam kết nhà thầu bằng văn bản;
- c) Bảo đảm dự thầu hoặc là cam kết bảo đảm dự thầu (nếu có) và ủy quyền của nhà sản xuất (nếu có).

32. Sự đáp ứng của HSDXKT

32.1 Bên mua sẽ xác định tính đáp ứng của HSDXKT trên cơ sở các nội dung của HSDXKT như đã quy định trong Điều ITB 11.

32.2 Một HSDXKT đáp ứng căn bản là hồ sơ đáp ứng các yêu cầu của Hồ sơ mời thầu mà không có các sai lệch, bỏ sót về nội dung hoặc đưa ra điều kiện hạn chế. Sai lệch, bỏ sót về nội dung hoặc đặt điều kiện hạn chế nghĩa là những điểm trong Hồ sơ dự thầu mà:

- a) Nếu được chấp nhận thì sẽ:
 - (i) Gây ra các ảnh hưởng căn bản đến phạm vi, chất lượng hoặc việc thực hiện Hàng hóa và Các Dịch vụ liên quan như quy định tại Chương VI, Lịch biểu

cung cấp; hoặc

- (ii) Gây hạn chế căn bản và không thống nhất với Hồ sơ mời thầu đối với quyền hạn của Bên mua hoặc nghĩa vụ của Nhà thầu trong Hợp đồng; hoặc

b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ra ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của các nhà thầu khác có HSĐXKT đáp ứng căn bản yêu cầu của Hồ sơ mời thầu.

32.3 Bên mua sẽ kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật trong Hồ sơ dự thầu cụ thể, để đảm bảo rằng tất cả các yêu cầu của Chương 6 Lịch biểu cung cấp được đáp ứng và không có sai lệch hay đưa ra điều kiện hạn chế nào.

32.4 Nếu HSĐXKT không đáp ứng về căn bản HSMT sẽ bị Bên mua loại và Nhà thầu không được phép sửa những sai lệch, hạn chế hay thiếu sót có tính chất cơ bản để làm cho hồ sơ đó trở nên đáp ứng được.

33. Những điểm không phù hợp trong Hồ sơ dự thầu

33.1 Nếu HSĐXKT đáp ứng căn bản Hồ sơ mời thầu, Bên mua có thể đặc cách chấp nhận những điểm không phù hợp nhỏ trong Hồ sơ dự thầu miễn là các điểm đó không hợp thành các sai lệch, bỏ sót về nội dung hoặc đưa ra điều kiện hạn chế.

33.2 Nếu HSĐXKT đáp ứng căn bản Hồ sơ mời thầu, Bên mua có thể yêu cầu Nhà thầu trình các thông tin hoặc tài liệu cần thiết, trong một khoảng thời gian hợp lý, để sửa chữa những điểm không phù hợp nhỏ liên quan đến các yêu cầu tài liệu trong Hồ sơ dự thầu. Yêu cầu về tài liệu hoặc thông tin về những điểm không phù hợp đó sẽ không được có bất kỳ liên quan gì đến HSĐXTC. Việc Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu này có thể dẫn đến việc loại Hồ sơ dự thầu.

33.3 Nếu HSĐXKT đáp ứng căn bản Hồ sơ mời thầu, Bên mua sẽ sửa những điểm không phù hợp nhỏ không quan trọng hoặc những bỏ sót nội dung. Việc này sẽ được thực hiện bằng cách điều chỉnh Giá thầu, chỉ với mục đích so sánh, nhằm phản ánh giá thầu cho hạng mục hoặc bộ phận bị thiếu hoặc không phù hợp. Việc điều chỉnh sẽ được thực hiện theo các phương pháp đã nêu trong Chương III, Tiêu chuẩn đánh giá và Năng lực.

34. Năng lực của nhà thầu

34.1 Chủ đầu tư sẽ xác định đến khi thỏa mãn trong quá trình đánh giá HSĐXKT xem các nhà thầu có thỏa mãn các tiêu chí năng lực quy định trong Phần 3 (Đánh giá và các tiêu chí năng lực) hay

không

34.2 Việc xác minh sẽ được thực hiện trên cơ sở kiểm tra các tài liệu do nhà thầu nộp để chứng minh năng lực, theo quy định trong Điều ITB 19

34.3 Điều kiện tiên quyết để mở và đánh giá HSDXTC của nhà thầu là xác minh khăng định. Một xác minh không tốt sẽ dẫn đến việc loại HSDT, trong trường hợp đó Bên mua sẽ trả lại HSDXTC còn nguyên niêm phong cho nhà thầu

35. Đánh giá HSDXTC

35.1 Sau khi mở HSDXTC, Bên mua sẽ kiểm tra HSDXTC để xác nhận tất cả các tài liệu và tài liệu tài chính yêu cầu tại ITB 11.5 đã được cung cấp, và để xác định tính đầy đủ của mỗi hồ sơ đã nộp

35.2 Bên mua sẽ xác nhận lại rằng các tài liệu và thông tin sau đây đã được cung cấp trong HSDXTC. Nếu bất kỳ tài liệu hay thông tin nào bị sót, báo giá sẽ bị loại

a) Sheet nộp HSDXTC theo quy định tại ITB 12.1; và

b) Biểu giá theo quy định tại ITB 12, ITB 14, và ITB 15

36. Sửa lỗi số học

36.1 Trong quá trình đánh giá HSDXTC, Bên mua sẽ sửa lỗi số học theo các cơ sở sau:

a) Nếu có sự không thống nhất giữa đơn giá và tổng giá do sai sót khi nhân đơn giá với khối lượng thì đơn giá sẽ có ý nghĩa quyết định và tổng giá sẽ được sửa lại; trừ phi Bên mua cho rằng rõ ràng có lỗi đặt sai dấu phẩy thập phân trong đơn giá - trong trường hợp đó tổng giá sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

b) Nếu có sai sót trong tổng số khi cộng hoặc trừ các khoản tổng phụ thì các khoản tổng phụ sẽ có ý nghĩa quyết định và tổng số sẽ được sửa lại; và

c) Nếu có sự không thống nhất giữa số tiền ghi bằng số và số tiền ghi bằng chữ thì số tiền ghi bằng chữ sẽ có ý nghĩa quyết định, trừ phi số tiền ghi bằng số có liên quan đến một lỗi sai số học – khi đó số tiền ghi bằng số sẽ có ý nghĩa quyết định theo mục (a) và (b) ở trên.

36.2 Nếu Nhà thầu nộp Hồ sơ dự thầu chào giá đánh giá thấp nhất mà

không chấp nhận việc sửa lỗi số học thì Hồ sơ dự thầu đó sẽ bị loại và Bảo đảm dự thầu của Nhà thầu đó sẽ bị tịch thu hoặc Tuyên bố cam kết dự thầu sẽ được thực hiện.

- 37. Chuyển đổi sang một đơn vị tiền tệ duy nhất**
- 37.1 Để đánh giá và so sánh HSDXTC, Bên mua sẽ chuyển đổi tất cả giá dự thầu được chào bằng các đơn vị tiền tệ khác nhau sang một đơn vị tiền tệ duy nhất như quy định trong BDS.
- 38. Biên độ ưu đãi**
- 38.1 Không áp dụng biên độ ưu đãi trừ phi có quy định khác trong BDS.
- 39. Đánh giá HSDXTC**
- 39.1 Bên mua sẽ sử dụng các tiêu chí và phương pháp được chỉ ra trong điều khoản này. Không được phép có các tiêu chuẩn hoặc phương pháp luận khác.
- 39.2 Để đánh giá HSDXTC, bên mua sẽ xem xét những vấn đề sau:
- a) Giá dự thầu theo Điều ITB 14;
 - b) điều chỉnh giá do lỗi số học theo Điều ITB 36.1;
 - c) điều chỉnh giá do đề xuất giảm giá theo Điều ITB 14.4;
 - d) điều chỉnh giá do áp dụng tiêu chuẩn đánh giá được quy định tại Chương III (Tiêu chuẩn đánh giá và năng lực). Các tiêu chuẩn này có thể liên quan tới đặc điểm, tính chất, các điều kiện và điều khoản mua sắm của hàng hoá và dịch vụ liên quan. Các yếu tố được chọn, nếu có, sẽ được chuyển đổi sang thành tiền để tiện so sánh các Hồ sơ dự thầu, trừ khi được quy định khác đi trong Chương III- Tiêu chuẩn đánh giá và năng lực;
 - e) Chuyển đổi lượng tiền tệ thu được từ (a) đến (c) nêu trên về một loại tiền tệ theo Điều ITB 37;
- 39.3 Trong việc tính toán giá của Hồ sơ Dự thầu được đánh giá, Bên mua sẽ không tính và không đưa vào để xem xét các yếu tố sau:
- a) đối với hàng hoá được chào từ trong quốc gia bên mua, các thứ thuế liên quan đến bán hàng và các loại thuế khác sẽ phải nộp tại nước Bên mua và các loại thuế phải nộp đối với hàng hoá nếu Nhà thầu được trao Hợp đồng;
 - b) đối với hàng được chào từ bên ngoài quốc gia Bên mua, các

loại thuế nhập khẩu, thuế liên quan đến bán hàng và các loại thuế khác sẽ phải nộp tại nước Bên mua và các loại thuế phải nộp đối với hàng hoá nếu Nhà thầu được trao Hợp đồng

- c) Mọi khoản trợ giá cho việc điều chỉnh giá trong thời gian thực hiện hợp đồng, nếu được nêu trong Hồ sơ dự thầu

39.4 Nếu Hồ sơ Mời thầu cho phép các Nhà thầu chào giá riêng cho các lô khác nhau và trao thầu nhiều lô cho một Nhà thầu, phương pháp đánh giá để xác định giá chung nhất, bao gồm đề xuất giảm giá được chào trong HSDXTC sẽ theo qui định trong Chương III-Tiêu chuẩn đánh giá và Năng lực.

- 40. So sánh các Hồ sơ dự thầu** 40.1 Bên mua sẽ so sánh tất cả các Hồ sơ dự thầu đáp ứng căn bản Hồ sơ mời thầu để xác định giá đánh giá thấp nhất theo Điều ITB 39.
- 41. Quyền của Bên mua chấp nhận bất kỳ Hồ sơ dự thầu nào, và từ chối bất kỳ hay tất cả Hồ sơ dự thầu** 41.1 Bất kỳ lúc nào trước khi trao hợp đồng, Bên mua đều có quyền chấp nhận hoặc từ chối bất kỳ Hồ sơ dự thầu nào, và tuyên bố hủy bỏ quy trình đấu thầu và loại tất cả các Hồ sơ dự thầu mà không phải chịu bất kỳ trách nhiệm gì đối với các Nhà thầu. Trong trường hợp hủy bỏ thì tất cả các hồ sơ dự thầu sẽ được gửi trả lại cho các nhà thầu

F. Trao Hợp đồng

- 42. Các tiêu chí trao Hợp đồng** 42.1 Bên mua sẽ trao hợp đồng cho nhà thầu nào có đề xuất được xác định là giá đánh giá thấp nhất và có Hồ sơ dự thầu đáp ứng căn bản Hồ sơ mời thầu, với điều kiện nhà thầu đã được xác minh là đạt yêu cầu để thực hiện tốt Hợp đồng. Việc trao hợp đồng cần phải có ý kiến không phản đối của KFW về báo cáo đánh giá và đề xuất trao hợp đồng.
- 42.2 Một HSDT bị loại nếu như nhà thầu được xác định là có báo giá thấp nhất không đáp ứng các tiêu chí năng lực như quy định tại Mục 3 (Đánh giá và các tiêu chí năng lực). Trong trường hợp này, Bên mua sẽ tiến hành tiếp với nhà thầu được đánh giá thấp tiếp theo để đánh giá lại tương tự năng lực của nhà thầu đó để thực hiện một cách thỏa đáng.
- 43. Quyền của Bên mua thay đổi các khối lượng** 43.1 Vào thời điểm trao Hợp đồng, Bên mua có quyền tăng hoặc giảm khối lượng của Hàng hóa và Các Dịch vụ liên quan như ban đầu nêu trong Chương VI, Lịch biểu cung cấp, miễn là không vượt

**tại thời điểm
trao Hợp đồng**

những tỷ lệ phần trăm như nêu trong BDS, và không thay đổi đơn giá hoặc các điều kiện và điều kiện của Hồ sơ dự thầu và Hồ sơ mời thầu.

**44. Thông báo trao
Hợp đồng**

44.1 Trước khi hết thời hạn hiệu lực của Hồ sơ dự thầu, Bên mua phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu trúng thầu, được biết rằng Hồ sơ dự thầu của nhà thầu đó đã được chấp nhận.

44.2 Đồng thời, bên mua cũng sẽ thông báo cho các nhà thầu khác về kết quả đấu thầu. Bên mua sẽ công bố trên một tờ báo Tiếng Anh hoặc một trang web được nhiều người biết đến và dễ truy cập về các kết quả đấu thầu, số lô thầu và các thông tin sau: (i) tên từng nhà thầu đã nộp Hồ sơ dự thầu; (ii) các giá thầu như đã đọc to trong lễ mở thầu; (iii) tên và giá đánh giá của từng Hồ sơ dự thầu đã được đánh giá; (iv) tên của các nhà thầu có hồ sơ bị loại và lý do bị loại; và (v) tên của nhà thầu trúng thầu và giá trúng thầu, cũng như thời hạn và tóm tắt phạm vi hợp đồng được trao. Sau khi công bố trao Hợp đồng, các Nhà thầu không trúng thầu có thể đề nghị bằng văn bản gửi Bên mua yêu cầu giải thích ngắn gọn về minh chứng mà trên cơ sở đó Hồ sơ dự thầu của họ không được lựa chọn. Bên mua sẽ trả lời ngay bằng văn bản cho Nhà thầu có kiến nghị sau khi công bố kết quả trao hợp đồng.

44.3 Cho đến khi hợp đồng chính thức được lập và được thực thi thì Thông báo trao thầu sẽ tạo thành một hợp đồng ràng buộc.

45. Ký hợp đồng

45.1 Ngay sau khi thông báo, Bên mua sẽ gửi Nhà thầu trúng thầu Bản Hợp đồng.

45.2 Trong vòng 28 (hai mươi tám) ngày kể từ khi nhận được Hợp đồng, Nhà thầu trúng thầu sẽ phải ký và đề ngày tháng vào chuyển trả lại cho Bên mua.

**46. Bảo đảm thực
hiện**

46.1 Trong vòng 28 (hai mươi tám) ngày kể từ khi nhận được Thông báo trao hợp đồng từ Bên mua, nhà thầu trúng thầu phải cung cấp một Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định trong GCC, sử dụng mẫu Bảo đảm thực hiện hợp đồng trong Chương IX, Các mẫu biểu của Hợp đồng hoặc một mẫu khác được Bên mua chấp nhận.

- 46.2 Việc Nhà thầu trúng thầu không nộp Bảo đảm thực hiện hợp đồng như đã nêu trên hoặc không ký Thỏa thuận Hợp đồng sẽ bị coi là đủ bằng chứng để hủy bỏ quyết định trao hợp đồng và tịch thu Bảo đảm dự thầu hoặc thực thi Tuyên bố Cam kết Dự thầu. Trong trường hợp đó, Bên mua có thể trao thầu cho nhà thầu có giá đánh giá thấp tiếp theo có hồ sơ đáp ứng căn bản Hồ sơ mời thầu và được Bên mua xác định là đạt yêu cầu/đủ năng lực để thực hiện tốt Hợp đồng.

Chương II. Bảng dữ liệu thầu

Phần này bao gồm các điều khoản cụ thể hóa cho từng nội dung mua sắm và bổ sung cho Chương I, Hướng dẫn cho các nhà thầu. Nếu có sự mâu thuẫn, thì những điều khoản này sẽ có hiệu lực chi phối các điều khoản nêu trong Chương I.

A. Giới thiệu	
ITB 1.1	Thư mời thầu số: 03HH-KFW8-NPMU
ITB 1.1	Bên mua: Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp – Ban quản lý dự án Trung ương (NPMU) dự án Quản lý rừng bền vững và đa dạng sinh học nhằm giảm phát thải CO ₂ (KfW8).
ITB 1.1	Tên gói thầu: Mua xe ô tô cho dự án Mã gói thầu: 03HH-KFW8-NPMU Số lượng gói thầu: 01 gói
ITB 1.1	Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi quốc tế (ICB), “Một giai đoạn hai túi hồ sơ”
ITB 2.1	Bên nhận tài trợ là: Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
ITB 2.1	Tên dự án: Quản lý rừng bền vững và đa dạng sinh học nhằm giảm phát thải CO ₂ (KfW8).
ITB 3.1 (d)	Không áp dụng
ITB 4.5	Các công ty thuộc sở hữu của nhà nước (toàn bộ hay một phần) sẽ phải nộp các tài liệu sau đây: - Quyết định thành lập; - Chứng nhận đăng ký kinh doanh; - Điều lệ của công ty; - Danh sách tất cả các thành viên của Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị, bất cứ ai có liên quan, và các chi nhánh chuyên môn, đặc biệt là bất kỳ mối quan hệ nào với Bộ Nông nghiệp và PTNT, Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp, NPMU dự án KfW8. - Danh sách của tất cả các cán bộ quản lý cấp cao của công ty; - Danh sách cập nhật các cổ đông (nếu có); - Bất kỳ tài liệu khác có liên quan có thể thiết lập/xác nhận tình trạng của công ty.
B. Hồ sơ dự thầu	
ITB 7.1	Chỉ nhằm mục đích làm rõ , địa chỉ của Bên mua là: Người nhận: Ông Nguyễn Trường Giang – Giám đốc NPMU dự án KfW8.

	<p>Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp – NPMU dự án KfW8</p> <p>Địa chỉ: Phòng 603, tầng 6, tòa nhà số 2, khu liên cơ Bộ Nông nghiệp và PTNT, số 16 Thụy Khuê quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam.</p> <p>ZIP code: 084</p> <p>Điện thoại: 84-24-37286237. Fax: 84-24-37286236.</p> <p>Email: kfw8npmu@gmail.com</p>
C. Chuẩn bị Hồ sơ dự thầu	
ITB 10.1	Ngôn ngữ của Hồ sơ dự thầu là: Tiếng Anh và Tiếng Việt (Nếu có sự sai khác nào giữa Hồ sơ dự thầu Tiếng Anh và Tiếng Việt thì căn cứ vào Hồ sơ dự thầu Tiếng Anh. Tất cả các tài liệu/hồ sơ bổ sung thuộc Hồ sơ dự thầu có thể bằng ngôn ngữ khác ngôn ngữ Hồ sơ dự thầu nhưng phải kèm theo bản dịch chính xác sang ngôn ngữ của Hồ sơ dự thầu).
ITB 11.2 (i)	Nhà thầu sẽ phải nộp các tài liệu bổ sung kèm theo HSDXKT gồm: (i) Các tài liệu được liệt kê trong Chương 1- Hướng dẫn cho các Nhà thầu - mục 11.1; (ii) Các bản sao có công chứng về tình trạng pháp lý của nhà thầu; (iii) Catalog gốc của xe ô tô được chào.
ITB 11.3 (c)	Nhà thầu sẽ nộp các tài liệu bổ sung kèm theo HSDXTC gồm: không áp dụng
ITB 12.2	Đơn giá và đơn vị trong Biểu giá chào hàng phải được đánh máy hoặc viết tay bằng chữ in. Biểu giá có thể được coi là không đáp ứng nếu không thực hiện theo yêu cầu trên.
ITB 13.1	Hồ sơ dự thầu thay thế là không được phép.
ITB 14.5	Phiên bản Incoterms là: 2010.
ITB 14.6	<p>- Nhà thầu sẽ phải chịu trách nhiệm hoàn tất mọi thủ tục liên quan để Bên mua làm thủ tục đăng ký và lưu hành hàng hóa.</p> <p>- Phí lưu kho bãi: Bên mua chỉ chịu chi phí lưu kho bãi kể từ ngày Nhà thầu hoàn tất mọi thủ tục cần thiết để phục vụ việc đăng ký và lưu hành hàng hóa và thông báo giao nhận hàng hóa cho Bên mua bằng văn bản.</p>
ITB 14.6(a) (i)	<p>Đối với hàng hoá chào từ trong quốc gia Bên mua, Nhà thầu sẽ phải chào giá sử dụng Incoterms sau: Giá dự thầu sẽ là giá EXW cộng với chi phí vận tải nội địa, bảo hiểm và các dịch vụ phụ kèm theo để đưa hàng hoá đến điểm giao hàng là:</p> <p>Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp- NPMU Dự án KfW8.</p> <p>Địa chỉ: Tòa nhà số 2, khu liên cơ Bộ Nông nghiệp và PTNT, số 16 Thụy Khuê quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam.</p>
ITB 14.6 (b) (i)	Đối với Hàng hóa được chào từ ngoài Quốc gia Bên mua, Nhà thầu sẽ phải chào giá sử dụng Incoterms sau: Giá dự thầu sẽ là giá CIF (Ngoài ra, Nhà thầu chịu trách nhiệm làm các thủ tục có liên quan để xe được lưu

	hành về đơn vị sử dụng)
ITB 14.6 (b) (ii)	Ngoài ra, nhà thầu sẽ chào giá cho hàng hóa từ bên ngoài Quốc gia bên mua theo Incoterms sau: Không áp dụng.
ITB 14.7	Giá dự thầu của Nhà thầu là: giá cố định.
ITB 14.8	Nhà thầu sẽ phải chào giá cho 100% số lượng ô tô nêu trong gói thầu.
ITB 19.1	Nhà thầu phải kèm theo Hồ sơ dự thầu của mình các hồ sơ tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm như quy định tại Chương 3, Tiêu chuẩn đánh giá và năng lực: Áp dụng.
ITB 19.2	<p>Nhà thầu phải kèm theo Hồ sơ dự thầu của mình Thư Ủy quyền gốc của Nhà sản xuất; hoặc Giấy ủy quyền bán hàng của Đại lý phân phối và hồ sơ tài liệu chứng minh Đại lý được Nhà sản xuất giao phân phối xe ô tô chính hãng: áp dụng với dự án cụ thể như sau:</p> <p>Nhà thầu phải có cơ sở bảo hành chính hãng tại Việt Nam hoặc có văn bản liên kết với cơ sở bảo hành chính hãng tại Việt Nam sẵn sàng thực hiện các nghĩa vụ của nhà thầu về bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế đối với sản phẩm mà nhà thầu cung cấp.</p> <p>Địa điểm bảo hành, cơ sở bảo hành phải có địa chỉ rõ ràng và là cơ sở bảo hành của chính hãng.</p> <p>Nhà thầu tham dự phải cung cấp giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất. Giấy ủy quyền phải có hiệu lực trong quá trình nhà thầu tham dự thầu và thực hiện hợp đồng nếu trúng thầu.</p>
ITB 19.3	Nhà thầu sẽ phải kèm theo Hồ sơ dự thầu bằng chứng rằng Nhà thầu sẽ được đại diện bởi một Đại lý tại Quốc gia Bên mua: Không áp dụng
ITB 20.1	Thời hạn hiệu lực của Hồ sơ dự thầu sẽ là 180 ngày kể từ ngày hết hạn nộp Hồ sơ dự thầu.
ITB 21.1	<p>Bảo đảm dự thầu được yêu cầu.</p> <p>Tuyên bố cam kết dự thầu không yêu cầu.</p> <p>Bảo đảm dự thầu sẽ phải được thực hiện theo mẫu dưới hình thức Bảo đảm dự thầu của Ngân hàng như quy định tại Chương IV, Các mẫu biểu trong hồ sơ thầu.</p> <p>Giá trị và loại tiền tệ của Bảo đảm dự thầu sẽ là:</p> <p>Giá trị: 9.000 EUR (Chín nghìn Euro) hoặc 225.000.000 VND (Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng Việt Nam).</p>
ITB 21.2	Nhà thầu không đáp ứng điều kiện thời gian theo yêu cầu của Hồ sơ mời thầu sẽ: Không áp dụng
ITB 21.4	Nhà thầu nào không kèm theo bảo đảm dự thầu thì bên mời thầu có thể loại hồ sơ dự thầu do không đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Tuy nhiên, nếu nhà thầu nộp bảo đảm dự thầu không đảm bảo về hình thức, số

	tiền hoặc thời gian hiệu lực của bảo lãnh dự thầu, bên mời thầu sẽ yêu cầu nhà thầu phải nộp bảo lãnh dự thầu theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời thầu trong 15 (mười lăm) ngày từ khi nhận được công văn yêu cầu của bên mời thầu. Nếu nhà thầu không cung cấp được bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của bên mời thầu theo thời hạn quy định thì sẽ bị loại hồ sơ dự thầu.
ITB 22.1	Ngoài bản gốc Hồ sơ dự thầu, số lượng bản sao là: 05 (năm) bản.
ITB 22.2	Xác nhận ủy quyền ký thay mặt Nhà thầu sẽ bao gồm: - Giấy ủy quyền hoặc các tài liệu khác chứng minh thẩm quyền của người ký Hồ sơ dự thầu. - Trong trường hợp Hồ sơ dự thầu được trình bởi một liên doanh hiện có hoặc sắp thành lập, thì một cam kết có chữ ký của tất cả các bên tham gia: (i) nêu rõ rằng tất cả các bên sẽ phải cùng chịu trách nhiệm liên đới và riêng rẽ, và (ii) đề cử một người đại diện có trách nhiệm thẩm quyền để thực hiện tất cả các giao dịch cho và đại diện cho bất kỳ và tất cả các bên tham gia liên doanh trong quá trình đấu thầu và thực hiện hiện hợp đồng nếu liên doanh được trao hợp đồng.
D. Nộp và Mở Hồ sơ dự thầu	
ITB 23.1	Nhà thầu sẽ không được chọn phương án nộp Hồ sơ dự thầu qua đường điện tử.
ITB 23.1 (b)	Nếu các nhà thầu lựa chọn nộp hồ sơ dự thầu điện tử, thì phải tuân theo các thủ tục nộp hồ sơ dự thầu điện tử sau đây: Không áp dụng
ITB 23.2 (c)	Việc xác định quá trình đấu thầu này là: 1 giai đoạn 2 túi hồ sơ
ITB 24.1	Chỉ nhằm mục đích nộp Hồ sơ dự thầu , địa chỉ của Bên mua là : Người nhận: Ông Nguyễn Trường Giang – Giám đốc NPMU dự án KfW8. Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp – NPMU dự án KfW8 Địa chỉ: Phòng 603, tầng 6, tòa nhà số 2, khu liên cơ Bộ Nông nghiệp và PTNT, số 16 Thụy Khuê quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam. ZIP code: 084 Điện thoại: 84-24-37286237. Fax: 84-24-37286236. Email: kfw8npmu@gmail.com
ITB 24.1	Hạn chót nộp Hồ sơ dự thầu là: Ngày: 03 tháng 8 năm 2018 (ngày thứ bốn mươi lăm kể từ ngày đầu tiên phát hành HSMT) Giờ Việt Nam: 10 giờ 00 phút giờ GMT+07:00
ITB 27.1	Lễ mở HSDXKT sẽ diễn ra tại:

	<p>Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp – NPMU dự án KfW8</p> <p>Địa chỉ: Phòng 604, tầng 6, tòa nhà số 2, khu liên cơ Bộ Nông nghiệp và PTNT, số 16 Thụy Khuê quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam.</p> <p>ZIP code: 084</p> <p>Điện thoại: 84-24-37286237. Fax: 84-24-37286236.</p> <p>Ngày: 03 tháng 8 năm 2018</p> <p>Giờ Việt Nam: 10 giờ 10 phút giờ GMT+07:00</p>
ITB 27.1	Trình tự mở Hồ sơ dự thầu điện tử: Không áp dụng
ITB 27.6	Tất cả đại diện bên mời thầu tham dự buổi lễ mở thầu sẽ ký/ký tắt vào Đơn dự thầu và Đề xuất kỹ thuật.
ITB 27.11	Tất cả đại diện bên mời thầu tham dự buổi lễ mở thầu sẽ ký/ký tắt vào Đơn dự thầu và Bảng chào giá.
E. Đánh giá, và So sánh Hồ sơ dự thầu	
ITB 37.1	<p>Giá dự thầu trong Hồ sơ dự thầu bằng các loại tiền tệ khác nhau sẽ được chuyển đổi thành: Đồng Việt Nam (VNĐ).</p> <p>Nguồn sử dụng tỷ giá qui đổi: Theo tỷ giá mua chuyển khoản tại Sở giao dịch Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.</p> <p>Ngày áp dụng tỷ giá qui đổi: 07 ngày trước ngày mở thầu.</p>
ITB 38.1	Biên độ ưu đãi (ưu tiên nội địa) sẽ không được áp dụng.
F. Trao Hợp đồng	
ITB 42.1	Việc trao hợp đồng cần phải có ý kiến không phản đối của KfW về báo cáo đánh giá và dự thảo lần cuối của hợp đồng
ITB 43.1	<p>Giá trị phần trăm tối đa của khối lượng tăng: Không áp dụng.</p> <p>Giá trị phần trăm tối đa của khối lượng giảm: Không áp dụng.</p>

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá và năng lực

Bảng tiêu chuẩn đánh giá

1. Tiêu chuẩn đánh giá

Các tiêu chuẩn kỹ thuật được quy định cụ thể mức tối thiểu về mặt kỹ thuật đối với Hàng hoá và Các Dịch vụ liên quan phải tuân thủ theo Chương VI, Lịch Biểu cung cấp. Bất cứ khi nào có thể, các tiêu chí này phải được đánh giá trên nguyên tắc (Đạt hoặc Không đạt), với một mức độ tối thiểu chấp nhận được cho mỗi tiêu chí được liệt kê.

Chi phí của tất cả các sai lệch định lượng hoặc thiếu sót từ các yêu cầu kỹ thuật được quy định tại Mục 6 (Biểu Cung cấp) sẽ được đánh giá. Bên mua sẽ tự đánh giá chi phí của những sai lệch hoặc thiếu sót này nhằm mục đích đảm bảo so sánh hợp lý các hồ sơ dự thầu.

2. Tiêu chuẩn năng lực:

Các nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chuẩn năng lực theo quy định của bên mời thầu trên cơ sở đạt hay không đạt. Trừ khi, có các chỉ định cụ thể khác, các đơn vị pháp nhân bao gồm các nhà thầu và công ty mẹ, công ty con hoặc các chi nhánh của nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí này.

Mục 1: Tiêu chí đề xuất

Các tiêu chuẩn sau được sử dụng để đánh giá các tiêu chí mà các nhà thầu đưa ra:

2.1 Tính hợp lệ/đủ điều kiện

(i) Điều kiện đủ là các nhà thầu tham gia dự thầu phải nêu rõ về quốc tịch, xung đột lợi ích, tình trạng là doanh nghiệp sở hữu nhà nước và các chế tài xử phạt bởi KfW hoặc các tổ chức quốc tế khác

(ii) Hồ sơ dự thầu của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc Hồ sơ dự thầu;

b) Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của Hồ sơ mời thầu. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo thỏa thuận trong văn bản thỏa thuận liên danh;

c) Thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật đồng thời đáp ứng thời gian theo yêu cầu của Hồ sơ mời thầu;

d) Thời hạn hiệu lực của Hồ sơ dự thầu đáp ứng yêu cầu theo quy định tại ITB 20.1;

đ) Có bảo đảm dự thầu không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại ITB 21.1;

e) Không có tên trong hai hoặc nhiều Hồ sơ dự thầu với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh) đối với cùng một gói thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì nhà thầu không có tên trong hai hoặc nhiều Hồ sơ dự thầu với tư cách là nhà thầu chính đối với phần mà nhà thầu tham dự thầu;

g) Có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) và trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện;

h) Nhà thầu phải có Cam kết thực hiện áp dụng theo biểu mẫu Chương IV (Các mẫu biểu trong hồ sơ thầu).

Nhà thầu có Hồ sơ dự thầu hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực kỹ thuật và kinh nghiệm

2.2 Kinh nghiệm và năng lực kỹ thuật

2.2.1 Kinh nghiệm hợp đồng

Hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) trong vòng 07 năm qua (tính đến thời điểm đóng thầu), ít nhất 03 hợp đồng cung cấp ô tô cho dự án hoặc tổ chức, trong đó có ít nhất 01 hợp đồng có giá trị 10.850.000.000 VNĐ hoặc 434.000 EUR có tính chất, và sự phức tạp cũng như phạm vi cung cấp tương tự mô tả trong Chương VI Lịch biểu cung cấp.

Nhà thầu phải nộp kèm theo bản sao công chứng: hợp đồng, biên bản bàn giao hoặc biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng, hoặc biên bản thanh lý hợp đồng.

2.2.2 Năng lực kỹ thuật

Nhà thầu phải chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

- a) Cán bộ quản lý có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm công tác: 01 Cử nhân chuyên ngành quản lý kinh tế và 01 Cử nhân chuyên ngành quản trị kinh doanh.
- b) Cán bộ kỹ thuật có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm công tác: 01 Kỹ sư ô tô và 01 Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy.

Nhà thầu phải gửi các hồ sơ tài liệu (được công chứng trong thời gian 06 tháng tính đến thời điểm đóng thầu) để chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhân sự (kinh nghiệm của nhân sự được tính từ ngày tham gia đóng bảo hiểm tại đơn vị dự thầu):

- + Hợp đồng lao động còn thời hạn.
- + Bằng tốt nghiệp đại học.
- + Văn bản xác nhận của cơ quan bảo hiểm về việc tham gia bảo hiểm xã hội của nhà thầu cho các nhân sự này tối thiểu 03 năm tính đến trước thời điểm đóng thầu 01 tháng.
- + Bản sao sổ bảo hiểm.

2.3 Tiêu chuẩn tài chính

Để được trao Hợp đồng, Nhà thầu phải đạt các tiêu chí tối thiểu sau, nếu không đạt Nhà thầu sẽ bị loại bỏ:

2.3.1 Báo cáo tài chính các năm qua

(i) Nộp báo cáo tài chính từ năm 2015 đến năm 2017 để cung cấp thông tin chứng minh tình hình tài chính lành mạnh của nhà thầu.

(ii) Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm gần nhất phải dương.

Nhà thầu hoạt động phải có lãi hàng năm trong 3 năm gần đây (2015, 2016, 2017).

Nhằm đối chứng với các số liệu mà nhà thầu kê khai, nhà thầu nộp Báo cáo tài chính và bản chụp được chứng thực của một trong các tài liệu sau:

- i. Biên bản kiểm tra quyết toán thuế trong 3 năm tài chính gần đây (2015, 2016, 2017);
- ii. Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế GTGT và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai trong 3 năm tài chính gần đây (2015, 2016, 2017);
- iii. Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế trong 3 năm tài chính gần đây (2015, 2016, 2017);
- iv. Báo cáo kiểm toán.

2.3.2 Quy mô hoạt động

(i) Nhà thầu phải có ít nhất 03 năm kinh nghiệm trong cung cấp Hàng hoá và Các Dịch vụ liên quan.

(ii) Nhà thầu phải có doanh thu trung bình hàng năm trong 03 năm gần đây (2015, 2016, 2017), tối thiểu là: 23.250.000.000 VNĐ hoặc 930.000 EUR (bằng chữ: Hai mươi ba tỷ, hai trăm năm mươi triệu đồng hoặc Chín trăm ba mươi nghìn Euro).

Để được tiếp tục xem xét, đánh giá HSDXTC, Nhà thầu phải chứng minh đáp ứng yêu cầu về:

2.1 Tính hợp lệ / đủ điều kiện

2.2 Kinh nghiệm và năng lực kỹ thuật

2.3 Tiêu chuẩn tài chính

Mục 2: Yêu cầu cụ thể của các tiêu chí đánh giá

2.1 Tính hợp lệ / đủ điều kiện

2.1.1 Điều kiện đủ

Tiêu chuẩn	Yêu cầu tuân thủ			Tài liệu	
Yêu cầu	Đơn vị độc lập	Liên danh			Yêu cầu nộp hồ sơ
		Tất cả các thành viên	Mỗi thành viên	Một thành viên	

2.1.1.1 Quốc tịch

Quốc tịch phù hợp với Điều 4.2 ITB	Phải đáp ứng yêu cầu	Phải đáp ứng yêu cầu	Phải đáp ứng yêu cầu	Không áp dụng	HSDXKT; Các mẫu ELI – 1 và ELI – 2
------------------------------------	----------------------	----------------------	----------------------	---------------	------------------------------------

2.1.1.2 Xung đột lợi ích

Không có xung đột lợi ích theo Điều 4.3 ITB	Phải đáp ứng yêu cầu	Phải đáp ứng yêu cầu	Phải đáp ứng yêu cầu	Không áp dụng	HSDXKT
---	----------------------	----------------------	----------------------	---------------	--------

2.1.1.3 Doanh nghiệp nhà nước

Nhà thầu phải đáp ứng điều kiện của Điều 4.4 ITB.	Phải đáp ứng yêu cầu	Phải đáp ứng yêu cầu	Phải đáp ứng yêu cầu	Không áp dụng	HSDXKT; Các mẫu ELI – 1 và ELI – 2
---	----------------------	----------------------	----------------------	---------------	------------------------------------

2.1.1.4 Điều kiện Liên hiệp quốc

Không bị tuyên bố bất hợp lệ theo nghị quyết của Ủy ban An toàn Liên hợp quốc như đã mô tả trong Điều 4.6 ITB	Phải đáp ứng yêu cầu	Phải đáp ứng yêu cầu	Phải đáp ứng yêu cầu	Không áp dụng	HSDXKT
---	----------------------	----------------------	----------------------	---------------	--------

2.1.1.5 Tranh chấp chưa giải quyết

Nhà thầu trong khi đang chờ khiếu kiện và phán quyết của trọng tài sẽ không được áp dụng.

Tiêu chuẩn	Yêu cầu tuân thủ				Tài liệu
Yêu cầu	Đơn vị độc lập	Liên danh			Yêu cầu nộp hồ sơ
		Tất cả thành viên	Mỗi thành viên	Một thành viên	
Tất cả các vụ kiện/tranh chấp chưa giải quyết và trọng tài, nếu có, sẽ được xử lý như giải quyết đối với các nhà thầu và có giá trị tổng cộng không vượt quá 100 phần trăm giá trị thực của nhà thầu tính bằng chênh lệch giữa tổng tài sản và tổng nguồn vốn.	Phải đáp ứng yêu cầu	Không áp dụng	Phải đáp ứng yêu cầu	Không áp dụng	Mẫu LIT - 1

2.1.2. Tính hợp lệ: Đáp ứng yêu cầu tại Khoản 2.1 Mục 1 Chương III

2.2 Kinh nghiệm và năng lực kỹ thuật

2.2.1 Kinh nghiệm hợp đồng

Tiêu chuẩn	Yêu cầu tuân thủ				Tài liệu
Yêu cầu	Đơn vị độc lập	Liên danh			Yêu cầu thông tin
		Tất cả các thành viên	Mỗi thành viên	Một thành viên	
Hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) trong vòng 07 năm qua (tính đến thời điểm đóng thầu), ít nhất 03 hợp đồng cung cấp ô tô cho dự án hoặc tổ chức,	Phải đáp ứng yêu cầu	Phải đáp ứng yêu cầu	Không áp dụng	Không áp dụng	Mẫu EXP -1

<p>trong đó có ít nhất 01 hợp đồng có giá trị 10.850.000.000 VNĐ hoặc 434.000 EUR có tính chất, và sự phức tạp cũng như phạm vi cung cấp tương tự mô tả trong Chương VI Lịch biểu cung cấp.</p> <p>Nhà thầu phải nộp kèm theo bản sao công chứng: hợp đồng, biên bản bàn giao hoặc biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng, hoặc biên bản thanh lý hợp đồng.</p>					
---	--	--	--	--	--

2.2.2 Năng lực kỹ thuật

Tiêu chuẩn	Tuân thủ yêu cầu			Tài liệu	
Yêu cầu	Đơn vị độc lập	Liên danh			Yêu cầu nộp hồ sơ
		Tất cả các thành viên	Mỗi thành viên	Một thành viên	
<p>Nhà thầu phải chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:</p> <p>c) Cán bộ quản lý có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm công tác: 01 Cử nhân chuyên ngành quản lý kinh tế và 01 Cử nhân chuyên ngành quản trị kinh doanh.</p> <p>d) Cán bộ kỹ thuật có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm công tác: 01 Kỹ sư ô tô và 01 Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy.</p> <p>Nhà thầu phải gửi các hồ sơ tài</p>	<p>Phải đáp ứng yêu cầu</p>	<p>Phải đáp ứng yêu cầu</p>	<p>Không áp dụng</p>	<p>Không áp dụng</p>	<p>Mẫu EXP -2</p>

<p>liệu (được công chứng trong thời gian 06 tháng tính đến thời điểm đóng thầu) để chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhân sự (kinh nghiệm của nhân sự được tính từ ngày tham gia đóng bảo hiểm tại đơn vị dự thầu):</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hợp đồng lao động còn thời hạn. + Bằng tốt nghiệp đại học. + Văn bản xác nhận của cơ quan bảo hiểm về việc tham gia bảo hiểm xã hội của nhà thầu cho các nhân sự này tối thiểu 03 năm tính đến trước thời điểm đóng thầu 01 tháng. + Bản sao sổ bảo hiểm. 					
---	--	--	--	--	--

2.3 Tình hình tài chính

2.3.1 Báo cáo tài chính

Tiêu chuẩn	Tuân thủ yêu cầu			Các tài liệu	
Yêu cầu	Đơn vị độc lập	Liên danh			Yêu cầu nộp hồ sơ
		Tất cả các thành viên	Mỗi thành viên	Một thành viên	
Nộp báo cáo tài chính được kiểm toán hoặc, nếu không được yêu cầu bởi pháp luật của quốc gia Nhà thầu, các báo cáo tài chính khác được chấp nhận cho người mua, trong 03 năm qua để chứng minh tính đúng đắn hiện nay của tình hình tài chính của nhà thầu. Ở mức tối thiểu, giá trị tài sản của Nhà thầu cho năm vừa qua được tính bằng chênh lệch giữa tổng tài sản và tổng nợ phải là số dương.	Phải đáp ứng yêu cầu	Phải đáp ứng yêu cầu	Không áp dụng	Không áp dụng	Mẫu FIN - 1

2.3.2 Quy mô hoạt động (doanh thu trung bình hàng năm)

Criteria	Tuân thủ yêu cầu			Các tài liệu	
Yêu cầu	Đơn vị độc lập	Liên danh			Yêu cầu nộp hồ sơ
		Tất cả các thành viên	Mỗi thành viên	Một thành viên	
Doanh thu trung bình tối thiểu hàng năm là 23.250.000.000 VNĐ hoặc 930.000 EUR được tính bằng tổng thanh toán nhận được của nhà thầu cho các hợp đồng đã hoàn thành hoặc đang thực hiện trong 03 năm	Phải đáp ứng yêu cầu	Phải đáp ứng yêu cầu	Phải đáp ứng các yêu cầu	Phải đáp ứng các yêu cầu	Mẫu FIN - 2

qua (2015, 2016, 2017).					
-------------------------	--	--	--	--	--

3. Đánh giá về kinh tế

Tiêu chuẩn kinh tế sử dụng để xác định giá dự thầu thấp nhất khi đánh giá một hồ sơ dự thầu. Những tiêu chí để đánh giá là giá dự thầu và các yếu tố khác bằng tiền như yếu tố liên quan đến đặc tính, hiệu suất, và các điều khoản, điều kiện của việc mua sắm hàng hoá.

Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp với tổng giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên mua;

3.1. Điều chỉnh phạm vi

3.1.1 Đóng gói tại địa phương và vận chuyển nội địa: Không áp dụng

3.1.2 Các thiếu sót nhỏ hoặc các hạng mục bị bỏ sót

Những chi phí thiếu sót nhỏ hoặc các mục bị bỏ sót trong phạm vi cung cấp, dịch vụ... sẽ phải được thêm vào giá dự thầu để so sánh trên cơ sở bình đẳng. Việc điều chỉnh giá phải dựa trên một ước tính hợp lý của chi phí do Tổ chuyên gia đấu thầu thực hiện để xem xét các giá chào tương ứng trích dẫn từ các hồ sơ dự thầu khác phù hợp. Việc điều chỉnh giá phải dựa trên giá công bằng tương ứng của các mặt hàng bị bỏ sót. Phương pháp được sử dụng là sử dụng giá chào cao nhất của các nhà thầu khác cho hạng mục này.

3.2 Điều chỉnh những sai lệch về Điều khoản thanh toán:

Những sai lệch/điều chỉnh so với Điều khoản thanh toán được nêu ra trong các Điều kiện cụ thể của Hợp đồng, mục SCC 16.1, là không được phép.

3.3 Điều chỉnh những sai lệch về Lịch biểu giao hàng và hoàn thành:

Việc điều chỉnh lịch giao hàng sai lệch tăng thời gian so với Lịch biểu giao hàng và hoàn thành được chỉ ra trong Chương VI- Lịch biểu cung cấp, là không được phép.

3.4 Chi phí vận hành và bảo dưỡng: Không áp dụng

3.5 Phụ tùng:

Danh sách các phụ tùng và số lượng các thiết bị kèm theo xe được đưa ra tại Chương VI, Lịch biểu cung cấp, sẽ được đưa vào danh sách trong việc đánh giá Hồ sơ dự thầu. Những đề nghị yêu cầu quy định nhà cung cấp phụ tùng thay thế sẽ không được xem xét trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu.

3.6 Hiệu suất và năng suất của hàng hoá: Không áp dụng

3.7 Nhiều Hợp đồng: Không áp dụng.

3.8 Biên độ ưu đãi: Không áp dụng.

Chương IV. Các mẫu biểu trong hồ sơ dự thầu

Bảng các mẫu biểu

Đơn dự thầu (thuộc HSDXKT).....	49
Cam kết thực hiện.....	51
Đơn dự thầu (thuộc HSDXTC).....	52
Bảng chào giá cho Hàng hóa chào từ bên trong quốc gia Bên mua	54
Bảng chào giá cho Hàng hóa chào từ bên ngoài quốc gia Bên mua	55
Bảng chào giá cho Các Dịch vụ liên quan được chào từ bên ngoài và bên trong quốc gia Bên mua	56
Mẫu Bảo đảm dự thầu	57

Đơn dự thầu (thuộc HSDXKT)

-- Lưu ý --

Nhà thầu phải hoàn thiện biểu nộp HSDXKT, ở trên đầu thư phải ghi rõ ràng tên và địa chỉ đầy đủ của nhà thầu

Ngày: _____

ICB số: _____

Thư mời thầu số: _____

Thay thế số: _____

Kính gửi:

Chúng tôi, những người ký tên dưới đây, tuyên bố:

- a) Chúng tôi đã xem xét kỹ lưỡng Hồ sơ mời thầu bao gồm phụ lục theo hướng dẫn cho nhà thầu Điều ITB 8 _____;
- b) Chúng tôi chào giá cung cấp theo Hồ sơ mời thầu và theo lịch biểu như nêu trong Chương VI- Lịch biểu cung cấp, các Hàng hóa và Các Dịch vụ liên quan như sau: *(mô tả ngắn gọn về hàng hóa và dịch vụ liên quan)* _____;
- c) Hồ sơ dự thầu của chúng tôi gồm HSDXKT và HSDXTC có hiệu lực trong ... ngày [điền thời gian có hiệu lực theo quy định tại ITB 20.1 trong BDS] kể từ ngày xác định hạn nộp theo HSMT, và sẽ vẫn ràng buộc chúng tôi và có thể được chấp nhận vào bất kỳ thời điểm nào trước khi hết hạn.
- d) Công ty của chúng tôi, gồm các nhà thầu phụ và nhà cung cấp bất kỳ phần nào trong hợp đồng, có quốc tịch từ các quốc gia hợp lệ theo ITB 4.2.
- e) Chúng tôi, gồm các nhà thầu phụ và nhà cung cấp bất kỳ phần nào trong hợp đồng, không có mâu thuẫn lợi ích nào theo ITB 4.3.
- f) Chúng tôi không tham gia, với tư cách một nhà thầu của hơn một HSDT trong quá trình đấu thầu theo ITB 4.3 (e), ngoại trừ các chào hàng thay thế phù hợp với HSMT.
- g) Công ty chúng tôi, các công ty con hoặc chi nhánh, gồm bất kỳ nhà thầu phụ hay nhà cung cấp cho bất kỳ phần nào của hợp đồng, không bị KFW tuyên bố ko đủ điều kiện, theo luật của quốc gia Bên mua hoặc các quy định chính thức hoặc bởi một hành vi tuân thủ với quyết định của Hội đồng bảo an LHQ.

- h) [Chúng tôi không phải doanh nghiệp nhà nước]/ [Chúng tôi là doanh nghiệp nhà nước nhưng đáp ứng yêu cầu tại ITB 4.5].¹
- i) Chúng tôi đồng ý cho phép KFW hoặc đại diện của KFW kiểm tra các tài khoản và ghi chép cũng như các tài liệu khác liên quan đến nộp Hồ sơ dự thầu của chúng tôi và cho phép kiểm toán viên do KFW chỉ đạo tiến hành kiểm toán

Tên _____

Chức vụ _____

Ký tên _____

Được uỷ quyền hợp pháp để ký Hồ sơ dự thầu cho và thay mặt cho _____

Ngày _____

¹ Sử dụng một trong hai lựa chọn nếu thích hợp.

Cam kết thực hiện

Chúng tôi nhấn mạnh tầm quan trọng của một quá trình đấu thầu tự do, công bằng và cạnh tranh loại trừ mọi hành động gian lận. Về việc này, chúng tôi không trực tiếp hay gián tiếp giành các ưu đãi quá mức chấp nhận cho bất kỳ cá nhân nào hoặc công chức nào có liên quan đến hồ sơ dự thầu của chúng tôi. Đồng thời, chúng tôi cũng sẽ không dành bất cứ ưu đãi hoặc điều kiện nào trong quá trình đấu thầu hiện tại, trong trường hợp chúng tôi được trao hợp đồng hoặc trong quá trình triển khai hợp đồng sau đó. Chúng tôi cam kết không có mâu thuẫn lợi ích theo các nội dung trong các Hướng dẫn tương ứng². Chúng tôi cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tôn trọng các tiêu chuẩn xã hội tối thiểu ("Tiêu chuẩn lao động") trong quá trình triển khai dự án. Chúng tôi cam kết tuân thủ các quy định pháp luật của nước Việt Nam.

Chúng tôi sẽ thông báo cho nhân viên của chúng tôi về các nghĩa vụ tương ứng của từng nhân viên cũng như về nghĩa vụ hoàn thành cam kết thực hiện công việc và tuân thủ các quy định pháp luật của nước Việt Nam.

Chúng tôi cũng tuyên bố rằng công ty của chúng tôi/tất cả các thành viên trong liên danh chưa từng có tên trong danh sách trừng phạt của Liên Hiệp Quốc, Liên Minh Châu Âu, Chính phủ Đức hay bất kỳ danh sách trừng phạt nào khác và xin khẳng định rằng công ty chúng tôi/tất cả các thành viên của liên danh sẽ thông báo ngay cho khách hàng và KfW nếu sau giai đoạn sau có phát sinh trường hợp này.

Chúng tôi nhận biết rằng trong trường hợp công ty của chúng tôi (hoặc một thành viên trong liên danh) bị đưa vào danh sách áp dụng các biện pháp trừng phạt thì theo quy định ràng buộc pháp lý đối với chủ đầu tư và/hoặc KfW, chủ đầu tư có quyền loại trừ công ty/liên danh của chúng tôi ra khỏi quá trình mua sắm/đấu thầu, và nếu hợp đồng được trao cho công ty/liên doanh của chúng tôi thì chủ đầu tư được quyền chấm dứt hợp đồng ngay lập tức nếu các tuyên bố đưa ra trong Cam kết thực hiện này sai lệch về mặt khách quan hay hay phát sinh các lý do loại trừ chúng tôi ra khỏi quá trình đấu thầu sau khi đã đưa ra cam kết thực hiện.

.....

(Địa điểm)

(Ngày tháng)

(Tên công ty)

.....

(Chữ ký)

² Xem "Hướng dẫn nhiệm vụ tư vấn trong Hợp tác tài chính với các nước đối tác" và "Hướng dẫn mua sắm hàng hóa, công trình và các dịch vụ kèm theo trong Hợp tác tài chính với các nước đối tác"

Đơn dự thầu (thuộc HSDXTC)

-- Note --

Nhà thầu phải hoàn thiện biểu nộp HSDXTC, ở trên đầu thư phải ghi rõ ràng tên và địa chỉ đầy đủ của nhà thầu

Ngày: _____

ICB số: _____

Thư mời thầu số: _____

Thay thế số: _____

To: [*Ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư/Bên mời thầu*]

Chúng tôi, ký tên dưới đây, tuyên bố rằng:

- (a) Chúng tôi đã kiểm tra và không có hạn chế nào về HSMT, gồm cả Phụ lục được ban hành theo Hướng dẫn cho Nhà thầu (ITB) 8.
- (b) Chúng tôi cung cấp phù hợp với HSMT và phù hợp với tiến độ giao hàng ở mục 6 (tiến độ cung cấp), các hàng hóa và dịch vụ liên quan sau: ... [*mô tả ngắn gọn về hàng hoá và dịch vụ liên quan*].
- (c) Tổng giá HSDT của chúng tôi, ko bao gồm các khoản giảm trừ ở mục (d) dưới đây là

Số tiền ngoại tệ bằng chữ, bằng số, và số tiền nội tệ bằng chữ, bằng số

Tổng giá dự thầu từ biểu giá sẽ được nhà thầu điền vào hộp này. Bỏ sót tổng giá dự thầu trong sheet nộp giá dự thầu có thể khiến hồ sơ bị loại

- (d) Các khoản giảm trừ được yêu cầu và phương pháp áp dụng như sau:

Giảm trừ: nếu HSDT của chúng tôi được chấp thuận, các khoản giảm trừ sau sẽ được áp dụng ... [*quy định cụ thể từng mức giảm trừ và nội dung cụ thể của tiến độ cung cấp áp dụng*] ...

Phương pháp áp dụng giảm trừ: giảm trừ sẽ được áp dụng theo phương thức sau: ... [*quy định cụ thể phương pháp áp dụng giảm trừ*] ...

- (e) HSDT của chúng tôi gồm có hiệu lực trong ... ngày [*thời gian có hiệu lực theo quy định tại ITB 20.1 trong BDS*] kể từ ngày xác định hạn nộp theo HSMT, và sẽ vẫn ràng buộc chúng tôi và có thể được chấp nhận vào bất kỳ thời điểm nào trước khi hết hạn
- (f) Nếu HSDT của chúng tôi được chấp thuận, chúng tôi sẽ cam kết một bảo lãnh thực hiện với ... % [*chỉ định 1 con số từ 5% đến 10%, phù hợp với SCC 18.1*] giá trị hợp đồng cho việc thực hiện hợp đồng.

- (g) Tiền hoa hồng, tiền thưởng, hoặc chi phí đã được thanh toán hoặc sẽ được thanh toán liên quan đến quá trình đấu thầu hoặc thực hiện hợp đồng³

Tên người nhận	Địa chỉ	Lý do	Số tiền
_____	_____	_____	_____
_____	_____	_____	_____
		-	
		-	

- (h) Chúng tôi hiểu rằng HSDT này, cùng với sự chấp nhận bằng văn bản từ phía ông gồm thông báo trao thầu, sẽ tạo thành một hợp đồng ràng buộc giữa chúng ta, cho tới khi hợp đồng chính thức được chuẩn bị và thực hiện.
- (i) Chúng tôi hiểu rằng phía ông không bị ràng buộc phải chấp nhận HSDT được đánh giá thấp nhất hay HSDT khác mà ông có thể nhận được.
- (j) Chúng tôi đồng ý cho phép KFW hoặc đại diện của KFW kiểm tra các tài khoản và ghi chép cũng như các tài liệu khác liên quan đến nộp Hồ sơ dự thầu của chúng tôi và cho phép kiểm toán viên do KFW chỉ đạo tiến hành kiểm toán.

Tên _____

Chức vụ _____

Ký tên _____

Được uỷ quyền hợp pháp để ký Hồ sơ dự thầu cho và thay mặt cho _____

Ngày _____

³ Nếu không có khoản nào đã được thanh toán hoặc sẽ được thanh toán, hãy cho biết "Không".

BẢNG CHÀO GIÁ cho Hàng hóa chào từ bên trong quốc gia Bên mua

Tên của Nhà thầu _____ Số IFB _____ Trang ____ của tổng số trang ____

1	2	3	4	5	6	7	8	9
Hạng mục	Mô tả hàng hóa	Xuất xứ	Giá trị nội địa tính theo phần trăm	Số lượng và Đơn vị tính	Đơn giá EXW	Tổng giá EXW cho từng hạng mục	Thuế bán hàng và các loại thuế khác cho từng hạng mục	Tổng giá cho từng hạng mục bao gồm các loại thuế
1	2	3	4	5	6	7 = 5 x 6	8	9 = 7 + 8
Tổng giá trị								

Ghi chú:

Cột 4: Theo quy định biên độ ưu đãi theo Điều ITB 38, nếu áp dụng.

Giá trị nội địa bao gồm công lao động nội địa, phần nội địa của nguyên vật liệu, chi phí quản lý nội địa và lợi nhuận từ giai đoạn khai thác nguyên vật liệu thô đến khi lắp ráp hoàn thiện.

Cột 6: Theo quy định của Điều ITB 14

Loại tiền tệ theo quy định tại Điều ITB 15

Giá chào sẽ bao gồm tất cả các loại thuế hải quan, thuế bán hàng và các loại thuế khác đã trả hoặc sẽ phải trả cho các bộ phận và và nguyên vật liệu thô được sử dụng để sản xuất lắp ráp của hạng mục được chào hoặc các loại thuế hải quan, thuế bán hàng và các loại thuế khác đã thanh toán cho các hạng mục nhập khẩu.

Cột 8: Phải trả tại Quốc gia Bên mua nếu được trao Hợp đồng

Tên _____

Chức vụ _____

Ký tên _____

Được uỷ quyền hợp pháp để ký Hồ sơ dự thầu cho và thay mặt cho _____

Ngày _____

BẢNG CHÀO GIÁ cho Hàng hóa chào từ bên ngoài quốc gia Bên mua

Tên của Nhà thầu _____ Số IFB _____ Trang ___ của tổng số trang ___

1	2	3	4	5	6	7	8
Hạng mục	Mô tả hàng hóa	Xuất xứ	Số lượng và Đơn vị tính	Đơn giá CIF (...) Hoặc CIP (...)	Đơn giá FOB (...) Hoặc FCA (...)	Tổng giá CIF hoặc CIP cho từng hạng mục	Tổng giá FOB hoặc FCA cho từng hạng mục
1	2	3	4	5	6	7 = 4 x 5	8 = 4 x 6
Tổng giá trị							

Ghi chú:

Cột 5 và 6 : Quy định Incoterm theo quy định tại Điều ITB 14

Loại tiền tệ theo quy định tại Điều ITB 15

Cột 6: Chỉ sử dụng khi Bên mua muốn giao vận chuyển và bảo hiểm cho công ty trong nước hoặc các đơn vị được ủy quyền khác. Việc xác định Hồ sơ dự thầu có giá đánh giá thấp nhất sẽ được dựa trên cơ sở giá CIF hoặc CIP, nhưng Bên mua có thể ký Hợp đồng bằng giá FOB hoặc FCA và tự thu xếp vận chuyển và/hoặc bảo hiểm.

Tên _____

Chức vụ _____

Ký tên _____

Được uỷ quyền hợp pháp để ký Hồ sơ dự thầu cho và thay mặt cho _____

Ngày _____

BẢNG CHÀO GIÁ

cho Các Dịch vụ liên quan được chào từ bên ngoài và bên trong quốc gia Bên mua

Tên của Nhà thầu _____ Số IFB _____ Số trang ____ của tổng số trang ____

1	2	3	4	5		6	
Hạng mục	Mô tả hàng hóa	Xuất xứ	Số lượng và Đơn vị tính	Đơn giá		Tổng giá cho từng hạng mục	
				(a)	(b)	(a)	(b)
				Ngoại tệ	Nội tệ	Ngoại tệ	Nội tệ
1	2	3	4	5(a)	5(b)	6(a) = 4 x 5(a)	6(b) = 4 x 5(b)
Tổng giá trị							

Ghi chú :

Cột 5 và 6: Các loại tiền tệ theo quy định tại Điều 15 ITB

Các giá sẽ được chào bao gồm tất cả các loại thuế hải quan, thuế bán hàng và các loại thuế khác áp dụng tại Quốc gia Bên mua và phải trả cho các Các Dịch vụ liên quan, nếu Nhà thầu được trao Hợp đồng.

Tên _____

Chức vụ _____

Ký tên _____

Được uỷ quyền hợp pháp để ký Hồ sơ dự thầu cho và thay mặt cho _____

Ngày _____

Bảo đảm dự thầu Bảo lãnh Ngân hàng

[Điền tên Ngân hàng, địa chỉ Văn phòng hoặc chi nhánh phát hành]

Bên thụ hưởng: *[Điền tên và địa chỉ Bên mua]*

Ngày: *[điền ngày tháng]*

BẢO ĐẢM DỰ THẦU SỐ: *[điền số]*

Chúng tôi được thông báo rằng *[điền tên Nhà thầu]* (sau đây gọi là "Nhà thầu") đã nộp Hồ sơ dự thầu ngày *[điền ngày tháng]* (sau đây gọi là "Hồ sơ dự thầu") để thực hiện *[điền tên hợp đồng]* theo Thư mời thầu số. *[điền số IFB]* ("số IFB").

Hơn nữa, chúng tôi hiểu rằng, theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, Hồ sơ dự thầu sẽ phải được nộp kèm một Bảo đảm dự thầu.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi *[điền tên Ngân hàng]* sau đây cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền hay các khoản tiền không vượt quá tổng số tiền là *[điền số tiền bằng số]/[điền số tiền bằng chữ]* khi nhận được yêu cầu bằng văn bản của các ông kèm theo một tuyên bố bằng văn bản rằng Nhà thầu đã vi phạm (các) nghĩa vụ theo các điều kiện của Hồ sơ dự thầu, do Nhà thầu đã:

- (a) Rút lại Hồ sơ dự thầu của mình trong khi Hồ sơ dự thầu đó còn hiệu lực được nhà thầu nêu rõ trong HSDXKT và HSDXTC; hoặc
- (b) không chấp nhận sửa lỗi theo Hướng dẫn cho các nhà thầu (sau đây gọi là "ITB"); hoặc
- (c) Được Bên mua thông báo chấp nhận Hồ sơ dự thầu khi Hồ sơ dự thầu còn hiệu lực mà (i) không ký hoặc từ chối thực hiện các điều khoản hợp đồng, hoặc (ii) không nộp hoặc từ chối cung cấp Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định trong ITB.

Bảo đảm này sẽ hết hiệu lực: (a) nếu Nhà thầu được trúng thầu, khi chúng tôi nhận được bản sao Hợp đồng đã được Nhà thầu ký và Bảo đảm thực hiện Hợp đồng đã được phát hành cho các ông theo hướng dẫn của Nhà thầu; và (b) nếu Nhà thầu không được trúng thầu, khi, tùy điều kiện nào đến trước, (i) chúng tôi nhận được một bản sao thông báo của ông gửi Nhà thầu nêu rõ tên của Nhà thầu trúng thầu; hoặc (ii) hai mươi tám (28) ngày sau ngày hết hạn của Hồ sơ dự thầu của Nhà thầu.

Vì vậy, bất kỳ đề nghị thanh toán nào liên quan đến bảo đảm này sẽ phải được chúng tôi nhận tại văn phòng vào thời điểm hoặc trước thời điểm như nêu trên.

Bảo lãnh này tuân theo các quy tắc thống nhất cho bảo lãnh theo yêu cầu, ICC Publication No. 458.

Tên _____

Chức vụ _____

Ký tên _____

Được uỷ quyền hợp pháp để ký Bảo đảm dự thầu cho và thay mặt cho _____

Ngày _____

-- Chú ý --

Trong trường hợp liên danh, bảo đảm dự thầu phải có tên của tất cả các thành viên trong liên danh

Bảng cấp của nhà thầu

Trình độ, bảng cấp của nhà thầu để thực hiện các hợp đồng theo quy định tại Chương III (Tiêu chuẩn đánh giá năng lực), Nhà thầu phải cung cấp các thông tin yêu cầu trong các Bản kê khai thông tin dưới đây.

Mẫu ELI - 1: Bản kê khai thông tin nhà thầu

Thông tin nhà thầu	
Tên nhà thầu	
Tên của các thành viên liên danh trong trường hợp liên danh	
Quốc gia của nhà thầu	
Năm thành lập của nhà thầu	
Địa chỉ của nhà thầu	
Đại diện ủy quyền của nhà thầu (tên, địa chỉ, điện thoại, fax, địa chỉ email)	
Đính kèm bản sao các tài liệu sau: <ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> 1. Trong trường hợp thực thể duy nhất thì điều lệ thành lập hoặc hiến pháp của quốc gia nhà thầu có tên nêu trên phù hợp với ITB 4.1 và ITB 4.2 <input type="checkbox"/> 2. Đại diện ủy quyền cho công ty hoặc liên danh có tên nêu trên phù hợp với ITB 22.2 <input type="checkbox"/> 3. Trong trường hợp liên danh thỏa thuận liên doanh phù hợp với ITB 4.1 <input type="checkbox"/> 4. Trong trường hợp doanh nghiệp nhà nước, bất kỳ giấy tờ khác không được đề cập trong mục 1 ở trên phải tuân thủ ITB 4.4 	

Mẫu ELI - 2: Bảng thông tin thành viên liên danh

Mỗi thành viên liên danh phải điền theo mẫu riêng

Thông tin liên danh	
Tên nhà thầu	
Tên thành viên liên danh	
Quốc gia của thành viên liên danh	
Năm thành lập của thành viên liên danh	
Địa chỉ các thành viên liên danh	
Thông tin đại diện ủy quyền liên danh (tên, địa chỉ, điện thoại, fax và địa chỉ email)	
<p>Đính kèm bản sao các tài liệu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> 1. Điều lệ thành lập các thành viên nêu trên theo ITB 4.1 và ITB 4.2 <input type="checkbox"/> 2. Ủy quyền đại diện cho liên danh nêu trên phù hợp với ITB 22. <input type="checkbox"/> 3. Trong trường hợp doanh nghiệp nhà nước, các báo cáo về pháp lý và tài chính tuân thủ pháp luật thương mại, theo ITB 4.4 	

Mẫu LIT – 1: Kiện tụng đang giải quyết

Mỗi Nhà thầu phải điền vào mẫu đơn này nếu có yêu cầu theo Mục 2.1.2 Chương 3 (Tiêu chuẩn đánh giá năng lực) để mô tả bất kỳ vụ kiện đang giải quyết.

Trong trường hợp liên danh, mỗi thành viên liên danh phải điền vào mẫu đơn này và cung cấp tên của thành viên liên danh như sau:

Thành viên liên danh: _____

Kiện tụng đang giải quyết			
<p>Chọn một trong các thông tin dưới đây:</p> <p><input type="checkbox"/> Không có vụ kiện nào đang giải quyết</p> <p><input type="checkbox"/> Dưới đây là mô tả về các vụ kiện đang giải quyết mà nhà thầu là một bên đương sự (hoặc mỗi thành viên của liên danh nếu là nhà thầu liên danh)</p>			
Năm	Vấn đề tranh chấp	Giá trị vụ kiện đang giải quyết tính bằng USD	Tỷ lệ của giá trị vụ kiện đang giải quyết so với giá trị tài sản ròng

Mẫu EXP - 1: Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện

Điền thông tin của từng hợp đồng

Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện		
Số hợp đồng	Contract Identification	
Ngày ký hợp đồng	Ngày hoàn thành	
Vai trò trong hợp đồng	<input type="checkbox"/> Nhà sản xuất <input type="checkbox"/> Nhà cung cấp <input type="checkbox"/> Nhà thầu phụ	
Giá trị hợp đồng	\$	
Nếu là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ, ghi giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhiệm	Ghi phần trăm trong tổng giá hợp đồng	Số tiền
Tên người mua Địa chỉ Điện thoại/Fax E-mail		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại mục 2.2.1 chương III		

Ghi chú: Nhà thầu phải nộp bản chụp hợp đồng có công chứng, bao gồm hợp đồng, biên bản bàn giao hoặc biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng, hoặc biên bản thanh lý hợp đồng. Bên mua có quyền yêu cầu nhà thầu cung cấp bản gốc hợp đồng để đối chiếu với bản chụp hợp đồng có công chứng nếu cần. Trong trường hợp Bên mua yêu cầu mà Nhà thầu không cung cấp được bản gốc hợp đồng để đối chiếu thì Bên mua sẽ đánh giá bản chụp hợp đồng có công chứng đó không có giá trị là hợp đồng tương tự đã thực hiện.

Mẫu EXP - 2: Năng lực kỹ thuật của nhà thầu

BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

- Đối với từng vị trí công việc quy định tại Mẫu này thì nhà thầu phải kê khai các thông tin chi tiết theo **mẫu dưới đây**:

- Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt có năng lực phù hợp đáp ứng các yêu cầu quy định tại Mục 2.2.1 Chương III và có thể sẵn sàng huy động cho gói thầu; không được kê khai những nhân sự đã huy động cho gói thầu khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này. Trường hợp kê khai không trung thực thì nhà thầu sẽ bị đánh giá là gian lận.

1	Vị trí công việc: <i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
	Tên: <i>[ghi tên nhân sự chủ chốt]</i>
2	Vị trí công việc: <i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
	Tên: <i>[ghi tên nhân sự chủ chốt]</i>
3	Vị trí công việc
	Tên
4	Vị trí công việc
	Tên
5	Vị trí công việc
	Tên

BẢN LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu dưới đây và phải gửi kèm theo bản chụp được chứng thực các văn bằng, chứng chỉ có liên quan.

Vị trí		
Thông tin nhân sự	Tên	Ngày, tháng, năm sinh:
	Trình độ chuyên môn:	
Công việc hiện tại	Tên của người sử dụng lao động:	
	Địa chỉ của người sử dụng lao động:	
	Điện thoại:	Người liên lạc (trưởng phòng / cán bộ phụ trách nhân sự):
	Fax:	E-mail:
	Chức danh:	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại:

BẢN KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN

Tóm tắt kinh nghiệm chuyên môn theo trình tự thời gian từ hiện tại trở về trước. Nêu rõ các kinh nghiệm chuyên môn và kinh nghiệm quản lý cụ thể liên quan đến gói thầu.

Từ	Đến	Công ty / Dự án / Chức vụ / Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan

Mẫu FIN - 1: Tình hình tài chính của nhà thầu

Mỗi nhà thầu phải kê khai theo mẫu này

Trong trường hợp liên danh, mỗi thành viên liên danh phải kê khai như sau:

Thành viên liên danh: _____

Số liệu tài chính cho ___ năm [EUR]		
Năm 1:	Năm 2:	Năm ___:

Thông tin từ Bảng cân đối kế toán

Tổng tài sản (TA)			
Tổng nợ (TL)			
Giá trị tài sản ròng = TA - TL			
Tài sản ngắn hạn (CA)			
Nợ ngắn hạn (CL)			
Vốn lưu động = CA - CL			

Vốn lưu động gần đây		Vốn lưu động huy động trong các năm gần đây và chuyển sang dòng 1 FIN- 3; trong trường hợp liên danh, tương ứng với từng thành viên liên danh FIN-3
-----------------------------	--	---

Thông tin từ Báo cáo kết quả kinh doanh

Tổng doanh thu			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

- ☐ Đính kèm là bản sao có công chứng báo cáo tài chính (Bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan và báo cáo kết quả kinh doanh) cho 03 năm gần nhất như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:
- Trừ khi có quy định khác của chương 3 hồ sơ mời thầu, tất cả các tài liệu đều phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu mà không phải tình hình tài chính của công ty mẹ hoặc công ty con hoặc chi nhánh của nhà thầu
 - Các báo cáo tài chính được kiểm toán theo quy định.
 - Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh bao gồm cả thuyết minh báo cáo tài chính.
 - Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành và được kiểm toán(không có báo cáo sẽ được yêu cầu bổ sung hoặc chấp nhận)

Mẫu FIN - 2: Quy mô của nhà thầu (Doanh thu bình quân hàng năm)

Mỗi nhà thầu phải điền theo mẫu này

Cung cấp doanh thu hàng năm của nhà thầu hoặc các thành viên liên danh căn cứ vào hóa đơn xuất cho khách hàng theo từng năm, chuyển đổi thành EUR theo tỷ giá quy định.

Trong trường hợp liên danh, các thành viên liên danh phải kê khai theo tên như sau:

Thành viên liên danh: _____

Doanh thu hàng năm trong năm gần đây			
Năm	Số tiền	Tỷ giá quy đổi	Tương đương EUR
Doanh thu bình quân hàng năm (AAT)			

Chương V. Các quốc gia hợp lệ

Tất cả các quốc gia được cho là đủ điều kiện trừ các quốc gia đang bị các biện pháp trừng phạt do Hội đồng bảo an Liên hợp quốc hoặc Hội đồng liên minh Châu Âu hoặc Chính phủ Đức hoặc Chính phủ Việt Nam

PHẦN 2 – Các yêu cầu cung cấp**Chương VI. Lịch biểu cung cấp****Mục lục**

1.	Danh sách Hàng hóa và Các Dịch vụ liên quan.....	69
2.	Lịch biểu giao hàng và hoàn thành	70
3.	Các thông số kỹ thuật	72
4.	Các bản vẽ	84

1. Danh sách Hàng hóa và Các Dịch vụ liên quan

Số gói thầu: 03HH-KfW8-NPMU				
Tên gói thầu: Mua xe ô tô cho dự án				
STT	Tên Hàng hóa hoặc Các Dịch vụ liên quan	Mô tả	Đơn vị tính	Khối lượng
01	Xe ô tô 2 cầu 7-8 chỗ ngồi	Xe ô tô 2 cầu 7-8 chỗ ngồi cho dự án KfW8	Chiếc	08
02	Xe pickup	Xe ô tô bán tải, cabin kép, hai cầu ≥ 5 chỗ ngồi cho dự án KfW8	Chiếc	13

2. Lịch biểu giao hàng và hoàn thành

Thời gian vận chuyển giao hàng bắt đầu từ _____.

STT	Mô tả Hàng hóa Hoặc Các Dịch vụ liên quan	Lịch giao hàng (Khoảng thời gian)	Địa điểm giao hàng	Ngày Hàng hóa đến theo yêu cầu hoặc Ngày hoàn thành Các Dịch vụ liên quan
01	Xe ô tô 2 cầu 7-8 chỗ ngồi	Trong vòng 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	Trường hợp ô tô được nhập khẩu: thành phố Hải Phòng, Việt Nam Trường hợp ô tô được cung cấp trong nước: Khu liên cơ số 2, 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội, Việt Nam	Trong vòng 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
02	Xe pickup	Trong vòng 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	Trường hợp ô tô được nhập khẩu: thành phố Hải Phòng, Việt Nam Trường hợp ô tô được cung cấp trong nước: Khu liên cơ số 2, 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội, Việt Nam	Trong vòng 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng

Ghi chú: - Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm bàn giao hàng hóa đến địa điểm giao hàng và hướng dẫn sử dụng cơ bản cho Bên mua.

- Nhà thầu sẽ phải chịu trách nhiệm hoàn tất mọi thủ tục liên quan để Bên mua làm thủ tục đăng ký và lưu hành hàng hóa.

- Phí lưu kho bãi: Bên mua chỉ chịu chi phí lưu kho bãi kể từ ngày Nhà thầu hoàn tất mọi thủ tục cần thiết để phục vụ việc đăng ký và lưu hành hàng hóa và thông báo giao nhận hàng hóa cho Bên mua bằng văn bản.

3. Các thông số kỹ thuật

3.1. Việc đánh giá các yêu cầu về kỹ thuật của hàng hoá được thực hiện theo tiêu chí “Đạt”; hoặc “Không đạt”.

3.2. Những nhà thầu không nêu các tiêu chuẩn kỹ thuật cụ thể mà chỉ sao chép lại nội dung yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật như trong Hồ sơ mời thầu có các dấu \geq \leq $>$ $<$ cũng bị đánh giá là không đạt yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật đó.

3.3. Hồ sơ dự thầu của nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật khi được đánh giá là đạt tất cả các nội dung yêu cầu được nêu dưới đây.

(i) Xe ô tô hai cầu 7-8 chỗ ngồi:

STT	Tên của Hàng hóa Hoặc Các Dịch vụ liên quan	Đơn vị tính	Mô tả kỹ thuật, Thông số và Các tiêu chuẩn	Mức độ đáp ứng		
				Đạt	Chấp nhận được	Không Đạt
I	Thông tin chung:					
1	Chủng loại hàng hóa cung cấp:		Xe ô tô hai cầu 7 -8 chỗ ngồi	Xe ô tô hai cầu 7 -8 chỗ ngồi		Khác loại Xe ô tô hai cầu 7 -8 chỗ ngồi
2	Số lượng xe:	xe	08	08		< 08
3	Nhãn hiệu:		Có nhãn hiệu rõ ràng	Có nhãn hiệu rõ ràng		Không có nhãn hiệu rõ ràng
4	Model:		Có Model rõ ràng	Có Model rõ ràng		Không có Model rõ ràng
5	Hãng sản xuất:		Có hãng sản xuất rõ ràng	Có hãng sản xuất rõ ràng		Không có hãng sản xuất rõ ràng
6	Nước xuất xứ:		Tất cả các quốc gia được cho là đủ điều kiện ngoại trừ xuất xứ từ quốc gia đang bị các biện pháp trừng phạt do Hội đồng bảo an liên Hợp quốc hoặc Hội đồng liên minh Châu Âu, Chính phủ Đức hoặc Chính phủ Việt Nam	Không phải các quốc gia đang bị các biện pháp trừng phạt do Hội đồng bảo an liên Hợp quốc hoặc Hội đồng liên minh Châu Âu, Chính phủ Đức hoặc Chính phủ Việt Nam		Các quốc gia đang bị các biện pháp trừng phạt do Hội đồng bảo an liên Hợp quốc hoặc Hội đồng liên minh Châu Âu, Chính phủ Đức hoặc Chính phủ Việt Nam
7	Năm sản xuất:		Năm 2018 hoặc sau năm 2018	Năm 2018 hoặc sau năm 2018		Trước năm 2018
8	Tiêu chuẩn khí thải:		Tối thiểu Euro 4	Tối thiểu Euro 4		Không đạt Euro 4
II	Thông số kỹ thuật:					

STT	Tên của Hàng hóa Hoặc Các Dịch vụ liên quan	Đơn vị tính	Mô tả kỹ thuật, Thông số và Các tiêu chuẩn	Mức độ đáp ứng		
				Đạt	Chấp nhận được	Không Đạt
1	Vị trí tay lái:		Tay lái thuận bên trong xe (bên trái của xe), có trợ lực, điều chỉnh độ nghiêng và độ cao cột tay lái	Tay lái thuận bên trong xe (bên trái của xe), có trợ lực, điều chỉnh độ nghiêng và độ cao cột tay lái		Không có tay lái thuận bên trong xe (bên trái của xe), không có trợ lực, điều chỉnh độ nghiêng và độ cao cột tay lái
2	Số lượng cầu:		Hai cầu chủ động (4WD)	Hai cầu chủ động (4WD)		Khác loại hai cầu chủ động (4WD)
3	Số lượng cửa xe:	cửa	05 cửa (2 cửa 2 bên, 01 cửa sau xe)	05 cửa (2 cửa 2 bên, 01 cửa sau xe)		Khác 05 cửa (2 cửa 2 bên, 01 cửa sau xe)
4	Số chỗ ngồi:	chỗ ngồi	7 đến 8 chỗ ngồi (Ghế trước tách biệt, hàng ghế thứ 3 quay mặt về phía trước có thể gập được)	7 đến 8 chỗ ngồi (Ghế trước tách biệt, hàng ghế thứ 3 quay mặt về phía trước có thể gập được)		Khác 7 đến 8 chỗ ngồi (Ghế trước tách biệt, hàng ghế thứ 3 quay mặt về phía trước có thể gập được)
5	Khoảng sáng gầm xe:	mm	≥ 215	≥ 215		< 215
6	Bán kính quay vòng tối thiểu:	m	$\geq 5,7$	$\geq 5,7$		$< 5,7$
7	Dung tích bình nhiên liệu:	lít	≥ 87	≥ 87		< 87
8	Hộp số:	cấp	≥ 5 số tự động hoặc số sàn	≥ 5 số tự động hoặc số sàn		< 5 số tự động hoặc số sàn
III	Động cơ:					
1	Kiểu động cơ:	xilanh	≥ 4	≥ 4		< 4
2	Trục cam		DOHC	DOHC		Khác loại DOHC
3	Số lượng van:	chiếc	≥ 16	≥ 16		< 16
4	Dung tích xilanh:	cc	≥ 2.900 đối với xe sử dụng nhiên liệu dầu Diesel hoặc ≥ 2.690 đối với xe sử dụng nhiên liệu xăng	≥ 2.900 đối với xe sử dụng nhiên liệu dầu Diesel hoặc ≥ 2.690 đối với xe sử dụng nhiên liệu xăng		< 2.900 đối với xe sử dụng nhiên liệu dầu Diesel hoặc < 2.690 đối với xe sử dụng nhiên liệu xăng
5	Nhiên liệu sử dụng:		Dầu Diesel, hoặc xăng	Dầu Diesel, hoặc xăng		Khác loại Dầu Diesel, hoặc xăng

STT	Tên của Hàng hóa Hoặc Các Dịch vụ liên quan	Đơn vị tính	Mô tả kỹ thuật, Thông số và Các tiêu chuẩn	Mức độ đáp ứng		
				Đạt	Chấp nhận được	Không Đạt
6	Dẫn động:		Hai cầu chủ động (4WD) với vi sai trung tâm chống trượt	Hai cầu chủ động (4WD) với vi sai trung tâm chống trượt		Khác loại Hai cầu chủ động (4WD) với vi sai trung tâm chống trượt
7	Công suất tối đa (SAE net)		$\geq 160/3250$ Hp/rpm	$\geq 160/3250$ Hp/rpm		$< 160/3250$ Hp/rpm
8	Mô men xoắn cực đại (SAE net)		$\geq 40.5/1500$ Kg-m/rpm đối với xe sử dụng nhiên liệu dầu Diesel hoặc $\geq 25/3800$ Kg- m/rpm đối với xe sử dụng nhiên liệu xăng	$\geq 40.5/1500$ Kg-m/rpm đối với xe sử dụng nhiên liệu dầu Diesel hoặc $\geq 25/3800$ Kg- m/rpm đối với xe sử dụng nhiên liệu xăng		$< 40.5/1500$ Kg-m/rpm đối với xe sử dụng nhiên liệu dầu Diesel hoặc $<$ $25/3800$ Kg-m/rpm đối với xe sử dụng nhiên liệu xăng
9	Hệ thống phun nhiên liệu		Có	Có hệ thống phun nhiên liệu		Không có hệ thống phun nhiên liệu
10	Ổ cắm điện trên xe		≥ 2 ổ cắm điện	≥ 2 ổ cắm điện		< 2 ổ cắm điện
11	Hệ thống điện		$\geq 12V$	$\geq 12V$		$< 12V$
IV	Hệ thống phanh và thiết bị an toàn:					
1	Phanh trước và Phanh sau:		Đĩa tản nhiệt	Đĩa tản nhiệt		Khác loại đĩa tản nhiệt
2	Phanh tay:		Có	Có phanh tay		Không có phanh tay
3	Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS) với Hệ thống phân bổ lực phanh điện tử (EBD) + trợ lực phanh (BA) + Hệ thống chống trơn trượt (VSC) + Hệ thống kiểm soát lực kéo (TRC)		Có	Có hệ thống chống bó cứng phanh (ABS) với Hệ thống phân bổ lực phanh điện tử (EBD) + trợ lực phanh (BA) + Hệ thống chống trơn trượt (VSC) + Hệ thống kiểm soát lực kéo (TRC)		Không có hệ thống chống bó cứng phanh (ABS) với Hệ thống phân bổ lực phanh điện tử (EBD) + trợ lực phanh (BA) + Hệ thống chống trơn trượt (VSC) + Hệ thống kiểm soát lực kéo (TRC)
4	Túi khí an toàn:		Có	Có túi khí an toàn cho người lái và hành khách		Không có túi khí an toàn cho người lái và hành khách
5	Thiết bị chống trộm:		Có	Có thiết bị chống trộm		Không có thiết bị chống trộm

STT	Tên của Hàng hóa Hoặc Các Dịch vụ liên quan	Đơn vị tính	Mô tả kỹ thuật, Thông số và Các tiêu chuẩn	Mức độ đáp ứng		
				Đạt	Chấp nhận được	Không Đạt
V	<i>Hệ thống giám sát:</i>					
1	Giám sát trước:		Độc lập, tay đòn kép, lò xo cuộn, thanh cân bằng hoặc Liên kết đa điểm	Độc lập, tay đòn kép, lò xo cuộn, thanh cân bằng hoặc Liên kết đa điểm		Khác loại độc lập, tay đòn kép, lò xo cuộn, thanh cân bằng hoặc Liên kết đa điểm
2	Giám sát sau:		Liên kết 4 điểm, lò xo cuộn với thanh ổn định	Liên kết 4 điểm, lò xo cuộn với thanh ổn định		Khác loại liên kết 4 điểm, lò xo cuộn với thanh ổn định
VI	<i>Lốp và vành xe:</i>					
1	Lốp xe		Lốp không săm	Lốp không săm		Khác loại lốp không săm
2	Cỡ lốp bánh xe:		≥ 265/65R17 hoặc ≥ 265/60R18	≥ 265/65R17 hoặc ≥ 265/60R18		< 265/65R17 hoặc < 265/60R18
3	Vành bánh xe:		Mâm đúc hợp kim	Mâm đúc hợp kim		Khác loại mâm đúc hợp kim
VII	<i>Trang thiết bị bên ngoài:</i>					
1	Cụm đèn trước:		Có, đèn Halogen Hi & Low, đèn sương mù	Có, đèn Halogen Hi & Low, đèn sương mù		Không có đèn Halogen Hi & Low, đèn sương mù
2	Cụm đèn hậu:		Có, đèn lùi, đèn phanh treo cao và hai bên, đèn xi nhan	Có, đèn lùi, đèn phanh treo cao và hai bên, đèn xi nhan		Không có, đèn lùi, đèn phanh treo cao và hai bên, đèn xi nhan
3	Kính chắn gió trước:		Có, theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất	Có, theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất		Không có kính chắn gió trước (không theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất)
4	Gương chiếu hậu ngoài:		Có (bên lái và phụ xe, điều khiển bằng điện)	Có Gương chiếu hậu ngoài (bên lái và phụ xe, điều khiển bằng điện)		Không có gương chiếu hậu ngoài (bên lái và phụ xe, điều khiển bằng điện)
5	Chấn bùn trước và sau:		Có	Có Chấn bùn trước và sau		Không có chấn bùn trước và sau
6	Bạc lên xuống hai bên và phía sau:		Có	Có Bạc lên xuống hai bên và phía sau		Không có bạc lên xuống hai bên và phía sau

STT	Tên của Hàng hóa Hoặc Các Dịch vụ liên quan	Đơn vị tính	Mô tả kỹ thuật, Thông số và Các tiêu chuẩn	Mức độ đáp ứng		
				Đạt	Chấp nhận được	Không Đạt
7	Rửa kính và gạt nước trước và sau:		Có (3 gạt nước: 2 phía trước và 1 phía sau)	Có (3 gạt nước: 2 phía trước và 1 phía sau)		Không có (3 gạt nước: 2 phía trước và 1 phía sau)
8	Ăng ten:		Có	Có Ăng ten		Không có Ăng ten
9	Sơn thân xe:		Các màu tiêu chuẩn của Nhà sản xuất	Các màu tiêu chuẩn của Nhà sản xuất		Khác các màu tiêu chuẩn của Nhà sản xuất
10	Ba đờ xóc trước và sau:		Có	Có Ba đờ xóc trước và sau		Không có Ba đờ xóc trước và sau
VIII	Trang thiết bị bên trong:					
1	Điều hoà nhiệt độ:	bộ	Loại hai dàn, hai chiều (nóng, lạnh), cửa gió cho cả 3 hàng ghế trước, không sử dụng CFC.	Loại hai dàn, hai chiều (nóng, lạnh), cửa gió cho cả 3 hàng ghế trước, không sử dụng CFC.		Khác loại hai dàn, hai chiều (nóng, lạnh), cửa gió cho cả 3 hàng ghế trước, không sử dụng CFC.
	Hộp lạnh	bộ	Hộp lạnh	Có hộp lạnh		Không có hộp lạnh
2	Hệ thống làm sạch không khí:		Quạt gió	Quạt gió		Khác loại Quạt gió
3	Bộ khởi động và đóng mở xe thông minh	bộ	Bộ khởi động và đóng mở xe thông minh	Có bộ khởi động và đóng mở xe thông minh		Không có bộ khởi động và đóng mở xe thông minh
4	Hệ thống âm thanh:	bộ	Có (6 loa, AM/FM radio, CD/MP3 và kết nối USB/AUX)	Có Hệ thống âm thanh (6 loa, AM/FM radio, CD/MP3 và kết nối USB/AUX)		Hệ thống âm thanh < 6 loa, không có AM/FM radio, CD/MP3 và không kết nối USB/AUX
5	Ghế phía trước tách biệt với người lái:		Có	Có Ghế phía trước tách biệt với người lái		Không có Ghế phía trước tách biệt với người lái
6	Dây đai an toàn cho tất cả các ghế ngồi:		Có	Có Dây đai an toàn cho tất cả các ghế ngồi		Không có Dây đai an toàn cho tất cả các ghế ngồi
7	Tựa đầu (cho ghế lái, ghế phụ, hàng ghế thứ 2 và thứ 3):		Có	Có Tựa đầu (cho ghế lái, ghế phụ, hàng ghế thứ 2 và thứ 3)		Không có Tựa đầu cho ghế lái, ghế phụ, hàng ghế thứ 2 và thứ 3

STT	Tên của Hàng hóa Hoặc Các Dịch vụ liên quan	Đơn vị tính	Mô tả kỹ thuật, Thông số và Các tiêu chuẩn	Mức độ đáp ứng		
				Đạt	Chấp nhận được	Không Đạt
8	Cụm đồng hồ: Đồng hồ đo tốc độ, đồng hồ đo tốc độ góc, đồng hồ đo vòng tua, đồng hồ đo nhiên liệu, đồng hồ điện tử đo thời gian:		Có	Có Cụm đồng hồ: Đồng hồ đo tốc độ, đồng hồ đo tốc độ góc, đồng hồ đo vòng tua, đồng hồ đo nhiên liệu, đồng hồ điện tử đo thời gian		Không có Cụm đồng hồ: Đồng hồ đo tốc độ, đồng hồ đo tốc độ góc, đồng hồ đo vòng tua, đồng hồ đo nhiên liệu, đồng hồ điện tử đo thời gian
9	Khóa trung tâm:		Có	Có Khóa trung tâm		Không có Khóa trung tâm
10	Khóa điều khiển từ xa:		Có (loại có tín hiệu đèn)	Có Khóa điều khiển từ xa (loại có tín hiệu đèn)		Không có Khóa điều khiển từ xa (loại có tín hiệu đèn)
11	Gương chiếu hậu:		Có (ngày và đêm trong xe)	Có Gương chiếu hậu (ngày và đêm trong xe)		Không có Gương chiếu hậu (ngày và đêm trong xe)
12	Sấy kính trước và sau:		Có	Có Sấy kính trước và sau		Không có Sấy kính trước và sau
13	Kính cửa sổ điều khiển bằng điện:		Có	Có Kính cửa sổ điều khiển bằng điện		Không có Kính cửa sổ điều khiển bằng điện
14	Chắn nắng:		Có (loại có gương cho lái xe và hành khách phía trước)	Có Chắn nắng (loại có gương cho lái xe và hành khách phía trước)		Không có Chắn nắng (loại có gương cho lái xe và hành khách phía trước)
15	Hộc đựng đồ có khóa phía trước:		Có	Có Hộc đựng đồ có khóa phía trước		Không có Hộc đựng đồ có khóa phía trước
16	Châm thuốc lá:		Có	Có Châm thuốc lá		Không có Châm thuốc lá
17	Giá đỡ cốc phía trước:		Có	Có Giá đỡ cốc phía trước		Không có Giá đỡ cốc phía trước
18	Thanh giằng chống va đập ngang:		Có	Có Thanh giằng chống va đập ngang		Không có Thanh giằng chống va đập ngang
19	Móc kéo phía trước và sau:		Có	Có Móc kéo trước và sau		Không có Móc kéo trước và sau
20	Mở nắp bình nhiên liệu:		Có, theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất	Có, theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất		Khác tiêu chuẩn của nhà sản xuất

STT	Tên của Hàng hóa Hoặc Các Dịch vụ liên quan	Đơn vị tính	Mô tả kỹ thuật, Thông số và Các tiêu chuẩn	Mức độ đáp ứng		
				Đạt	Chấp nhận được	Không Đạt
21	Thảm trải sàn xe:		Có	Có thảm trải sàn xe		Không có thảm trải sàn xe
22	Vật liệu bọc ghế:		Giả da (vinyl) hoặc Ni	Giả da (vinyl) hoặc Ni		Khác loại Giả da (vynil) hoặc Ni
IX	Thiết bị đi kèm theo xe:					
1	Bánh xe dự phòng:	Cái	01 bánh xe ($\geq 265/65R17$ hoặc $\geq 265/60R18$)	01 bánh xe ($\geq 265/65R17$ hoặc $\geq 265/60R18$)		Không có 01 bánh xe (hoặc có nhưng $< 265/65R17$ hoặc $< 265/60R18$)
2	Kích xe:	Cái	≥ 01	Có 01 cái kích xe		Không có 01 cái kích xe
3	Bộ đồ nghề sửa chữa theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất:	Bộ	≥ 01 (đầy đủ theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất)	Có 01 bộ đồ nghề sửa chữa (đầy đủ theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất)		Không có 01 bộ đồ nghề sửa chữa theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
4	Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Việt và tiếng Anh:	Bộ	≥ 01	Có 01 Bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Việt và tiếng Anh	Có 01 Bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh hoặc tiếng Việt	Không có 01 bộ Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Việt hoặc tiếng Anh
5	Các thiết bị tiêu chuẩn khác:		Có theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất	Có theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất		Khác tiêu chuẩn của nhà sản xuất
X	Bảo hành:					
1	Thời gian bảo hành:		Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất nhưng ≥ 36 tháng hoặc ≥ 100.000 km tùy điều kiện nào đến trước.	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất nhưng ≥ 36 tháng hoặc ≥ 100.000 km tùy điều kiện nào đến trước.		Không theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất hoặc < 36 tháng hoặc < 100.000 km tùy điều kiện nào đến trước.

(ii) Xe ô tô bán tải, cabin kép, hai cầu ≥ 5 chỗ ngồi (pick up)

STT	Tên của Hàng hóa Hoặc Các Dịch vụ liên quan	Đơn vị tính	Mô tả kỹ thuật, Thông số và Các tiêu chuẩn	Mức độ đáp ứng		
				Đạt	Chấp nhận được	Không Đạt
I	Thông tin chung:					
1	Chủng loại hàng hóa cung cấp:		Xe ô tô bán tải, cabin kép, hai cầu ≥ 5 chỗ ngồi (pick up)	Xe ô tô bán tải, cabin kép, hai cầu ≥ 5 chỗ ngồi (pick up)		Khác loại xe ô tô bán tải, cabin kép, hai cầu ≥ 5 chỗ ngồi (pick up)
2	Số lượng xe:	xe	13	13		< 13
3	Nhãn hiệu:		Có nhãn hiệu rõ ràng	Có nhãn hiệu rõ ràng		Không có nhãn hiệu rõ ràng
4	Model:		Có Model rõ ràng	Có Model rõ ràng		Không có Model rõ ràng
5	Hãng sản xuất:		Có hãng sản xuất rõ ràng	Có hãng sản xuất rõ ràng		Không có hãng sản xuất rõ ràng
6	Nước xuất xứ:		Tất cả các quốc gia được cho là đủ điều kiện ngoại trừ xuất xứ từ quốc gia đang bị các biện pháp trừng phạt do Hội đồng bảo an liên Hợp quốc hoặc Hội đồng liên minh Châu Âu, Chính phủ Đức hoặc Chính phủ Việt Nam	Không phải các quốc gia đang bị các biện pháp trừng phạt do Hội đồng bảo an liên Hợp quốc hoặc Hội đồng liên minh Châu Âu, Chính phủ Đức hoặc Chính phủ Việt Nam		Các quốc gia đang bị các biện pháp trừng phạt do Hội đồng bảo an liên Hợp quốc hoặc Hội đồng liên minh Châu Âu, Chính phủ Đức hoặc Chính phủ Việt Nam
7	Năm sản xuất:		Năm 2018 hoặc sau năm 2018	Năm 2018 hoặc sau năm 2018		Trước năm 2018
8	Tiêu chuẩn khí thải:		Tối thiểu Euro 4	Tối thiểu Euro 4		Không đạt Euro 4
II	Thông số kỹ thuật:					
1	Vị trí tay lái:		Tay lái thuận bên trong xe (bên trái của xe), có trợ lực, điều chỉnh độ nghiêng	Tay lái thuận bên trong xe (bên trái của xe), có trợ lực, điều chỉnh độ nghiêng		Không có tay lái thuận bên trong xe (bên trái của xe), không có trợ lực, điều chỉnh độ nghiêng
2	Số lượng cầu:		Hai cầu chủ động (4WD)	Hai cầu chủ động (4WD)		Khác loại hai cầu chủ động (4WD)
3	Số lượng cửa xe:	cửa	04 cửa (2 cửa 2 bên thân xe)	04 cửa (2 cửa 2 bên thân xe)		Khác 04 cửa (2 cửa 2 bên thân xe)

STT	Tên của Hàng hóa Hoặc Các Dịch vụ liên quan	Đơn vị tính	Mô tả kỹ thuật, Thông số và Các tiêu chuẩn	Mức độ đáp ứng		
				Đạt	Chấp nhận được	Không Đạt
4	Số chỗ ngồi:	chỗ ngồi	≥ 5 chỗ ngồi (Ghế trước tách biệt và có hàng ghế sau)	≥ 5 chỗ ngồi (Ghế trước tách biệt và có hàng ghế sau)		Khác ≥ 5 chỗ ngồi (Ghế trước tách biệt và có hàng ghế sau)
5	Khoảng sáng gầm xe:	mm	≥ 200	≥ 200		< 200
6	Bán kính quay vòng tối thiểu:	m	≥ 5,9	≥ 5,9		< 5,9
7	Dung tích bình nhiên liệu:	lít	≥ 75	≥ 75		< 75
8	Hộp số sàn:	cấp	≥ 5 cấp	≥ 5 cấp		< 5 cấp
III	Động cơ:					
1	Kiểu động cơ:	xilanh	≥ 4	≥ 4		< 4
2	Trục cam		DOHC, hoặc SOHC	DOHC, hoặc SOHC		Khác loại DOHC, hoặc SOHC
3	Số lượng van:	chiếc	≥ 16	≥ 16		< 16
4	Dung tích xilanh:	cc	≥ 2.477 đối với xe sử dụng nhiên liệu dầu Diesel hoặc ≥ 2.350 đối với xe sử dụng nhiên liệu xăng	≥ 2.477 đối với xe sử dụng nhiên liệu dầu Diesel hoặc ≥ 2.350 đối với xe sử dụng nhiên liệu xăng		< 2.477 đối với xe sử dụng nhiên liệu dầu Diesel hoặc < 2.350 đối với xe sử dụng nhiên liệu xăng
5	Nhiên liệu sử dụng:		Dầu Diesel hoặc xăng	Dầu Diesel hoặc xăng		Khác loại Dầu Diesel hoặc xăng
6	Dẫn động:		Hai cầu chủ động (4WD) với vi sai trung tâm chống trượt	Hai cầu chủ động (4WD) với vi sai trung tâm chống trượt		Khác loại Hai cầu chủ động (4WD) với vi sai trung tâm chống trượt
7	Công suất tối đa (EEC net)		≥ 80/3600 Kw/rpm	≥ 80/3600 Kw /rpm		< 80/3600 Kw /rpm
8	Mô men xoắn tối đa (EEC net)		≥ 200/2000 N-m/rpm	≥ 200/2000 N-m /rpm		< 200/2000 N-m /rpm
9	Hệ thống phun nhiên liệu		Hệ thống phun nhiên liệu điện tử	Có hệ thống phun nhiên liệu điện tử		Không có hệ thống phun nhiên liệu điện tử
IV	Hệ thống phanh và thiết bị an toàn:					
1	Phanh trước:		Đĩa tản nhiệt	Đĩa tản nhiệt		Khác loại đĩa tản nhiệt

STT	Tên của Hàng hóa Hoặc Các Dịch vụ liên quan	Đơn vị tính	Mô tả kỹ thuật, Thông số và Các tiêu chuẩn	Mức độ đáp ứng		
				Đạt	Chấp nhận được	Không Đạt
2	Phanh tay:		Có	Có Phanh tay		Không có Phanh tay
3	Phanh sau:		Trống hoặc đĩa tản nhiệt	Trống hoặc đĩa tản nhiệt		Khác loại Trống hoặc đĩa tản nhiệt
4	Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS) với Hệ thống phân bổ lực phanh điện tử (EBD)		Có	Có Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS) với Hệ thống phân bổ lực phanh điện tử (EBD)		Không có Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS) với Hệ thống phân bổ lực phanh điện tử (EBD)
5	Túi khí an toàn:		Có	Có Túi khí an toàn cho người lái và hành khách		Không có Túi khí an toàn cho người lái và hành khách
V	Hệ thống giảm sóc:					
1	Giảm sóc trước:		Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất	Có theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất		Không theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
2	Giảm sóc sau:		Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất	Có theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất		Không theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
VI	Lốp và vành xe:					
1	Lốp xe		Lốp không săm	Lốp không săm		Khác loại lốp không săm
2	Cỡ lốp bánh xe:		≥ 205/R16	≥ 205/R16		< 205/R16
3	Vành bánh xe:		Vành thép hoặc mâm đúc hợp kim	Vành thép hoặc mâm đúc hợp kim		Khác loại Vành thép hoặc mâm đúc hợp kim
VII	Trang thiết bị bên ngoài:					
1	Cụm đèn trước:		Có, đèn pha phản xạ đa chiều	Có, đèn pha phản xạ đa chiều		Không có, đèn pha phản xạ đa chiều
2	Cụm đèn hậu:		Có, đèn lùi, đèn phanh hai bên, đèn xi nhan	Có, đèn lùi, đèn phanh hai bên, đèn xi nhan		Không có, đèn lùi, đèn phanh hai bên, đèn xi nhan
3	Kính chắn gió trước:		Có kính chắn gió trước	Có Kính chắn gió trước		Không có Kính chắn gió trước
4	Gương chiếu hậu ngoài:		Có (bên lái và phụ xe)	Có Gương chiếu hậu ngoài (bên lái và phụ xe)		Không có Gương chiếu hậu ngoài (bên lái và phụ xe)
5	Chấn bùn trước và sau:		Có	Có Chấn bùn trước và sau		Không có Chấn bùn trước và sau
6	Rửa kính và gạt nước phía trước:		Có (2 gạt nước phía trước)	Có (2 gạt nước phía trước)		Không có 2 gạt nước phía trước

STT	Tên của Hàng hóa Hoặc Các Dịch vụ liên quan	Đơn vị tính	Mô tả kỹ thuật, Thông số và Các tiêu chuẩn	Mức độ đáp ứng		
				Đạt	Chấp nhận được	Không Đạt
7	Ăng ten:		Có	Có Ăng ten		Không có Ăng ten
8	Sơn thân xe:		Các màu tiêu chuẩn của Nhà sản xuất	Các màu tiêu chuẩn của Nhà sản xuất		Khác Các màu tiêu chuẩn của Nhà sản xuất
9	Ba đờ xóc trước và sau:		Có	Có Ba đờ xóc trước và sau		Không có Ba đờ xóc trước và sau
VIII	Trang thiết bị bên trong:					
1	Điều hoà nhiệt độ:	bộ	Loại một dàn, hai chiều (nóng, lạnh), không sử dụng CFC.	Loại một dàn, hai chiều (nóng, lạnh), không sử dụng CFC.		Khác loại một dàn, hai chiều (nóng, lạnh), không sử dụng CFC.
2	Hệ thống làm sạch không khí:		Quạt gió	Quạt gió		Khác loại Quạt gió
3	Hệ thống âm thanh:	bộ	Có (4 loa, AM/FM radio, CD player)	Có Hệ thống âm thanh (4 loa, AM/FM radio, CD player)		Hệ thống âm thanh < 4 loa, không có AM/FM radio, CD player
4	Ghế phía trước tách biệt với người lái:		Có	Có Ghế phía trước tách biệt với người lái		Không có Ghế phía trước tách biệt với người lái
5	Dây đai an toàn cho tất cả các ghế ngồi:		Có	Có Dây đai an toàn cho tất cả các ghế ngồi		Không có Dây đai an toàn cho tất cả các ghế ngồi
6	Tựa đầu (cho ghế lái, ghế phụ, hàng ghế thứ 2):		Có, tối thiểu ít nhất 4 tựa đầu	Tối thiểu ít nhất 4 tựa đầu		Không có Tựa đầu cho ghế lái, ghế phụ, hàng ghế thứ 2
9	Cụm đồng hồ: Đồng hồ đo tốc độ, đồng hồ đo tốc độ góc, đồng hồ đo vòng tua, đồng hồ đo nhiên liệu, đồng hồ điện tử đo thời gian:		Có	Có Cụm đồng hồ: Đồng hồ đo tốc độ, đồng hồ đo tốc độ góc, đồng hồ đo vòng tua, đồng hồ đo nhiên liệu, đồng hồ điện tử đo thời gian		Không có Cụm đồng hồ: Đồng hồ đo tốc độ, đồng hồ đo tốc độ góc, đồng hồ đo vòng tua, đồng hồ đo nhiên liệu, đồng hồ điện tử đo thời gian
10	Khóa trung tâm:		Có	Có Khóa trung tâm		Không có Khóa trung tâm
11	Gương chiếu hậu:		Có (ngày và đêm trong xe)	Có Gương chiếu hậu (ngày và đêm trong xe)		Không có Gương chiếu hậu
12	Sấy kính phía trước:		Có	Có Sấy kính trước		Không có Sấy kính trước

STT	Tên của Hàng hóa Hoặc Các Dịch vụ liên quan	Đơn vị tính	Mô tả kỹ thuật, Thông số và Các tiêu chuẩn	Mức độ đáp ứng		
				Đạt	Chấp nhận được	Không Đạt
13	Kính cửa số điều khiển bằng điện:		Có	Có Kính cửa số điều khiển bằng điện		Không có Kính cửa số điều khiển bằng điện
14	Chắn nắng:		Có (loại có gương cho lái xe và hành khách phía trước)	Có Chắn nắng (loại có gương cho lái xe và hành khách phía trước)		Không có Chắn nắng (loại có gương cho lái xe và hành khách phía trước)
15	Hộc đựng đồ:		Có Hộc đựng đồ theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất	Có Hộc đựng đồ theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất		Không có Hộc đựng đồ theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
16	Châm thuốc lá:		Có	Có Châm thuốc lá		Không có Châm thuốc lá
17	Giá để cốc phía trước:		Có	Có Giá để cốc phía trước		Không có Giá để cốc phía trước
18	Móc kéo phía trước:		Có	Có Móc kéo trước		Không có Móc kéo trước
19	Mở nắp bình nhiên liệu:		Có, Bên trong xe	Có Mở nắp bình nhiên liệu Bên trong xe		Khác loại Mở nắp bình nhiên liệu bên trong xe
20	Vật liệu bọc ghế:		Già da (vinyl) hoặc Ni	Già da (vinyl) hoặc Ni		Khác loại Già da (vynil) hoặc Ni
IX	Thiết bị đi kèm theo xe:					
1	Bánh xe dự phòng:	Cái	01 bánh xe ($\geq 205/R16$)	01 bánh xe ($\geq 205/R16$)		Không có 01 bánh xe hoặc có nhưng $< 205/R16$
2	Kích xe:	Cái	≥ 01	Có 01 cái kích xe		Không có 01 cái kích xe
3	Bộ đồ nghề sửa chữa theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất:	Bộ	≥ 01 (đầy đủ theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất)	Có 01 bộ đồ nghề sửa chữa (đầy đủ theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất)		Không có 01 bộ đồ nghề sửa chữa theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
4	Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Việt và tiếng Anh:	Bộ	≥ 01	Có 01 Bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh	Có 01 Bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh	Không có 01 bộ Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh
X	Bảo hành:					
1	Thời gian bảo hành:		Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất nhưng ≥ 24 tháng hoặc ≥ 60.000 km tùy điều kiện nào đến trước.	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất nhưng ≥ 24 tháng hoặc ≥ 60.000 km tùy điều kiện nào đến trước.		Không theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất hoặc < 24 tháng hoặc < 60.000 km tùy điều kiện nào đến trước.

Ghi chú:

- Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các giấy tờ hợp lệ để đăng ký và lưu hành xe theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- Xe ô tô nêu trên phải là hàng sản xuất tại nhà máy có đăng ký sản xuất kinh doanh (Không phải là hàng lắp ráp từ linh kiện rời), có tem của nhà sản xuất hoặc nhập khẩu theo quy định hiện hành.
- Nhà thầu phải có Văn bản cam kết rằng Xe ô tô nêu trên và dịch vụ cung cấp kèm theo cho hợp đồng này không vi phạm hoặc xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp hoặc sở hữu trí tuệ hoặc gây ra khiếu nại của bên thứ 3.

4. Các bản vẽ

PHẦN 3 – Các điều kiện của Hợp đồng và các mẫu biểu của Hợp đồng
Chương VII. Các điều kiện chung của Hợp đồng

Mục lục

1.	Các định nghĩa.....	88
2.	Hồ sơ Hợp đồng.....	89
3.	Hành vi gian lận tham nhũng.....	89
4.	Phiên dịch.....	90
5.	Ngôn ngữ.....	91
6.	Liên doanh, liên kết hay liên danh.....	92
7.	Tính hợp lệ.....	92
8.	Thông báo.....	92
9.	Luật áp dụng.....	92
10.	Giải quyết tranh chấp.....	92
11.	Phạm vi cung cấp.....	93
12.	Giao hàng.....	93
13.	Trách nhiệm của Bên cung cấp.....	93
14.	Trách nhiệm của Bên mua.....	93

15.	Giá Hợp đồng.....	93
16.	Điều khoản thanh toán.....	93
17.	Thuế và phí.....	94
18.	Bảo đảm thực hiện Hợp đồng.....	94
19.	Bản quyền.....	94
20.	Bảo mật thông tin	95
21.	Hợp đồng thầu phụ	95
22.	Thông số và các tiêu chuẩn.....	96
23.	Đóng gói và tài liệu	96
24.	Bảo hiểm.....	97
25.	Vận chuyển.....	97
26.	Kiểm tra và thử nghiệm	97
27.	Bồi thường thiệt hại.....	98
28.	Bảo hành.....	98
29.	Đảm bảo quyền phát minh sáng chế.....	99
30.	Giới hạn về trách nhiệm pháp lý.....	100
31.	Thay đổi về Luật và các quy định.....	100
32.	Bất khả kháng.....	101

33.	Thay đổi đơn hàng và sửa đổi hợp đồng	101
34.	Gia hạn	102
35.	Chấm dứt Hợp đồng	102
36.	Chuyển nhượng	103

- 1. Các định nghĩa** 1.1 Trong Hợp đồng này, những từ và thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
- a) “Hợp đồng” là thoả thuận giữa Bên mua và Bên cung cấp, cùng với các Hồ sơ Hợp đồng kèm theo, bao gồm tất cả các đính kèm, phụ lục và tất cả các tài liệu hợp thành Hợp đồng.
 - b) “Hồ sơ Hợp đồng” là những tài liệu được liệt kê trong Thỏa thuận Hợp đồng, bao gồm các sửa đổi kèm theo.
 - c) “Giá Hợp đồng” là giá phải trả cho Bên cung cấp như quy định trong Thỏa thuận Hợp đồng, dựa trên những bổ sung và điều chỉnh tăng giảm được thực hiện theo Hợp đồng.
 - d) “Ngày” là ngày dương lịch.
 - e) “Giao hàng” là chuyển giao Hàng hoá từ Bên cung cấp đến Bên mua theo các điều kiện và điều khoản và điều kiện được nêu trong Hợp đồng.
 - f) “Hoàn thành” là việc Bên cung cấp hoàn thành Các Dịch vụ liên quan theo các điều kiện và điều khoản được nêu trong Hợp đồng.
 - g) “Các quốc gia hợp lệ” là các quốc gia và các lãnh thổ hợp lệ được nêu trong Chương V.
 - h) “GCC” là Các điều kiện chung của Hợp đồng.
 - i) “Hàng hóa” là tất cả các hàng hoá, nguyên liệu thô, vật tư máy móc và thiết bị, và/hoặc các nguyên vật liệu khác mà Bên cung cấp phải cung cấp cho Bên mua theo Hợp đồng.
 - j) “Quốc gia Bên mua” là quốc gia được nêu trong Các điều kiện cụ thể của Hợp đồng (SCC).
 - k) “Bên mua” là đơn vị mua Hàng hóa và Các Dịch vụ liên quan, như nêu trong SCC.
 - l) “Các Dịch vụ liên quan” là các dịch vụ kèm theo khi cung ứng hàng hoá như bảo hiểm, lắp đặt, đào tạo và bảo dưỡng ban đầu và các nghĩa vụ tương tự khác của Bên cung cấp đã nêu trong Hợp đồng.
 - m) “SCC” là Các điều kiện cụ thể của Hợp đồng.
 - n) “Nhà thầu phụ” là bất kỳ cá nhân, doanh nghiệp nhà nước hay tư nhân hay liên kết của các đơn vị trên, bao gồm các người thừa kế

hay được uỷ quyền hợp pháp, được giao cung cấp một phần Hàng hoá hay thực hiện một phần Các Dịch vụ liên quan kèm theo, làm thầu phụ cho Bên cung cấp.

o) “Bên cung cấp” là bất kỳ cá nhân, doanh nghiệp nhà nước hay tư nhân hay liên kết của các đơn vị trên, có Hồ sơ dự thầu để thực hiện hợp đồng được Bên mua chấp nhận và được nêu tên trong Hợp đồng, bao gồm các người thừa kế hay được uỷ quyền hợp pháp của Bên cung cấp. .

p) “KFW” là Ngân hàng tái thiết Đức.

q) “Địa điểm”, nếu áp dụng, là nơi/địa danh nêu trong SCC.

- | | |
|---------------------------------------|--|
| 2. Hồ sơ Hợp đồng | 2.1 Theo thứ tự trước sau được quy định trong Hợp đồng, Hồ sơ hợp đồng là tất cả các văn bản tạo thành Hợp đồng (và các phần kèm theo) và những văn bản có ý nghĩa tương tự, phụ trợ và giải thích lẫn nhau. |
| 3. Hành vi gian lận tham nhũng | <p>3.1 Chính sách chống tham nhũng của KFW yêu cầu Bên nhận tài trợ (bao gồm những bên thụ hưởng từ hoạt động KFW tài trợ) cũng như các đơn vị dự thầu, nhà cung cấp và nhà thầu trong các hợp đồng do KFW tài trợ phải tôn trọng những tiêu chuẩn đạo đức cao nhất trong quá trình mua sắm và thực hiện các hợp đồng đó. Theo chính sách này, KFW sẽ:</p> <p>(a) định nghĩa những thuật ngữ dưới đây vì mục đích của điều khoản này như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> (i) “hành động tham nhũng” là tặng, cho, nhận hoặc đòi hỏi, trực tiếp hay gián tiếp, bất cứ tài sản có giá trị làm ảnh hưởng bất lợi tới các hành động của bên kia; (ii) “hành động gian lận” là bất kỳ hành động trình bày sai sự thật hoặc bỏ qua sự thật, mà cố ý hay vô tình làm sai lệch, hoặc cố chủ ý làm sai lệch một bên liên quan để có lợi về tài chính hoặc lợi ích khác, hoặc để né tránh trách nhiệm; (iii) “hành động cưỡng bức” là làm thiệt hại, hoặc đe dọa làm thiệt hại thiệt hại, trực tiếp hay gián tiếp, các cá nhân hoặc tài sản của họ để ảnh hưởng đến sự tham gia của họ trong quá trình mua sắm, hoặc ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng; (iv) “hành động thông đồng” có nghĩa là một thoả thuận giữa hai hoặc nhiều bên nhằm đạt được mục tiêu không đúng đắn, kể cả việc tác động không đúng đắn đến hành động của một bên liên quan khác. (v) “Hành vi cản trở” là (a) hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che dấu chứng cứ, báo cáo sai sự thật theo điều tra của ABD ; (b) lập các báo cáo sai để cản trở điều tra của KFW; (c) không cung cấp thông tin, tài liệu và hồ sơ liên quan cho Văn phòng chống tham nhũng (OAI); |

(d) đe dọa, quấy rối bất cứ bên nào nhằm ngăn chặn tiết lộ thông tin về các vấn đề có liên quan đến việc điều tra; hoặc là

(e) hối lộ nhằm cản trở quyền theo hợp đồng của KFW của công ty kiểm toán; và

(vi) “vi phạm trung thực” là bất kỳ hành vi vi phạm chính sách chống tham nhũng của KFW, bao gồm (i) ở trên (v) và sau đây: lừa dối, xung đột lợi ích, trả thù người tố cáo, người làm chứng, và các vi phạm khác của chính sách chống tham nhũng của KFW, bao gồm cả việc không tuân thủ các tiêu chuẩn đạo đức cao nhất

(b) Sẽ hủy bỏ đề nghị trao hợp đồng nếu KFW xác định rằng nhà thầu được dự kiến trao hợp đồng, trực tiếp hoặc thông qua một đại lý, có liên quan đến các hành động tham nhũng, gian lận, cưỡng bức, thông đồng hoặc thực hiện các hành vi cản trở hoặc vi phạm sự trung thực khác trong quá trình cạnh tranh cho hợp đồng đó;

(c) Sẽ hủy bỏ phần vốn tài trợ cho một hợp đồng nếu vào bất kỳ thời điểm nào KFW xác định rằng đại diện của Bên nhận tài trợ hoặc bên thụ hưởng khoản tài trợ của KFW có tham gia vào các hành động tham nhũng, gian lận, cưỡng bức, thông đồng hoặc thực hiện các hành vi cản trở hoặc vi phạm sự trung thực trong quá trình mua sắm hoặc thực hiện hợp đồng đó, nếu Bên nhận tài trợ không kịp thời đưa ra các hoạt động khắc phục phù hợp theo yêu cầu của KFW.

3.2 Bên Cung cấp sẽ phải cho phép KFW kiểm tra các tài khoản và chứng từ liên quan đến việc thực hiện của Bên cung cấp và các chứng từ này phải được kiểm toán bởi các đơn vị kiểm toán do KFW chỉ định, nếu KFW yêu cầu.

4. Phiên dịch

4.1 Tùy từng văn cảnh, số ít có nghĩa là số nhiều và ngược lại.

4.2 Incoterms

(a) Nghĩa của bất kỳ thuật ngữ thương mại và quyền và nghĩa vụ của các bên được quy định trong Incoterms.

(b) Các thuật ngữ EXW, CIF, CIP và các thuật ngữ tương tự khác sẽ được kiểm soát theo các quy tắc được mô tả trong bản hiện hành của Incoterms, do Phòng Thương mại Quốc tế ban hành, vào ngày theo Thư mời thầu hoặc theo quy định trong Các điều kiện cụ thể của Hợp đồng.

4.3 Thỏa thuận toàn bộ

Hợp đồng tạo thành một thỏa thuận toàn bộ giữa Bên mua và Bên cung cấp và thay thế mọi liên lạc, đàm phán và thỏa thuận (bằng văn bản hoặc bằng lời) giữa các bên về nội dung Hợp đồng trước ngày ký Hợp đồng.

4.4 Sửa đổi bổ sung

Các sửa đổi hay các thay đổi khác so với Hợp đồng sẽ không có giá trị trừ các nội dung đó được thực hiện bằng văn bản, ghi rõ ngày tháng, thể hiện liên quan đến Hợp đồng và do đại diện được ủy quyền của các bên ký.

4.5 Không trì hoãn

a) Theo tiêu mục GCC 4.5 (b) dưới đây, các bên không được ngừng trệ, trì hoãn, chậm chễ hay kéo dài thời gian thực hiện các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng hoặc gia hạn thời gian của bất cứ bên nào đối với bên kia nếu điều đó gây thiệt hại, làm ảnh hưởng hoặc hạn chế quyền lợi của các bên theo điều khoản Hợp đồng, cũng như không được có bất kỳ sự trì hoãn, vi phạm Hợp đồng nào tạo ra tiền lệ cho các trì hoãn, vi phạm Hợp đồng tiếp theo.

b) Bất cứ sự trì hoãn nào đối với việc thực hiện quyền, quyền lợi hoặc việc khắc phục theo Hợp đồng phải được thực hiện dưới dạng văn bản, có ghi ngày, tháng và chữ ký của đại diện có thẩm quyền của bên đề xuất việc trì hoãn này, và phải ghi rõ thẩm quyền và phạm vi trì hoãn.

4.6 Tính riêng biệt

Nếu bất kỳ một điều khoản hoặc điều kiện nào của Hợp đồng bị cấm hoặc được xem là không có giá trị hoặc không thực hiện được, thì sẽ không làm ảnh hưởng đến giá trị và tính khả thi của các điều khoản và điều kiện khác của Hợp đồng.

5. Ngôn ngữ

5.1 Hợp đồng cũng như các công văn và tài liệu liên quan đến Hợp đồng được trao đổi giữa Bên cung cấp và Bên mua phải được làm bằng ngôn ngữ xác định trong SCC. Các tài liệu kèm theo và các tài liệu in được coi là một phần của Hợp đồng có thể bằng một ngôn ngữ khác miễn là có bản dịch chính xác các nội dung tương ứng bằng ngôn ngữ xác định trong SCC và trong trường hợp đó, nhằm mục đích dịch nghĩa Hợp đồng, bản dịch sẽ có tính pháp lý áp dụng cho Hợp

đồng.

5.2 Bên cung cấp sẽ chịu mọi chi phí dịch sang ngôn ngữ áp dụng và sẽ phải chịu mọi rủi ro về tính chính xác của bản dịch.

6. Liên doanh, liên kết hay liên danh

6.1 Trừ khi được quy định khác đi trong SCC, nếu Bên cung cấp là một liên doanh, liên kết hay liên danh, thì tất cả các bên tham gia phải có trách nhiệm pháp lý chung và riêng rẽ đối với Bên mua để thực hiện các quy định của Hợp đồng và sẽ cử một bên làm đại diện được uỷ quyền để ràng buộc liên doanh, liên kết hay liên doanh này. Thành phần và sự hình thành một liên doanh, liên kết hay liên danh sẽ không được thay đổi nếu không có đồng thuận trước của Bên mua.

7. Tính hợp lệ

7.1 Bên cung cấp và các Nhà thầu phụ phải mang quốc tịch của Quốc gia hợp lệ. Một Bên cung cấp hay thầu phụ được coi là mang quốc tịch của một nước nếu là công dân hoặc được thành lập hoặc sát nhập và hoạt động tuân theo các điều luật của quốc gia đó.

7.2 Tất cả các Hàng hoá và Các dịch vụ liên quan được cung cấp theo Hợp đồng và do KFW tài trợ phải có xuất xứ từ các Quốc gia hợp lệ. Vì mục đích của Điều này, xuất xứ có nghĩa là nước nơi hàng hoá được khai thác, gieo trồng, canh tác, sản xuất, chế tạo hoặc chế biến; hoặc thông qua một quá trình chế tạo, chế biến hoặc lắp ráp, để tạo ra một sản phẩm được công nhận về mặt thương mại có sự khác biệt đáng kể về những đặc tính cơ bản so với những bộ phận nhập khẩu của nó.

8. Thông báo

8.1 Bất kỳ thông báo nào do một bên gửi cho bên kia liên quan đến Hợp đồng phải dưới dạng văn bản và gửi tới địa chỉ đã xác định rõ trong SCC. Thuật ngữ “bằng văn bản” có nghĩa là được trao đổi dưới dạng văn bản và được xác nhận là đã nhận.

8.2 Một thông báo sẽ có hiệu lực khi được chuyển tới nơi hoặc vào thời gian có hiệu lực của thông báo, tùy thời điểm nào muộn hơn.

9. Luật áp dụng

9.1 Hợp đồng sẽ phải được diễn giải và thực hiện theo đúng với luật pháp của Quốc gia Bên mua, trừ khi có quy định khác trong SCC.

10. Giải quyết tranh chấp

10.1 Bên mua và Bên Cung cấp sẽ thực hiện mọi nỗ lực để giải quyết một cách thân thiện bằng đàm phán trực tiếp không chính thức mọi bất đồng hay xung đột nảy sinh giữa họ về nội dung hoặc liên quan đến Hợp đồng.

10.2 Nếu các bên không thể giải quyết xung đột hay bất đồng đó thông qua thảo luận chung trong vòng hai mươi tám (28) ngày kể từ ngày bắt đầu thảo luận, thì các bên đều có thể yêu cầu giải quyết xung đột

đó theo cơ cấu giải pháp chính thức được quy định trong SCC.

- | | |
|---|---|
| 11. Phạm vi cung cấp | <p>11.1 Theo SCC, các Hàng hoá và Các Dịch vụ liên quan cung cấp sẽ được quy định trong chương VI, Lịch biểu cung cấp.</p> <p>11.2 Trừ khi được quy định khác đi trong Hợp đồng, phạm vi cung cấp sẽ bao gồm tất cả các hạng mục không được nêu lên cụ thể trong Hợp đồng nhưng có thể được suy luận ra một cách hợp lý từ Hợp đồng là những nội dung cần thiết để Giao nhận các Hàng hoá và Hoàn thành Các Dịch vụ liên quan khi những hàng hoá và dịch vụ này được nêu rõ trong Hợp đồng.</p> |
| 12. Giao hàng | <p>12.1 Theo mục GCC 33.1, Giao nhận Hàng hóa và Hoàn thành Các Dịch vụ liên quan sẽ phải được thực hiện theo Lịch biểu Giao hàng và hoàn thành như quy định tại Chương VI, Lịch biểu cung cấp. Chi tiết của vận đơn và các chứng từ tài liệu khác do Bên cung cấp gửi sẽ được quy định trong SCC.</p> |
| 13. Trách nhiệm của Bên cung cấp | <p>13.1 Bên Cung cấp sẽ cung cấp tất cả Hàng hóa và Các Dịch vụ liên quan như nêu trong Phạm vi cung cấp theo Điều GCC 11, và Lịch biểu giao hàng và hoàn thành, theo Điều GCC 12.</p> |
| 14. Trách nhiệm của Bên mua | <p>14.1 Khi việc cung cấp Hàng hoá và Các Dịch vụ liên quan yêu cầu Bên cung cấp phải có được giấy phép, phê duyệt, giấy phép nhập khẩu và các loại giấy phép khác từ các cơ quan quản lý, nếu Bên cung cấp yêu cầu, thì Bên mua sẽ nỗ lực hết sức để hỗ trợ Bên cung cấp đáp ứng các thủ tục trên một cách nhanh chóng và kịp thời.</p> <p>14.2 Bên mua sẽ trả mọi chi phí liên quan đến việc thực hiện các trách nhiệm của mình, theo mục GCC 14.1.</p> |
| 15. Giá Hợp đồng | <p>15.1 Giá Hợp đồng sẽ được nêu trong Thỏa thuận hợp đồng dựa trên những thay đổi và bổ sung tăng giảm kèm theo được thực hiện theo Hợp đồng.</p> <p>15.2 Giá cả mà Bên cung cấp tính cho Hàng hoá được giao và Các Dịch vụ liên quan được thực hiện theo Hợp đồng, sẽ không được thay đổi so với giá đã được Bên cung cấp chào trong Hồ sơ dự thầu của mình, trừ khi điều chỉnh giá được phép như quy định trong SCC.</p> |
| 16. Điều khoản thanh toán | <p>16.1 Giá Hợp đồng sẽ phải được thanh toán như nêu trong SCC.</p> <p>16.2 Đề nghị thanh toán của Bên cung cấp phải được gửi cho Bên mua bằng văn bản, kèm theo hoá đơn mô tả rõ những Hàng hoá đã giao và Các Dịch vụ liên quan đã thực hiện, tùy trường hợp, cùng các hồ</p> |

sơ nộp theo Điều GCC 12, và sau khi hoàn thành các nghĩa vụ khác nêu trong Hợp đồng.

16.3 Thanh toán phải được bên mua thực hiện nhanh chóng, không quá sáu mươi (60) ngày sau khi Bên cung cấp xuất trình hoá đơn hoặc yêu cầu thanh toán được Bên mua chấp nhận.

16.4 Loại tiền tệ hoặc các loại tiền tệ dùng để thanh toán cho Bên cung cấp theo Hợp đồng sẽ được quy định trong SCC.

17. Thuế và phí

17.1 Đối với Hàng hoá được cung cấp từ bên ngoài Quốc gia Bên mua, Bên cung cấp sẽ phải trả tất cả các khoản thuế, phí, phí đăng ký và các loại thuế khác áp dụng cho Hàng hoá từ bên ngoài Quốc gia Bên mua.

17.2 Đối với Hàng hoá được cung cấp trong Quốc gia Bên mua, Bên cung cấp sẽ phải trả tất cả các khoản thuế, phí, phí đăng ký v.v... cho đến khi Hàng hóa được giao theo Hợp đồng cho Bên mua.

17.3 Nếu được miễn, giảm thuế, trợ cấp hoặc ưu đãi theo quy định của Quốc gia Bên mua đối với Bên cung cấp, thì Bên mua sẽ phải nỗ lực để tạo điều kiện cho Bên cung cấp hưởng lợi tối đa từ việc miễn giảm thuế nói trên.

18. Bảo đảm thực hiện Hợp đồng

18.1 Trong vòng hai mươi tám (28) ngày từ khi nhận được Thông báo trao hợp đồng, Bên cung cấp sẽ phải nộp một Bảo đảm thực hiện Hợp đồng để thực hiện Hợp đồng, bằng một khoản tiền và loại tiền tệ như nêu trong SCC.

18.2 Khoản tiền Bảo đảm thực hiện Hợp đồng sẽ được trả cho Bên mua như là khoản tiền bồi thường cho bất kỳ tổn thất nào do Bên cung cấp không hoàn thành các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng gây ra.

18.3 Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải nộp bằng loại tiền tệ của Hợp đồng hoặc bằng một đồng tiền chuyển đổi tự do được Bên mua chấp nhận, theo hình thức do Bên mua quy định trong SCC hay theo hình thức được Bên mua chấp nhận.

18.4 Bên mua phải trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên cung cấp không chậm quá hai mươi tám (28) ngày sau khi Bên cung cấp hoàn thành nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, kể cả các nghĩa vụ bảo hành, trừ khi có quy định khác trong SCC.

19. Bản quyền

19.1 Bản quyền về tất cả các bản vẽ, hồ sơ và các tài liệu khác có số liệu và thông tin do Bên cung cấp cung cấp cho Bên mua theo đây phải thuộc quyền sở hữu của Bên cung cấp hoặc được một bên thứ ba cung cấp cho Bên mua, trực tiếp hay thông qua Bên cung cấp, kể cả các bên cung cấp các tài liệu đó, thì bản quyền của những tài liệu đó sẽ phải thuộc quyền sở hữu của bên thứ ba đó.

- 20. Bảo mật thông tin**
- 20.1 Bên mua và Bên Cung cấp sẽ giữ bí mật và nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của các bên khác, thì sẽ không tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba nào về tài liệu, số liệu hay thông tin khác do bên kia cung cấp trực tiếp hay gián tiếp liên quan đến hợp đồng, cho dù thông tin đó được cung cấp trước, trong hay sau khi hoàn thành hoặc kết thúc hợp đồng. Tuy vậy, Bên cung cấp có thể cung cấp cho nhà thầu phụ của mình các tài liệu, số liệu và thông tin nhận được từ bên mua ở mức độ nhà thầu phụ cần để thực hiện công việc của mình theo hợp đồng. Trong trường hợp đó, Bên cung cấp phải yêu cầu nhà thầu phụ cam kết bảo mật tương tự như đối với Bên cung cấp theo Điều GCC 20.
- 20.2 Bên mua sẽ không sử dụng những tài liệu, số liệu và thông tin nhận được từ Bên cung cấp cho các mục đích không liên quan đến hợp đồng. Tương tự như vậy, Bên cung cấp sẽ không sử dụng những tài liệu, số liệu và thông tin nhận được từ Bên mua cho các mục đích ngoài mục đích thiết kế, mua sắm hay các công việc và dịch vụ khác cần để thực hiện Hợp đồng.
- 20.3 Tuy nhiên, nghĩa vụ của các bên theo mục GCC 20.1 và 20.2 nêu trên sẽ không áp dụng cho những thông tin mà:
- a) Bên mua hoặc Bên cung cấp cần phải chia sẻ với KFW hay các tổ chức khác tham gia tài trợ cho Hợp đồng;
 - b) Hiện tại hoặc trong tương lai sẽ được công bố mà không phải do lỗi của bên đó;
 - c) Có thể chứng minh được một bên chỉ nắm được thông tin vào thời điểm thông báo mà không biết trước trực tiếp hay gián tiếp từ bên kia; hoặc
 - d) Có thể thông tin hợp pháp cho một bên Hợp đồng từ một bên thứ 3 không có nghĩa vụ bảo mật.
- 20.4 Các quy định của Điều GCC 20 trong mọi trường hợp sẽ không thay đổi được những cam kết về bảo mật của bất cứ bên nào trước ngày ký kết hợp đồng về việc cung cấp hay các phần việc khác sau đó.
- 20.5 Các quy định của Điều GCC 20 sẽ còn tiếp tục có giá trị sau khi hoàn thành hoặc kết thúc hợp đồng.
- 21. Nhà thầu phụ**
- 21.1 Bên Cung cấp phải thông báo bằng văn bản cho Bên mua về tất cả các hợp đồng phụ trao theo hợp đồng này nếu chưa được nêu trong Hồ sơ dự thầu của mình. Việc thông báo như vậy trong Hồ sơ dự thầu ban đầu hay về sau sẽ không miễn trừ cho Bên cung cấp bất kỳ nghĩa vụ, nhiệm vụ, trách nhiệm, nghĩa vụ pháp lý nào theo Hợp

đồng.

21.2 Hợp đồng thầu phụ sẽ phải tuân thủ các quy định nêu trong Điều GCC 3 và 7.

22. Thông số và các tiêu chuẩn

22.1 Các thông số kỹ thuật và Bản vẽ

a) Bên Cung cấp sẽ phải đảm bảo là các Hàng hoá và Các Dịch vụ liên quan sẽ tuân theo Các thông số kỹ thuật và các điều khoản khác của hợp đồng.

b) Bên Cung cấp có quyền từ chối trách nhiệm đối với bất cứ thiết kế, số liệu, bản vẽ, thông số hay các tài liệu khác hay bất cứ sửa đổi nào sau đó mà Bên mua hoặc đại diện của bên mua cung cấp hay thiết kế, bằng cách gửi thông báo từ chối yêu cầu đó tới Bên mua.

c) Hàng hóa và Các Dịch vụ liên quan được giao theo hợp đồng này phải phù hợp với tiêu chuẩn được ghi rõ trong Chương VI, Lịch biểu cung cấp và nếu không rõ các tiêu chuẩn áp dụng thì các tiêu chuẩn phải tương đương hoặc ưu việt hơn tiêu chuẩn chính thức được áp dụng phù hợp với Quốc gia xuất xứ của Hàng hóa.

22.2 Khi trong Hợp đồng có ghi các khoản tham chiếu về quy tắc và tiêu chuẩn để thực hiện Hợp đồng, thì phiên bản gốc hoặc bản sửa đổi của các quy tắc và tiêu chuẩn đó phải được quy định trong Chương VI, Lịch biểu cung cấp. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, mọi thay đổi trong các quy tắc và tiêu chuẩn nói trên sẽ chỉ được áp dụng khi được Bên mua phê duyệt và sẽ được áp dụng theo quy định tại Điều GCC 33.

23. Đóng gói và tài liệu

23.1 Bên Cung cấp sẽ phải đóng gói Hàng hoá theo đúng yêu cầu để phòng ngừa hư hại hoặc giảm chất lượng trong quá trình vận chuyển hàng hoá tới nơi giao hàng cuối cùng đã nêu trong hợp đồng. Bao bì đóng gói phải đủ sức chịu đựng, không hạn chế, các thao tác vận chuyển nặng, nhiệt độ chênh lệch lớn, nước mặn và mưa trong khi vận chuyển không có mái che. Kích thước và trọng lượng của kiện hàng cũng phải tính đến, tùy trường hợp áp dụng, khoảng cách xa xôi của địa điểm giao hàng cuối cùng và sự thiếu thốn các phương tiện bốc dỡ hàng nặng ở tất cả các điểm quá cảnh.

23.2 Việc đóng gói, đề địa chỉ và tài liệu đi theo trong và ngoài bao bì phải tuân thủ chặt chẽ những yêu cầu đặc biệt như đã được nêu rõ trong Hợp đồng, bao gồm cả những yêu cầu bổ sung nếu có, được

xác định trong SCC, và trong bất kỳ một chỉ dẫn tiếp theo nào do Bên mua đưa ra.

24. Bảo hiểm

24.1 Trừ khi được quy định khác trong SCC, Hàng hoá cung cấp theo Hợp đồng phải được bảo hiểm toàn bộ bằng đồng tiền có thể tự do chuyển đổi được của một quốc gia hợp lệ, đối với tổn thất hoặc hư hại xảy ra trong sản xuất và mua sắm, vận chuyển và lưu kho, giao hàng theo quy định của Incoterms hoặc theo phương thức quy định trong SCC.

25. Vận chuyển

25.1 Trừ khi được quy định khác trong SCC, trách nhiệm vận chuyển hàng hoá phải tuân thủ theo Incoterms được quy định rõ trong Chương VI, Lịch biểu cung cấp.

26. Kiểm tra và thử nghiệm

26.1 Bên Cung cấp sẽ phải chịu mọi chi phí mà không được yêu cầu Bên mua thanh toán đối với việc kiểm tra và/hoặc thử nghiệm Hàng hoá và Các Dịch vụ liên quan như đã quy định rõ trong Chương VI, Lịch biểu cung cấp.

26.2 Việc kiểm tra và thử nghiệm có thể được tiến hành tại địa điểm của Bên cung cấp hay thầu phụ của Bên cung cấp tại thời điểm giao hàng, và/hoặc tại điểm giao hàng cuối cùng, hoặc ở một địa điểm khác tại Quốc gia Bên mua được nêu chi tiết trong SCC. Theo mục GCC 26.3, nếu tiến hành tại cơ sở của Bên cung cấp hoặc thầu phụ của họ, thì tất cả các phương tiện và sự hỗ trợ thoả đáng, kể cả việc tiếp cận các bản vẽ và các số liệu sản xuất, sẽ phải được cung cấp miễn phí cho các cán bộ kiểm tra của Bên mua.

26.3 Bên mua hoặc đại diện được uỷ quyền của Bên mua có quyền tham dự vào các cuộc kiểm tra và/hoặc thử nghiệm theo Điều GCC 26.2, với điều kiện Bên mua phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc tham dự của mình bao gồm, nhưng không hạn chế, các chi phí đi lại, ăn ở.

26.4 Khi Bên cung cấp sẵn sàng tiến hành các kiểm tra và thử nghiệm đó, Bên cung cấp phải thông báo trước bằng văn bản cho Bên mua, ghi rõ thời gian và địa điểm. Bên cung cấp phải có được giấy phép hoặc thoả thuận cần thiết của bên thứ ba liên quan hay nhà sản xuất cho phép Bên mua hay đại diện được uỷ quyền để được tham dự vào cuộc kiểm tra và/hoặc thử nghiệm.

26.5 Bên mua có thể yêu cầu Bên cung cấp tiến hành các cuộc kiểm tra và/hoặc thử nghiệm không theo yêu cầu trong Hợp đồng nhưng được coi là cần thiết để thẩm định đặc tính và hoạt động vận hành của Hàng hoá tuân theo thông số kỹ thuật, quy tắc và tiêu chuẩn theo Hợp đồng, miễn là các chi phí hợp lý của Bên cung cấp để thực hiện các cuộc kiểm tra và thử nghiệm đó của Bên cung cấp sẽ phải được cộng vào giá trị hợp đồng. Hơn nữa, nếu các cuộc kiểm tra và/hoặc thử nghiệm đó làm trở ngại quá trình sản xuất và/hoặc việc Bên cung

cấp thực hiện các trách nhiệm khác của mình theo Hợp đồng, thì thời hạn đó phải được tính vào Thời hạn giao hàng và Thời hạn hoàn thành và các nghĩa vụ khác bị ảnh hưởng tương ứng.

- 26.6 Bên Cung cấp sẽ phải gửi cho Bên mua báo cáo kết quả kiểm tra và/hoặc thử nghiệm.
- 26.7 Bên mua có thể bác bỏ bất kỳ hàng hoá hay bộ phận nào qua kiểm tra và thử nghiệm mà thấy không phù hợp với quy cách kỹ thuật. Bên cung cấp sẽ phải hoặc thay thế những hàng hoá hay bộ phận bị loại ra hoặc tiến hành những sửa đổi cần thiết để đáp ứng những yêu cầu kỹ thuật mà Bên mua không phải trả thêm tiền, và phải tiến hành kiểm tra và/hoặc thử nghiệm lại mà Bên mua không phải trả thêm tiền, sau khi thông báo bằng văn bản theo mục GCC 26.4.
- 26.8 Bên Cung cấp nhất trí rằng việc không tiến hành kiểm tra và/hoặc thử nghiệm hàng hoá hay các bộ phận, việc Bên mua hay đại diện của Bên mua không tham dự hay không có báo cáo về kiểm tra, thử nghiệm theo mục GCC 26.6 sẽ không thể miễn cho Bên cung cấp bất kỳ nghĩa vụ bảo hành hoặc các nghĩa vụ khác trong Hợp đồng này.

**27. Bồi thường
thiệt hại**

- 27.1 Ngoại trừ quy định trong Điều GCC 32, nếu Bên cung cấp không thực hiện được việc giao bất kỳ hoặc tất cả Hàng hoá hoặc thực hiện được Các Dịch vụ liên quan trong thời hạn được ghi trong Hợp đồng, thì bên mua sẽ khấu trừ khỏi giá hợp đồng, để đền bù các thiệt hại mà không ảnh hưởng đến các biện pháp khắc phục khác trong Hợp đồng, một khoản tiền tương ứng với mức phần trăm như xác định trong SCC, của phần Hàng hoá bị chậm trễ hoặc Dịch vụ không được thực hiện cho mỗi tuần lễ bị chậm trễ cho tới khi giao được hàng hoặc thực hiện được dịch vụ, và sẽ khấu trừ tới mức tối đa theo phần trăm như xác định trong SCC. Khi đạt tới mức tối đa này, Bên mua có thể xem xét chấm dứt Hợp đồng theo Điều GCC 35.

28. Bảo hành

- 28.1 Bên Cung cấp phải bảo đảm rằng tất cả Hàng hoá được cung cấp theo hợp đồng là mới, chưa sử dụng với kiểu mẫu hiện hành mới nhất, và đã đưa vào tất cả các cải tiến mới nhất về thiết kế và vật liệu, trừ khi có quy định khác trong Hợp đồng.
- 28.2 Theo mục GCC 22.1, Bên Cung cấp phải đảm bảo tiếp theo rằng tất cả các Hàng hoá được cung cấp theo Hợp đồng này là không có khuyết tật do thiết kế, vật liệu hoặc kỹ thuật chế tạo trong quá trình sử dụng bình thường trong điều kiện phổ biến tại nơi nhận hàng cuối cùng.
- 28.3 Trừ khi được quy định khác trong SCC, việc bảo hành này sẽ có hiệu lực trong 12 tháng sau khi hàng hoá hoặc bất kỳ bộ phận nào trong đó được giao và nghiệm thu ở nơi nhận hàng cuối cùng nêu trong SCC, hoặc trong vòng mười tám (18) tháng sau ngày chắt hàng lên

tàu hoặc xếp dỡ hàng tại quốc gia xuất xứ, tùy thời điểm nào kết thúc trước.

- 28.4 Bên mua sẽ phải nhanh chóng thông báo cho Bên cung cấp bằng văn bản ghi rõ tính chất của khuyết tật cùng với bằng chứng thoả đáng kèm theo, ngay sau khi phát hiện ra các khuyết tật đó. Bên mua cũng sẽ phải tạo mọi cơ hội để Bên cung cấp thẩm tra các khuyết tật đó.
- 28.5 Khi nhận được thông báo như vậy, trong khoảng thời gian xác định trong SCC, Bên cung cấp sẽ phải sửa chữa hoặc thay thế miễn phí Hàng hoá hoặc các bộ phận bị hư hỏng mà không được đòi hỏi chi phí từ Bên mua.
- 28.6 Nếu đã được thông báo mà Bên cung cấp không sửa chữa những khuyết tật của hàng hoá trong phạm vi thời gian nêu trong SCC, thì Bên mua có thể tiến hành việc sửa chữa theo mức cần thiết, và Bên cung cấp sẽ phải chịu rủi ro và chi phí liên quan đến việc sửa chữa đó, mà không gây thiệt hại đến bất cứ quyền nào của Bên mua đối với Bên cung cấp theo Hợp đồng.

**29. Đảm bảo quyền
phát minh sáng
chế**

- 29.1 Dựa trên việc Bên mua tuân thủ mục GCC 29.2, Bên cung cấp sẽ phải bảo đảm và bảo vệ bên mua và các nhân viên của họ khỏi những kiện tụng hay những xử phạt hành chính, yêu sách, đòi hỏi, mất mát hư hỏng, chi phí bao gồm phí luật sư và chi phí uỷ quyền mà Bên mua phải chịu do bất cứ vi phạm hay bị coi là vi phạm về sáng chế, kiểu mẫu, đăng ký thiết kế, thương hiệu bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ khác đã được đăng ký hay đã có vào thời điểm Hợp đồng được ký với những lý do có liên quan đến:
- a) Việc lắp đặt Hàng hoá do Bên cung cấp thực hiện hoặc việc sử dụng Hàng hoá tại các địa điểm mà công trình được lắp đặt; và
- b) Việc bán các sản phẩm được sản xuất từ những Hàng hoá này tại bất kỳ quốc gia nào.

Những đền bù như vậy sẽ không bao gồm việc sử dụng những Hàng hoá hoặc bất kỳ phần nào của Hàng hoá ngoài mục đích đã nêu hoặc được đề cập thích hợp trong Hợp đồng, bất kỳ xâm phạm nào trong việc sử dụng Hàng hoá hoặc bất kỳ phần nào của Hàng hoá, hoặc bất kỳ sản phẩm nào được sản xuất liên kết hoặc kết hợp với bất kỳ thiết bị, vật tư, linh kiện khác không do Bên cung cấp cung ứng theo Hợp đồng.

- 29.2 Nếu Bên mua bị xử phạt hay kiện tụng đối với những vấn đề phát sinh nằm ngoài những điều đã nêu trong mục GCC 29.1, Bên mua sẽ

gửi ngay cho Bên cung cấp một thông báo và Bên cung cấp sẽ giải quyết bằng chi phí của mình dưới danh nghĩa của Bên mua những vụ xử phạt hoặc kiện tụng và tiến hành bất kỳ đàm phán nào để giải quyết những vụ kiện tụng nói trên.

29.3 Nếu Bên cung cấp không thông báo kịp thời cho Bên mua trong vòng hai mươi tám (28) ngày sau khi nhận được thông báo trên rằng Bên cung cấp sẽ dự định tiến hành giải quyết vụ xử phạt hay kiện tụng đó thì Bên mua sẽ có toàn quyền giải quyết việc đó bằng danh nghĩa của mình.

29.4 Theo yêu cầu của Bên cung cấp, Bên mua sẽ phải cố gắng hỗ trợ Bên cung cấp trong việc giải quyết những vụ xử phạt hay kiện tụng trên và sẽ được Bên cung cấp hoàn trả những chi phí hợp lý trong quá trình giải quyết nói trên.

29.5 Bên mua phải bảo đảm và bảo vệ Bên cung cấp và các nhân viên cũng như thầu phụ của họ khỏi những kiện tụng hay các xử phạt hành chính, yêu sách, đòi hỏi, mất mát, hư hỏng, chi phí bao gồm phí và chi phí uỷ quyền mà Bên cung cấp phải chịu do bất cứ vi phạm hay bị coi là vi phạm sáng chế, kiểu mẫu, đăng ký, thiết kế, thương hiệu, bản quyền hay các quyền sở hữu trí tuệ khác đã được đăng ký hay đã có vào thời điểm Hợp đồng được ký, phát sinh hay liên quan đến thiết kế, số liệu bản vẽ, quy cách hay các tài liệu và chứng từ khác do Bên mua cung cấp hay thiết kế.

30. Giới hạn về trách nhiệm pháp lý

30.1 Trừ các trường hợp bất cẩn hay cố ý làm sai:

a) Không bên nào chịu trách nhiệm đối với bên kia về các mất mát hay thiệt hại, mất tính năng và sản lượng hoặc mất lợi nhuận hay lãi, gây ra gián tiếp hoặc do hậu quả từ những thiệt hại đó, với điều kiện là những trường hợp trên không liên quan đến trách nhiệm của Bên cung cấp phải trả những đền bù thiệt hại cho Bên mua; và

b) Toàn bộ trách nhiệm của Bên cung cấp đối với Bên mua theo hợp đồng, là gây hại hoặc không, sẽ không vượt quá giá trị nêu trong SCC, với điều kiện là giới hạn này không liên quan đến chi phí sửa chữa hay thay thế những thiết bị khuyết tật, hoặc với trách nhiệm của Bên cung cấp để đền bù cho Bên mua về những vi phạm về bản quyền.

31. Thay đổi về Luật và các quy định

31.1 Trừ khi được quy định khác đi trong Hợp đồng, nếu sau ngày ghi trong Thư mời thầu, luật, quy định, pháp lệnh, chế độ hay quy chế tương đương luật được ban hành, ban bố, huỷ bỏ, hay thay đổi tại nơi có công trình ở Quốc gia Bên mua (được coi là bất kỳ thay đổi

trong cách hiểu hoặc áp dụng của cơ quan có thẩm quyền) làm ảnh hưởng đến Ngày giao nhận và/hoặc Giá hợp đồng, theo đó làm nhanh lên hay chậm lại ngày giao nhận và làm giá hợp đồng tăng lên hay giảm xuống tới mức làm ảnh hưởng tới việc thực hiện các nghĩa vụ của Bên cung cấp hợp đồng. Mặc dù đã nói ở trên, việc tăng hay giảm chi phí này sẽ không được thanh toán riêng hay nợ lại nếu các khoản này đã được tính trong các điều khoản về điều chỉnh giá khi áp dụng theo Điều GCC 15.

- 32. Bất khả kháng**
- 32.1 Bên Cung cấp sẽ không bị tịch thu Bảo đảm thực hiện hợp đồng, không phải đền bù những thiệt hại hoặc chấm dứt hợp đồng vì sai phạm nêu, và trong phạm vi, sự chậm trễ trong thực hiện hoặc không thực hiện được các nghĩa vụ khác trong hợp đồng là do kết quả của một sự kiện Bất khả kháng.
- 32.2 Trong phạm vi điều khoản này, “Bất khả kháng” là một sự kiện hoặc tình huống ngoài tầm kiểm soát của Bên cung cấp mà không dự đoán được, không thể tránh được, và nguồn gốc liên quan đến sự sai phạm hoặc sơ xuất của Bên cung cấp. Những sự kiện đó có thể bao gồm, nhưng không hạn chế, những hành động của Bên mua về năng lực chủ quyền, chiến tranh hoặc cách mạng, hoả hoạn, lụt lội, dịch bệnh, cách ly do dịch bệnh và cấm vận.
- 32.3 Nếu một trường hợp Bất khả kháng xảy ra, Bên cung cấp phải nhanh chóng thông báo bằng văn bản cho Bên mua về tình trạng và nguyên nhân gây ra. Trừ khi có chỉ thị khác bằng văn bản của Bên mua, Bên cung cấp sẽ phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng trong chừng mực thực tế và hợp lý và phải tìm mọi biện pháp hợp lý khác thay thế để thực hiện Hợp đồng mà không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng.
- 33. Thay đổi đơn hàng và sửa đổi hợp đồng**
- 33.1 Bên mua có thể, vào bất kỳ lúc nào, bằng một đơn đặt hàng bằng văn bản gửi cho Bên cung cấp theo Điều GCC 8, đưa ra những thay đổi trong phạm vi cung cấp chung của Hợp đồng về bất kỳ một hoặc nhiều mục sau đây:
- a) Bản vẽ, thiết kế hoặc thông số kỹ thuật, khi hàng hoá cung cấp theo hợp đồng được sản xuất riêng cho Bên mua;
 - b) Phương pháp vận chuyển hoặc đóng gói;
 - c) Địa điểm giao hàng; và
 - d) Các dịch vụ liên quan do Bên cung cấp cung ứng.
- 33.2 Nếu bất kỳ một thay đổi nào như vậy làm tăng hoặc giảm chi phí hoặc thời gian cần thiết để Bên cung cấp thực hiện bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng, thì một sự điều chỉnh hợp lý phải được thực hiện

trong Giá hợp đồng hoặc trong Lịch biểu giao hàng và hoàn thành, hoặc cả hai và Hợp đồng cũng sẽ phải được sửa đổi bổ sung. Bất cứ yêu cầu điều chỉnh nào của Bên cung cấp theo điều này sẽ phải được xem xét giải quyết trong vòng hai mươi tám (28) ngày tính từ ngày Bên cung cấp nhận được đơn hàng thay đổi của Bên mua.

33.3 Giá do Bên cung cấp đưa ra cho Các Dịch vụ liên quan cần thiết nhưng không được tính trong Hợp đồng thì sẽ phải được các bên thoả thuận trước và không được vượt quá mức giá hiện hành được Bên cung cấp áp dụng cho các bên khác đối với các dịch vụ tương tự.

34. Gia hạn

34.1 Vào bất kỳ thời điểm nào trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Bên cung cấp và các thầu phụ gặp phải các điều kiện khó khăn cản trở việc giao Hàng hoá và thực hiện Các Dịch vụ liên quan theo Điều GCC 12, Bên cung cấp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Bên mua về sự chậm chễ về thời gian có thể bị kéo dài và những nguyên nhân gây ra sự chậm chễ đó. Sau khi nhận được thông báo của Bên cung cấp, Bên mua phải khẩn trương đánh giá tình hình và có thể chủ động gia hạn thời gian thực hiện Hợp đồng của Bên cung cấp. Trong trường hợp này, việc gia hạn sẽ phải được các bên thông qua bằng cách bổ sung Hợp đồng.

34.2 Trừ trường hợp bất khả kháng, theo Điều GCC 32, sự chậm chễ của Bên cung cấp trong thực hiện các nghĩa vụ Giao hàng và Hoàn thành sẽ dẫn đến việc Bên cung cấp phải chịu bồi thường theo Điều GCC 27, trừ khi có thoả thuận gia hạn thời gian, theo mục GCC 34.1.

35. Chấm dứt Hợp đồng

35.1 Chấm dứt Hợp đồng do sai phạm

a) Bên mua, bằng văn bản thông báo về sai phạm gửi cho Bên cung cấp có thể chấm dứt toàn bộ hoặc từng phần Hợp đồng, mà không ảnh hưởng đến bất kỳ biện pháp chấn chỉnh nào khác do vi phạm Hợp đồng:

(i) Nếu Bên cung cấp không giao được một phần hoặc tất cả Hàng hoá trong thời hạn xác định theo Hợp đồng, hoặc trong bất kỳ khoảng thời gian gia hạn nào được Bên mua cho phép theo Điều GCC 34; hoặc

(ii) Nếu Bên cung cấp không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo Hợp đồng.

(iii) Nếu Bên cung cấp, theo đánh giá của Bên mua, là có dính líu vào tham nhũng, gian lận, thông đồng hay ép buộc trong việc cạnh tranh hay trong quá trình thực

hiện Hợp đồng, theo quy định trong Điều GCC 3.

- b) Trong trường hợp Bên mua chấm dứt Hợp đồng toàn bộ hay từng phần theo mục GCC 35.1 (a), Bên mua có thể mua, theo phương pháp và điều kiện được coi là thích hợp, các Hàng hoá hoặc Dịch vụ liên quan tương tự về những nội dung không được giao hay không được thực hiện, và Bên cung cấp sẽ phải chịu trách nhiệm với Bên mua về bất kỳ chi phí phụ trội cho những Hàng hoá hoặc Dịch vụ liên quan tương tự đó. Tuy nhiên, Bên cung cấp vẫn phải tiếp tục việc thực hiện Hợp đồng ở phạm vi những nội dung chưa bị chấm dứt.

35.2 Chấm dứt vì không trả được nợ

Bên mua có thể, vào bất cứ lúc nào, chấm dứt Hợp đồng bằng cách Thông báo bằng văn bản cho Bên cung cấp nếu Bên cung cấp bị phá sản hoặc không trả được nợ. Trong trường hợp đó, việc chấm dứt sẽ không kèm theo đền bù cho Bên cung cấp miễn là sự chấm dứt đó không phương hại hoặc ảnh hưởng đến bất kỳ quyền hành động nào hoặc biện pháp chấn chỉnh nào đã hoặc sẽ phát sinh thêm sau đó đối với Bên mua.

35.3 Chấm dứt vì lý do thuận tiện

- a) Bên mua, bằng cách Thông báo bằng văn bản gửi cho Bên cung cấp, có thể chấm dứt Hợp đồng toàn bộ hoặc từng phần vào bất kỳ lúc nào vì lý do thuận tiện. Thông báo phải ghi rõ việc chấm dứt là vì lý do thuận tiện của Bên mua, phạm vi chấm dứt việc thực hiện của Bên cung cấp theo Hợp đồng, và thời điểm việc chấm dứt đó bắt đầu có hiệu lực.

- b) Những Hàng hoá đã hoàn chỉnh và sẵn sàng bốc lên tàu trong vòng hai mươi tám (28) ngày sau khi Bên cung cấp nhận được Thông báo chấm dứt sẽ được Bên mua nhận hết theo các điều khoản và giá Hợp đồng. Đối với Hàng hoá còn lại, Bên mua có thể chọn:

- (i) Yêu cầu hoàn chỉnh và giao bất kỳ phần nào theo điều khoản và giá cả Hợp đồng; và/hoặc
- (ii) Huỷ bỏ không lấy phần còn lại và thanh toán cho Bên cung cấp một khoản tiền được thoả thuận cho những Hàng hoá và dịch vụ đã được hoàn thành một phần và cho các vật liệu và bộ phận Bên cung cấp đã mua từ trước.

36. Chuyển nhượng

- 36.1 Bên mua và Bên cung cấp không được chuyển nhượng, toàn bộ hoặc từng phần, các nghĩa vụ thực hiện Hợp đồng này của

mình, trừ khi có sự đồng ý trước bằng văn bản của bên kia.

Chương VIII. Các điều kiện cụ thể của Hợp đồng

Các điều kiện cụ thể của Hợp đồng (SCC) sau đây sẽ bổ sung cho Các điều kiện chung của Hợp đồng (GCC). Khi có mâu thuẫn, các điều khoản sau đây sẽ có hiệu lực chi phối GCC.

GCC 1.1(j)	Quốc gia Bên mua: Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
GCC 1.1(k)	Bên mua: Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp – NPMU dự án Quản lý rừng bền vững và đa dạng sinh học nhằm giảm phát thải CO ₂ (KfW8).
GCC 1.1 (q)	Địa điểm: thành phố Hải Phòng, Việt Nam trong trường hợp ô tô được nhập khẩu và 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam trong trường hợp ô tô được cung cấp trong nước.
GCC 4.2 (a)	Phiên bản Incoterms: 2010
GCC 5.1	Ngôn ngữ: Tiếng Anh Ngôn ngữ để dịch văn bản hỗ trợ và tài liệu in là: Tiếng Việt
GCC 6.1	Cá nhân hay công ty trong liên doanh, liên kết hay liên danh sẽ có trách nhiệm chung và riêng rẽ.
GCC 8.1	Nhằm mục đích thông báo , địa chỉ của Bên mua là: Người nhận: Ông Nguyễn Trường Giang – Giám đốc NPMU dự án KfW8. Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp – NPMU dự án KfW8 Địa chỉ: Phòng 603, tầng 6, tòa nhà số 2, khu liên cơ Bộ Nông nghiệp và PTNT, số 16 Thụy Khuê quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam. ZIP code: 084 Điện thoại: 84-24-37286237. Fax: 84-24-37286236. Email: kfw8npmu@gmail.com
GCC 9.1	Luật điều chỉnh: Luật của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

<p>GCC 10.2</p>	<p>Cơ chế chính thức giải quyết tranh chấp:</p> <p>- Trong trường hợp tranh chấp giữa Bên mua và Bên cung cấp mang quốc tịch của Quốc gia Bên mua thì việc giải quyết tranh chấp sẽ được thực hiện thông qua trọng tài theo luật định của Quốc gia Bên mua.</p> <p>- Trong trường hợp tranh chấp giữa Bên mua và Bên cung cấp không mang quốc tịch của Quốc gia Bên mua thì việc giải quyết tranh chấp sẽ thực hiện thông qua trọng tài theo các điều khoản trong quy định giải quyết tranh chấp bằng trọng tài của Ủy ban luật thương mại quốc tế của Liên Hợp Quốc (UNCITRAL).</p>
<p>GCC 11.1</p>	<p>Phạm vi cung cấp được xác định trong: Chương VI, Lịch biểu cung cấp.</p>
<p>GCC 12.1</p>	<p>Chi tiết về giao hàng và các chứng từ do Bên cung cấp giao:</p> <p>- Đối với hàng hóa dịch vụ cung cấp từ bên ngoài quốc gia Bên mua:</p> <p>Khi giao hàng, Bên cung cấp phải thông báo với Bên mua và Công ty Bảo hiểm bằng điện tín hoặc fax với đầy đủ chi tiết về việc giao hàng, bao gồm cả số đơn đặt hàng, mô tả hàng hóa, số lượng, tàu, biên nhận vận chuyển và gửi hàng từ công ty vận chuyển thể hiện đầy đủ chi tiết, cảng chất hàng, ngày chất hàng, cảng dỡ hàng... Bên Cung cấp sẽ gửi các chứng từ sau cho Bên mua, kèm theo một bản sao cho Công ty Bảo hiểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Một bản gốc và 03 bản sao hóa đơn bán hàng của Bên Cung cấp thể hiện rõ mô tả số lượng, đơn giá và tổng số tiền; (ii) Một bản gốc và 03 bản sao chứng từ vận chuyển bằng xe tải hoặc bản sao chứng từ vận chuyển bằng đường sắt và/hoặc FCR bằng 01 bản gốc và 03 bản sao được đánh dấu “Phí vận chuyển trả trước”; 05 bản sao vận đơn đường biển không có giá trị thanh toán và chuyển nhượng (iii) Các bản sao danh sách đóng gói xác định nội dung của xe ô tô; (iv) Giấy chứng nhận xuất xứ (CO); (v) Giấy chứng nhận chất lượng (CQ). <p>Các chứng từ trên và các chứng từ cần thiết khác (nếu có) sẽ được Bên mua nhận được ít nhất một tuần trước khi hàng hóa đến tại cảng hoặc địa điểm đến và, nếu không nhận được, Bên Cung cấp sẽ chịu trách nhiệm về bất kỳ các chi phí phát sinh.</p> <p>- Đối với hàng hoá dịch vụ được cung cấp từ bên trong quốc gia Bên mua:</p> <p>Bên cung cấp sẽ thông báo và gửi các chứng từ sau cho Bên mua, kèm theo một bản sao cho Công ty Bảo hiểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Một bản gốc và 03 bản sao hóa đơn bán hàng của Bên Cung cấp thể hiện rõ mô tả số lượng, đơn giá và tổng số tiền;

	<p>(ii) Giấy chứng nhận bảo hành của nhà sản xuất;</p> <p>(iii) Giấy chứng nhận giám định do cơ quan giám định đã đề cử ấn hành; chứng nhận kiểm tra tại nhà máy;</p> <p>(iv) Giấy chứng nhận xuất xứ (CO);</p> <p>(v) Giấy chứng nhận chất lượng (CQ).</p> <p>Các chứng từ trên và các chứng từ cần thiết khác (nếu có) sẽ được Bên mua nhận được trước khi hàng hóa đến tại địa điểm đến và, nếu không nhận được, Bên Cung cấp sẽ chịu trách nhiệm về bất kỳ các chi phí phát sinh.</p>
GCC 15.2	Điều chỉnh giá: Không áp dụng.
GCC 16.1	<p>Phương thức thanh toán:</p> <p>- Đối với hàng hóa dịch vụ được cung cấp từ bên ngoài quốc gia Bên mua:</p> <p>+ Thanh toán tạm ứng: Mười phần trăm (10%) và các chi trả khác theo hợp đồng trong vòng 10 ngày sau khi bên cung cấp đưa ra một yêu cầu thanh toán tạm ứng kèm theo một Bảo đảm tạm ứng bằng hình thức bảo đảm của Ngân hàng như quy định tại Chương IX, Các mẫu biểu của hợp đồng, với tổng số tiền bằng tổng số tiền tạm ứng và có giá trị đến khi hàng được giao.</p> <p>+ Thanh toán:</p> <p>(i) Khi đóng hàng gửi xuống tàu: Bên mua sẽ thanh toán cho Bên cung cấp bảy mươi phần trăm (70%) giá hợp đồng, dưới hình thức Thư tín dụng được xác nhận không hủy ngang được mở cho Bên cung cấp tại một Ngân hàng tại Quốc gia Bên cung cấp khi Bên cung cấp nộp đủ các tài liệu được ghi rõ trong mục SCC 12.1, Các điều kiện cụ thể của Hợp đồng.</p> <p>(ii) Khi nghiệm thu: Hai mươi phần trăm (20%) giá hợp đồng sẽ được thanh toán trong vòng 10 ngày sau khi nhận được hàng hóa (tại nơi nhận nêu tại Chương VI, Lịch biểu cung cấp) và Bên cung cấp nộp đề nghị thanh toán kèm theo Biên bản nghiệm thu được ký kết.</p>

	<p>- Đối với hàng hóa dịch vụ được cung cấp từ bên trong quốc gia Bên mua:</p> <p>(i) Tạm ứng: Hai mươi phần trăm (20%) giá hợp đồng trong vòng 10 ngày sau khi bên cung cấp đưa ra một yêu cầu thanh toán kèm theo một Bảo đảm tạm ứng bằng hình thức bảo đảm của Ngân hàng như quy định tại Chương IX, Các mẫu biểu của hợp đồng, với tổng số tiền bằng tổng số tiền tạm ứng và có giá trị đến khi hàng được giao.</p> <p>(ii) Khi hàng đến: Bảy mươi phần trăm (70%) giá hợp đồng sẽ được thanh toán khi hàng đến và sau khi Bên cung cấp nộp đủ các tài liệu được ghi rõ trong SCC 12.1- Các điều kiện cụ thể của Hợp đồng.</p> <p>(iii) Khi nghiệm thu: Bên mua sẽ thanh toán cho Bên cung cấp mười phần trăm (10%) giá hợp đồng trong vòng 10 ngày sau khi Bên cung cấp nộp đề nghị thanh toán kèm theo Biên bản nghiệm thu được ký kết.</p>
GCC 16.4	<p>Các loại tiền tệ thanh toán: Đồng Việt Nam theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại thời điểm thanh toán.</p>
GCC 18.1	<p>Bên Cung cấp sẽ phải cung cấp một Bảo đảm thực hiện Hợp đồng trị giá mười phần trăm (10%) của giá Hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện bằng số tiền và đơn vị tiền tệ: đồng tiền Việt Nam Đồng.</p>
GCC 18.3	<p>Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện theo mẫu: Bảo đảm của Ngân hàng theo quy định tại Chương IX, Các mẫu biểu của Hợp đồng.</p>
GCC 18.4	<p>Trả lại Bảo đảm thực hiện hợp đồng khi: Sau khi giao hàng và được chấp nhận hàng, Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ giảm xuống còn 5% giá Hợp đồng để bảo đảm các nghĩa vụ của Bên cung cấp theo Điều GCC 28.3.</p>
GCC 23.2	<p>Việc đóng gói, đề địa chỉ và tài liệu đi theo trong và ngoài bao bì phải thể hiện rõ: số lượng, tên hàng hoá thiết bị và các ghi chú cần thiết khác cho việc vận chuyển và giao nhận hàng hóa.</p>
GCC 24.1	<p>Mức độ bảo hiểm: Bên cung cấp sẽ phải bảo hiểm hàng hoá với tổng số bằng một trăm mười phần trăm (110%) giá CIF hoặc giá xuất xưởng (EXW) của hàng hóa "từ kho tới kho" dưới hình thức "mọi rủi ro".</p>
GCC 25.1	<p>Nghĩa vụ vận chuyển hàng hoá được thực hiện theo: Incoterms được quy định rõ trong Chương VI, Lịch biểu cung cấp</p>

GCC 26.2	<p>Kiểm tra và thử nghiệm theo Chương VI, Lịch biểu cung cấp, được thực hiện theo lịch thời gian hoặc mốc thời gian và địa điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mốc thời gian thực hiện Kiểm tra và thử nghiệm: Theo quy định của Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam về kiểm tra và thử nghiệm xe ô tô. - Địa điểm thực hiện: thành phố Hải Phòng, Việt Nam trong trường hợp ô tô được nhập khẩu và Thành phố Hà Nội, Việt Nam trong trường hợp ô tô được cung cấp trong nước.
GCC 26.3	Bên mua hoặc các đại diện của Bên mua đảm trách nghiệm thu theo điều GCC 26.2.
GCC 27.1	Đền bù thiệt hại: 0,25% giá hợp đồng mỗi tuần hoặc một phần của hợp đồng.
GCC 27.1	Giá trị tối đa của các thiệt hại phải đền bù: 10% giá trị hợp đồng.
GCC 28.3	Thời gian hiệu lực bảo hành: 24 tháng hoặc 60.000 km tùy theo điều kiện nào đến trước, sau khi hàng hóa được nghiệm thu và bàn giao.
GCC 28.5	Bên Cung cấp phải sửa chữa mọi hư hỏng trong phạm vi bảo hành: trong vòng 10 ngày sau khi nhận được thông báo của Bên mua về hư hỏng đó.
GCC 30.1 (b)	Các mức trách nhiệm tổng hợp được:

Chương IX. Các mẫu biểu của Hợp đồng

Các mẫu biểu

THỎA THUẬN HỢP ĐỒNG.....	114
Bảo đảm tạm ứng.....	115
Bảo đảm thực hiện Hợp đồng.....	117
Tuyên bố cam kết thực hiện.....	118

THỎA THUẬN HỢP ĐỒNG

HỢP ĐỒNG này lập ngày _____ tháng _____ năm _____ giữa một bên là _____ thuộc _____ (sau đây gọi là "Bên mua") và một bên là _____ thuộc _____ (sau đây gọi là "Bên cung cấp"):

TRÊN CƠ SỞ Bên mua đã mời thầu cung cấp Hàng hoá và Các Dịch vụ liên quan gồm có _____ và đã chấp nhận Hồ sơ dự thầu của Bên cung cấp để cung cấp các hàng hoá và dịch vụ liên quan đó với số tiền là: _____ (sau đây gọi là "Giá hợp đồng")

NAY HAI BÊN THỎA THUẬN NHƯ SAU:

1. Các từ ngữ và các câu trong Hợp đồng này có cùng ý nghĩa với từ ngữ và câu được định nghĩa trong điều khoản Hợp đồng.
2. Các tài liệu sau đây là bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng này:
 - (a) Thông báo của Bên mua cho Bên cung cấp về việc trao hợp đồng;
 - (b) Đơn chào giá và Biểu giá của Bên cung cấp
 - (c) Đề xuất kỹ thuật của Bên cung cấp;
 - (d) Các điều kiện cụ thể của Hợp đồng;
 - (e) Các điều kiện chung của Hợp đồng;
 - (f) Lịch biểu cung cấp; và
 - (g) _____

Hợp đồng này có hiệu lực tuyệt đối so với các tài liệu hợp đồng khác. Trong trường hợp có bất cứ sự không nhất quán và thống nhất nào trong các tài liệu của Hợp đồng, thì các tài liệu sẽ có hiệu lực thực hiện theo thứ tự danh sách nêu trên.

3. Để được Bên mua thanh toán các khoản tiền được nêu trong Hợp đồng này, Bên cung cấp cam kết với Bên mua sẽ cung cấp Hàng hoá và Các Dịch vụ liên quan và khắc phục các hư hỏng theo đúng các điều khoản Hợp đồng về mọi phương diện.

4. Tùy thuộc vào việc cung cấp hàng hoá và dịch vụ liên quan và khắc phục các hư hỏng của Bên cung cấp, Bên mua cam kết thanh toán cho Bên cung cấp Giá hợp đồng hoặc các khoản tiền liên quan khác phải trả theo các điều khoản của Hợp đồng vào những thời điểm và theo cách thức đã qui định trong Hợp đồng.

CÁC BÊN cam kết thực hiện Hợp đồng này theo đúng Luật pháp của _____

vào ngày _____ tháng _____ năm được ghi trên đây.

Ký tên _____ (đại diện Bên mua)

Ký tên _____ (đại diện Bên Cung cấp)

Mẫu bảo lãnh tạm ứng

Địa chỉ ngân hàng bảo lãnh:

.....

Địa chỉ bên thụ hưởng (Đơn vị ký hợp đồng):

.....

Vào ngày.....bản hợp đồng về(tên dự án, đối tượng hợp đồng) đã được ký kết với.....(Nhà thầu) với tổng giá trị hợp đồng là.....

Theo các điều khoản quy định trong hợp đồng, nhà thầu sẽ nhận được số tiền tạm ứng làtương đương% giá trị hợp đồng.

Chúng tôi, đơn vị ký xác nhận dưới đây.....(Bên bảo lãnh), bắt chấp mọi sự phản đối hay ngăn cản trong việc thực hiện bản hợp đồng nêu trên, xin bảo lãnh thanh toán một cách độc lập và không huỷ ngang theo yêu cầu văn bản đầu tiên số tiền đã tạm ứng cho Nhà thầu lên tới.....(Bằng chữ:.....) khi được thông báo văn bản là nhà thầu đã không thực hiện đúng theo quy định nêu trong hợp đồng đề cập ở trên.

Bảo lãnh sẽ có hiệu lực ngay khi khoản tiền tạm ứng được ghi có vào tài khoản của nhà thầu. Bảo lãnh sẽ tự động giảm dần theo tỷ lệ phù hợp với các khoản thanh toán đã thực hiện.

Trong trường hợp có khiếu nại về bảo lãnh, chúng tôi sẽ thực hiện tất cả các thanh toán cho KfW, Frankfurt am Main (BIC: KFWIDEFF, BLZ 500 204 00), tài khoản số 38 000 000 00 (IBAN: DE53 5002 0400 3800 0000 00) cho tài khoản của (Đơn vị thực thi dự án/Chủ dự án).

Bảo lãnh sẽ hết hiệu lực không quá ngày.....

Mọi khiếu nại thanh toán phải được gửi cho chúng tôi bằng thư hoặc bằng điện tín trước ngày hết hiệu lực nêu trên.

Bảo lãnh này sẽ được hoàn trả cho chúng tôi khi hết hiệu lực hoặc sau khi chúng tôi thanh toán toàn bộ số tiền nêu trên.

Bảo lãnh thực hiện hợp đồng được thực hiện theo luật.....

.....
 Địa điểm, ngày tháng

Bên bảo lãnh

Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng

Địa chỉ ngân hàng bảo lãnh:

.....

Địa chỉ bên thụ hưởng (Đơn vị ký hợp đồng):

.....

Vào ngày.....bản hợp đồng về(tên dự án, đối tượng hợp đồng) đã được ký kết với.....(Nhà thầu) với tổng giá trị hợp đồng là.....

Theo các điều khoản quy định trong hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ cung cấp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho.....% giá trị hợp đồng.

Chúng tôi, đơn vị ký xác nhận dưới đây.....(Đơn vị bảo lãnh), bất chấp mọi sự phản đối hay ngăn cản trong việc thực hiện bản hợp đồng nêu trên, xin bảo lãnh thanh toán một cách độc lập và không huỷ ngang theo yêu cầu văn bản đầu tiên số tiền lên tới.....(Bằng chữ:.....) khi được thông báo văn bản là nhà thầu đã không thực hiện đúng theo quy định nêu trong hợp đồng đề cập ở trên.

Trong trường hợp có khiếu nại về bảo lãnh, chúng tôi sẽ thực hiện tất cả các thanh toán cho KfW, Frankfurt am Main (BIC: KFWIDEFF, BLZ 500 204 00), tài khoản số 38 000 000 00 (IBAN: DE53 5002 0400 3800 0000 00) cho tài khoản của (Đơn vị thực thi dự án/Chủ dự án) chỉ được rút ra khi có sự đồng ý của KfW

Bảo lãnh sẽ hết hiệu lực không quá ngày.....

Mọi khiếu nại thanh toán phải được gửi cho chúng tôi bằng thư hoặc bằng điện tín trước ngày hết hiệu lực nêu trên.

Bảo lãnh này sẽ được hoàn trả cho chúng tôi khi hết hiệu lực hoặc sau khi chúng tôi thanh toán toàn bộ số tiền nêu trên.

Bảo lãnh thực hiện hợp đồng được thực hiện theo luật.....

.....
 Địa điểm, ngày tháng

Bên bảo lãnh

Tuyên bố cam kết thực hiện

Chúng tôi nhấn mạnh tầm quan trọng của một quá trình đấu thầu tự do, công bằng và cạnh tranh loại trừ mọi hành động gian lận. Về việc này, chúng tôi không trực tiếp hay gián tiếp giành các ưu đãi quá mức chấp nhận cho bất kỳ cá nhân nào hoặc công chức nào có liên quan đến hồ sơ dự thầu của chúng tôi. Đồng thời, chúng tôi cũng sẽ không dành bất cứ ưu đãi hoặc điều kiện nào trong quá trình đấu thầu hiện tại, trong trường hợp chúng tôi được trao hợp đồng hoặc trong quá trình triển khai hợp đồng sau đó. Chúng tôi cam kết không có mâu thuẫn lợi ích theo các nội dung trong các Hướng dẫn tương ứng⁴. Chúng tôi cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tôn trọng các tiêu chuẩn xã hội tối thiểu ("Tiêu chuẩn lao động") trong quá trình triển khai dự án. Chúng tôi cam kết tuân thủ các quy định pháp luật của nước [●] (tên nước).

Chúng tôi sẽ thông báo cho nhân viên của chúng tôi về các nghĩa vụ tương ứng của từng nhân viên cũng như về nghĩa vụ hoàn thành cam kết thực hiện công việc và tuân thủ các quy định pháp luật của nước [●] (tên nước).

Chúng tôi cũng tuyên bố rằng công ty của chúng tôi/tất cả các thành viên trong liên danh chưa từng có tên trong danh sách trừng phạt của Liên Hiệp Quốc, Liên Minh Châu Âu, Chính phủ Đức hay bất kỳ danh sách trừng phạt nào khác và xin khẳng định rằng công ty chúng tôi/tất cả các thành viên của liên danh sẽ thông báo ngay cho khách hàng và KfW nếu sau giai đoạn sau có phát sinh trường hợp này.

Chúng tôi nhận biết rằng trong trường hợp công ty của chúng tôi (hoặc một thành viên trong liên danh) bị đưa vào danh sách áp dụng các biện pháp trừng phạt thì theo quy định ràng buộc pháp lý đối với chủ đầu tư và/hoặc KfW, chủ đầu tư có quyền loại trừ công ty/liên danh của chúng tôi ra khỏi quá trình mua sắm/đấu thầu, và nếu hợp đồng được trao cho công ty/liên doanh của chúng tôi thì chủ đầu tư được quyền chấm dứt hợp đồng ngay lập tức nếu các tuyên bố đưa ra trong Cam kết thực hiện này sai lệch về mặt khách quan hay hay phát sinh các lý do loại trừ chúng tôi ra khỏi quá trình đấu thầu sau khi đã đưa ra cam kết thực hiện.

.....
 (Địa điểm) (Ngày tháng) (Tên công ty)

.....
 (Chữ ký)

⁴ Xem “Hướng dẫn nhiệm vụ tư vấn trong Hợp tác tài chính với các nước đối tác” và “Hướng dẫn mua sắm hàng hóa, công trình và các dịch vụ kèm theo trong Hợp tác tài chính với các nước đối tác”